

Lược sử thế giới bằng tranh
CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP

Chủ biên: Zhang Wu Shun

Người dịch: Trà My



NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG

Lời mở đầu

Song song với phong trào cách mạng rực lửa đang diễn ra trên đất Pháp, nước Anh cũng trải qua một cuộc cách mạng kinh tế có ý nghĩa lịch sử không hề thua kém, thậm chí còn quan trọng hơn. Đó là cách mạng công nghiệp. Cách mạng công nghiệp bao gồm hàng loạt bước đột phá về kĩ thuật sản xuất, xã hội loài người chuyển từ phương thức lao động thủ công sang phương thức sản xuất bằng máy móc, từ đó thay đổi tư duy và hệ thống vận hành kinh tế của nhân loại. Đây là cuộc cách mạng mang tính căn bản trong hầu hết các ngành sản xuất công nghiệp. Tới giữa thế kỉ 19, nước Anh trở thành “công xưởng của thế giới” và khi ấy, cuộc cách mạng công nghiệp cũng liên tục mở rộng khắp thế giới.





Vì sao cách mạng công nghiệp lại ra đời đầu tiên tại nước Anh? Có rất nhiều nguyên nhân. Về chính trị, chế độ quân chủ lập hiến được thành lập tại Anh sau cuộc cách mạng vinh quang* vào năm 1688, rồi dần hoàn thiện vào thế kỷ 18, việc tăng lớp quý tộc bị tư sản hóa khiến cho giai cấp tư sản và giới quý tộc phong kiến có chung quyền lợi. Về kinh tế, nước Anh sớm tích lũy được một lượng lớn tư bản thông qua nhiều con đường khác nhau như cướp đoạt của dân thuộc địa, mua bán nô lệ da đen, chiến tranh thương mại, phát hành trái phiếu chính phủ và trưng thu thuế... Về kĩ thuật, từ giữa thế kỷ 16 đến cuối thế kỷ 18, các công xưởng thủ công của nước Anh phát triển thần tốc, năng suất được nâng cao rõ rệt. Ngoài ra, “phong trào rào đất” còn tạo ra một lực lượng lao động hùng hậu, đáp ứng nhu cầu nhân lực cho sản xuất công nghiệp.

Kinh tế Mỹ thời kì này cũng phát triển thần tốc. Nước Mĩ bước vào thời kì vàng son. Tới năm 1894, sản xuất công nghiệp của Mỹ vươn lên vị trí số một thế giới, trở thành nước tư bản chủ nghĩa tiên tiến nhất. Nguyên nhân chủ yếu của hiện tượng này là do: Thứ nhất, sau cuộc nội chiến Nam – Bắc, nước Mỹ đã quét sạch chướng ngại trên con đường phát triển chủ nghĩa tư bản. Thứ hai, công cuộc khai phá miền Tây đã mở rộng thị trường; một lượng tư bản khổng lồ được rót vào từ châu Âu; rất nhiều kĩ thuật khoa học tiên tiến và kinh nghiệm sản xuất tiên tiến được ứng dụng rộng rãi...

* Vào năm 1688, nghị viện Anh đã tiến hành cuộc chính biến lật đổ triều đại Stuart mới khôi phục ngai vàng, đồng thời xác định “Luật về các quyền”, hạn chế vương quyền, xây dựng chế độ quân chủ lập hiến.



Thế nhưng, quá trình tích lũy nguyên thủy và sự phát triển ban đầu ấy được xây dựng trên mồ hôi nước mắt của phần đông dân chúng bản địa và các nước khác. “Phong trào rào đất” cướp ruộng ở Anh khiến đông đảo dân thường phải sống lang thang nay đây mai đó. Có tài liệu chỉ ra rằng, tới cuối thế kỉ 19 khi “phong trào rào đất” kết thúc, quá nửa đất đai ở Anh đều biến thành đồng cỏ. Nước Anh và nước Mỹ buôn bán, nô dịch một lượng lớn nô lệ da đen. Từ thế kỉ 15 đến thế kỉ 19, do bị đàn áp, đói rét bần cùng hoặc lây lan dịch bệnh, dân số châu Phi đã giảm đi khoảng 60 đến 100 triệu người. Trong các công xưởng rách nát, bần thủy của các nhà tư bản, đâu đâu cũng toàn lao động trẻ em và lao động nữ với tiền công vô cùng rẻ mạt. Các nhà tư bản còn tự ý kéo dài thời gian làm việc, giảm tiền công. Áp lực công việc nặng nề và môi trường làm việc khắc nghiệt khiến nhiều công nhân thiệt mạng...

Bấy giờ, cùng với tiềm lực và vị thế ngày càng lớn, dã tâm bành trướng lãnh thổ của nước Mỹ ngày càng rõ rệt. Năm 1898, Mỹ phát động cuộc chiến tranh Mỹ - Tây Ban Nha và nhanh chóng chiếm được Cu Ba và Philippines từ tay Tây Ban Nha... Sau đó, Mỹ trở thành một trong các cường quốc lớn nhất trên thế giới.

Nhìn chung, từ giữa thế kỉ 18 đến cuối thế kỉ 19, phương Tây phát triển nhanh hơn phương Đông. Châu Âu, Bắc Mỹ phát triển nhanh hơn châu Á, châu Phi và châu Mỹ La Tinh. Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản đã khiến cho cách mạng công nghiệp bùng nổ, cách mạng công nghiệp lại thúc đẩy chủ nghĩa tư bản phát triển. Tuy nhiên, cùng với việc phát triển nguồn lực của quốc gia mình, nhân gấp bội tài sản của giai cấp tư sản thì các nước châu Âu cũng mang tới tai họa khủng khiếp cho dân thường trên chính đất nước mình và cả các quốc gia khác.

Chương 1: *Nước Anh trước cách mạng công nghiệp*

Nội dung chính:

Buôn bán nô lệ da đen

Từ giữa thế kỉ 15 tới cuối thế kỉ 19, người da đen châu Phi bị thực dân châu Âu bán sang các đồn điền châu Mỹ và trở thành những “cỗ máy sản xuất”.

Chiến tranh chống Pháp

Khi cách mạng công nghiệp vừa mới manh nha, các nước châu Âu đã bảy lần thành lập liên minh chống Pháp do lo ngại cuộc cách mạng Pháp sẽ dẫn tới làn sóng phản đối chế độ quân chủ phong kiến ở châu lục này...

“Phong trào rào đất”

“Phong trào rào đất” hình thành từ thế kỉ 15, kéo dài cho tới cuối thế kỉ 19. Do bị thôi thúc bởi lợi nhuận khổng lồ từ việc nuôi cừu, giới quý tộc phong kiến và giai cấp tư sản đã trưng thu tất cả đất đai công hữu và đất canh tác của nông dân để biến thành các đồng cỏ, khiến hàng loạt nông dân không có đất trồng trọt. Những người này đành phải vào thành phố kiếm sống và trở thành lực lượng lao động rẻ mạt trong các công xưởng.



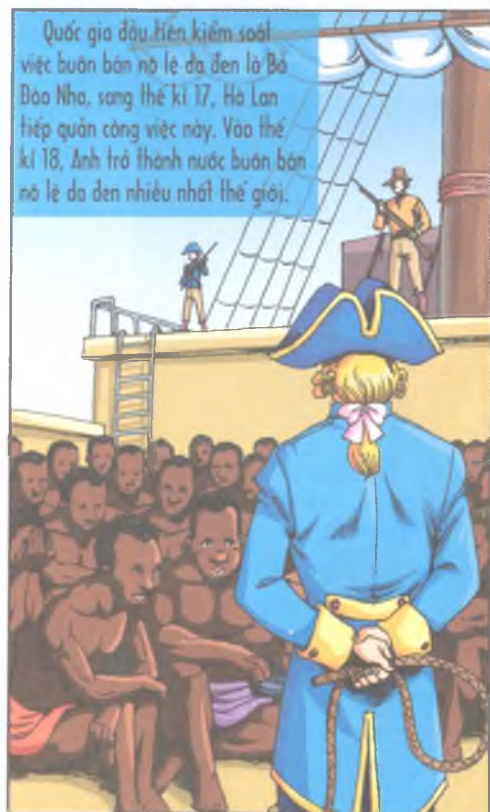
Buôn bán nô lệ da đen



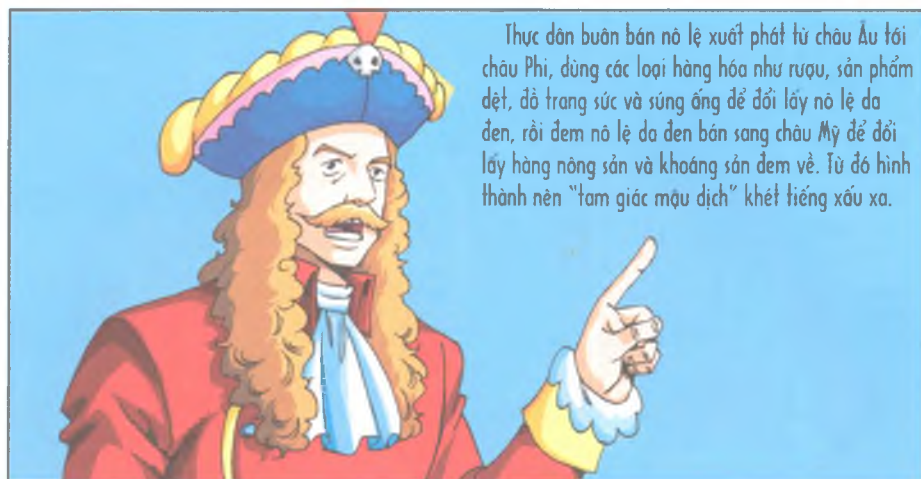
Từ giữa thế kỉ 15 tới cuối thế kỉ 19, thực dân phương Tây bắt hàng loạt người da đen châu Phi và chở sang các lục địa như châu Mỹ. Đây chính là nạn buôn bán nô lệ da đen tàn khốc.



Quốc gia đầu tiên kiểm soát việc buôn bán nô lệ da đen là Bồ Đào Nha, sang thế kỉ 17, Hà Lan tiếp quản công việc này. Vào thế kỉ 18, Anh trở thành nước buôn bán nô lệ da đen nhiều nhất thế giới.







Người châu Âu thường dùng hàng công nghiệp
già rề, thuốc nổ hoặc vũ khí làm mới như để nhà
những tên chỉ điểm đi bắt bầy người của các bộ
lạc thổ dân với họ.







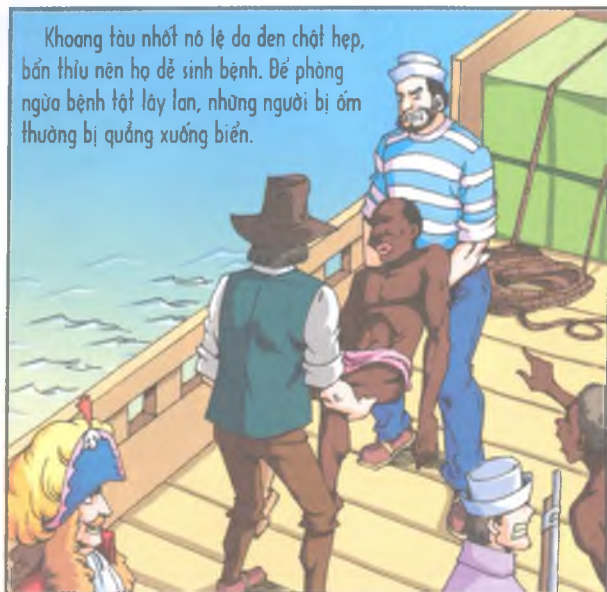


* Vào thế kỉ 16, người ta thường dùng tên gọi này để chỉ châu Mỹ.

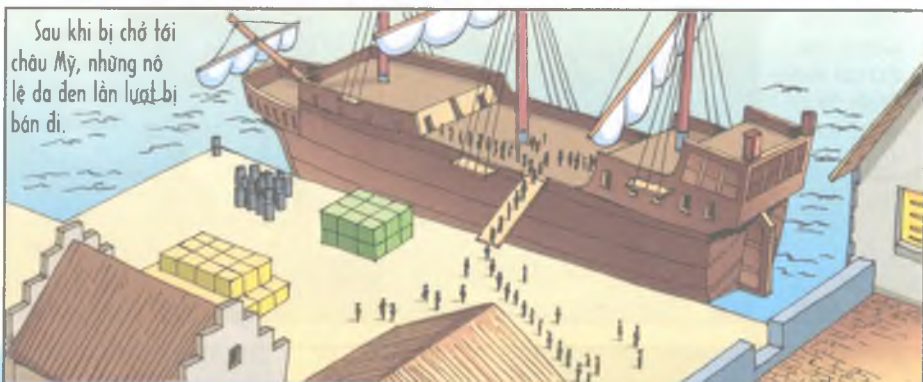




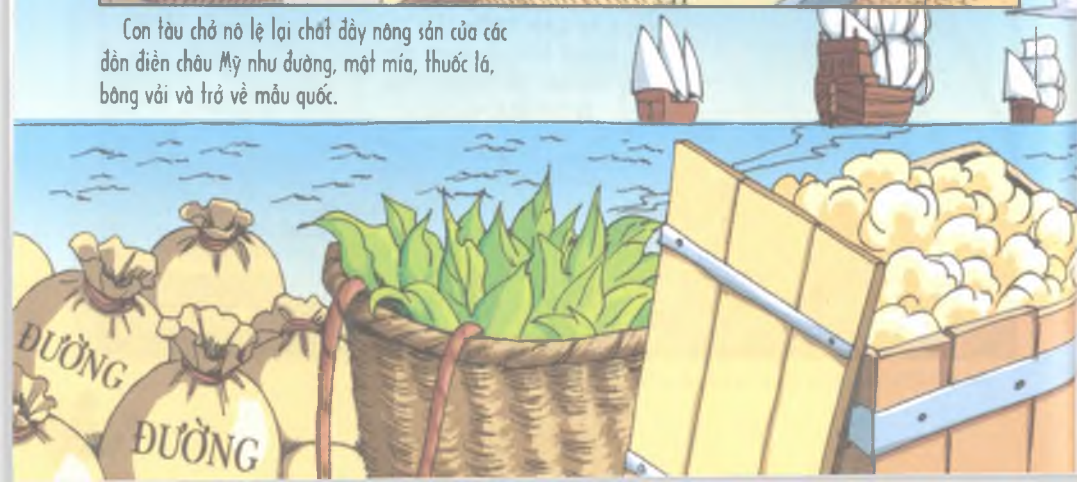
Khoang tàu nhốt nó lệ da đen chật hẹp, bẩn thỉu nên họ dễ sinh bệnh. Để phòng ngừa bệnh tật lây lan, những người bị ốm thường bị quăng xuống biển.



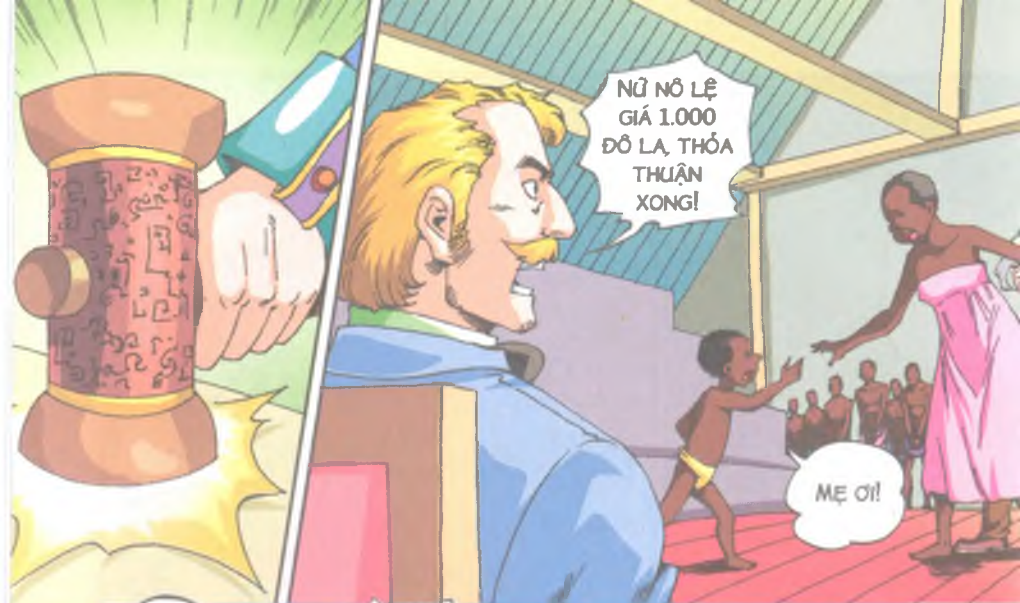
Sau khi bị chở tới châu Mỹ, những nô lệ da đen lần lượt bị bán đi.



Con tàu chở nô lệ lại chất đầy nông sản của các đồn điền châu Mỹ như đường, mật mía, thuốc lá, bông vải và trở về mẫu quốc.







NỮ NÔ LỆ
GIÁ 1.000
ĐÔ LA, THỎA
THUẬN
XONG!

MẸ ƠI!

THƯA
NGÀI, XIN
NGÀI HÃY
MUA LƯÔN
CẢ CON
TÔI THEO
CÙNG.

TÀ MUA
TRÉ CON
LÀM GÌ?
NGƯỜI
HÃY MAU
ĐI THEO
TÔI!

Trong các đồn điền ở miền nam
nước Mỹ, nô lệ da đen sống cuộc
sống chẳng khác gì trâu ngựa.





Các chủ
đồn điền
theo đuổi một
lợi ích rõ ràng:
nà lệ da đen
là những cô
mày kiếm tiền,
không cần sợ
họ mệt mỏi.



LỮ LƯỜI
BIỀNG KIA,
MAU LÀM
ĐI!



ĐỒ KHÔN
KHÔNG
ĐƯỢC LƯỜI
NHẮC!







CHÚNG
MÀY...
ĐỊNH...
ĐỊNH NÓI
LOẠN Ừ?



Một số nô lệ đã đến trên khắp nông trường, giết chết
độc công và thiêu rụi đồn điền, thậm chí còn tụ tập
để khởi nghĩa vũ trang.



BỌN
NÔ LỆ
TRỒN
RỎ!

MAU
BẮT
CHÚNG
NÔ LẠI!



Những cảnh ngộ bất hạnh
của nô lệ đã đến nhận được
sự đồng cảm của những
người có lương tri. Dần dần,
phong trào bãi nô xuất hiện.

NHỮNG
KẺ BẤT BỎ
ĐANG TỚI ĐÂY,
MỌI NGƯỜI HÃY
MAU TRỒN ĐI
BẰNG CỬA
SAU.



Nhà văn Harriet Stowe đã viết cuốn tiểu thuyết "Túp lều bác Tôm" mà ai cũng thích. Câu chuyện vạch trần và tố cáo chế độ nô lệ da đen tàn tối, kích động mạnh mẽ sự ác cảm và áy náy của người miền Bắc nước Mỹ đối với hành vi bắt bớ nô lệ da đen, thúc đẩy phong trào bãi nô phát triển.



NỮ NHÀ VĂN
HARRIET
STOWE

XÓA BỎ
CHẾ ĐỘ
NÔ LỆ!

lì lợu sau, đang dọa
công nhân, nông dân và
những tri thức có lương tri
đưa nhau thêm gia phong
trao đổi nó



CON
NGƯỜI SINH
RA AI CŨNG
BÌNH ĐẲNG, ÉP
BƯỚC NGƯỜI
KHÁC LÀM NÔ
LỆ LÀ TỘI ÁC!



CHẾ ĐỘ NÔ LỆ ĐÃ
QUÁ LỖI THỜI, THỦ
MÀ CHÚNG TA CẦN
LÀ LỰC LƯỢNG LAO
ĐỘNG TỰ DO...



Những người ủng hộ cách mạng
công nghiệp cũng lên tiếng giúp đỡ
những người theo phong trào bãi nô.





TỪ NAY
VỀ SAU, NƯỚC
ANH KHÔNG ĐƯỢC
THAM GIA MUA
BÁN NÔ LỆ, ĐỒNG
THỜI NGHIÊM CẤM
ĐƯA NÔ LỆ TỚI CÁC
THUỘC ĐỊA CỦA
VƯƠNG QUỐC
ANH.

Năm 1807, nước Anh đã thông qua
một pháp lệnh tiêu biểu cho thành
công đầu tiên của phong trào bãi nô.



HI VỌNG
CÁC NƯỚC CÓ
THỂ LẤY ANH
LÀM GƯƠNG ĐỂ
XÓA BỎ CHẾ ĐỘ
NÔ LỆ.



Hồi lâu sau, các quan điểm
phản đối chế độ nô lệ và
ủng hộ chế độ nô lệ bắt đầu
mâu thuẫn gay gắt, dẫn
đến cuộc nội chiến Nam-
Bắc tại Mỹ.

Sau nhiều năm...



CUỐI
CÙNG
CHÚNG TA
ĐÃ GIÀNH
ĐƯỢC TỰ
DO!

Phong trào bãi nô hình thành một trào lưu lịch sử không thể
ngần trở, đóng đảo quần chúng nô lệ bị áp bức bước sang cuộc đời
mới. Dù vậy, ở một số nơi, hoạt động buôn bán nô lệ vẫn kéo dài
thêm gần 100 năm, tới cuối thế kỉ 19 mới thực sự kết thúc.

Chiến tranh chống Pháp



Vào năm 1789, cuộc cách mạng lật đổ triều đại Bourbon nổ ra tại Pháp, nước Pháp trở nên hỗn loạn, nước Anh chỉ khoan tay đứng nhìn chờ thời cơ hành động.

NƯỚC PHÁP LÀ KẸ THÙ LỚN NHẤT CỦA CHÚNG TA, ĐỢI KHI HỌ BỊ CÁCH MẠNG VUI ĐẬP TỚI BỒI CHÚNG TA SẼ THỪA CƠ CHIẾM LẦY CÁC THUỘC ĐỊA CỦA HỌ.

HÈ HÈ...



THỦ TƯỚNG ANH
WILLIAM PITT TRẺ

QUÂN PHÁP ĐÃ VƯỢT QUA SÔNG RHINE!

GÌ CƠ?



William Pitt Trẻ là vị thủ tướng trẻ nhất trong lịch sử nước Anh, nhậm chức khi chỉ mới 24 tuổi. Ông lên thay thế vị trí thủ tướng của cha mình là William Pitt, bá tước xứ Chatham. William Pitt Trẻ là người khởi xướng và lãnh đạo liên minh chống Pháp.

TÌNH THÈ ĐÃ KHÔNG CHO PHÉP CHÚNG TA CHẬM RẼ CHỜ ĐỢI NỮA. CẦN TẬP HỢP CÁC QUỐC LẠI ĐỂ TUYÊN CHIẾN VỚI PHÁP NGAY LẬP TỨC.





* Leopold II: Leopold II là hoàng đế của Đế quốc La Mã thần thánh, vua của Hungary; Bohemia, đồng thời là Đại công tước nước Áo.







Hội nghị lập pháp
của nước Pháp

CÁC NƯỚC
CHÂU ÂU PHẢI
DỪNG NGAY VIỆC
CHI VIỆN CHO
QUÂN PHẢN CÁCH
MẠNG PHÁP.



Nước Pháp lập tức tuyên chiến với nước Áo



Mùa xuân năm 1793, nước
Pháp yêu cầu các nước Áo, Phổ
xóa bỏ liên minh, đồng thời
dừng ngay việc bảo hộ cho các
phản tu phản cách mạng Pháp.
Nước Áo đã từ chối làm việc đó

TƯỚNG LĨNH
CỦA PHE ĐỊCH
CŨNG LÀ CÁC QUÝ
TỘC LƯU VONG CỦA
NƯỚC PHÁP, TRƯỚC
ĐÂY CHÚNG TA ĐỀU
QUEN BIẾT NHAU.

Nhưng các sĩ quan Pháp khi đó
phần lớn đều là quý tộc thù ghét
cách mạng. Các phản tu phản cách
mạng trong nước cũng luôn cầu kết
tụ xa với kẻ thù bên ngoài.

QUÂN
CÁCH MẠNG
SỚM MUỘN GÌ
CŨNG SẼ ĐƯA TẤT
CẢ QUÝ TỘC LÊN
ĐOẠN ĐẦU ĐÀI, CHI
BẰNG HÃY LÀM
PHẢN RỒI TRÒN
LUÔN.



Liên quân Áo - Phổ vượt qua biên giới nước Pháp, chiếm được các cứ điểm trọng yếu Longwy và Verdun, đồng thời nhanh chóng tiến về Paris.



Liên quân độc tuyền ngôn nhằm đe dọa tiến hành trừng phạt quân su với Paris, đồng thời thực hiện kế hoạch trả thù quân cách mạng.

NẾU VUA PHÁP, HOÀNG HẬU CÙNG HOÀNG GIA BỊ XÂM PHẠM THÌ CHÚNG TA SẼ HỦY DIỆT TOÀN BỘ PARIS, XỬ TỬ BỌN PHẢN LOẠN ĐỂ TRỪNG PHẠT TỘI ÁC CỦA CHÚNG!



Nổi giận trước tuyền ngôn đó, người dân Paris phát động khởi nghĩa, lật đổ vua Pháp và chính phủ quân chủ lập hiến, thành lập nước cộng hòa Pháp.

TỔ QUỐC ĐANG LÂM NGUY!

VUA VÀ HOÀNG HẬU LÀ LỮ PHẢN BỘI!



TỪ GIỜ
TRỞ ĐI
NHÂN DÂN
PHÁP CÓ
NGHĨA VỤ
NHẬP NGŨ!

GEORGE
DANTON

MUÔN ĐÁNH BẠI
KẸ THÙ, PHẢI
DỪNG CẮM, DỪNG
CẮM VÀ DỪNG
CẮM! CÓ THỂ MỖI
CỦU ĐƯỢC NƯỚC
PHÁP!

QUỐC
DÂN
MUÔN
NĂM!

CỘNG
HÒA
PHÁP
MUÔN
NĂM!

Quân dân Pháp
anh dũng chiến đấu,
những đội tàn binh
không ngừng đổ ra
trên tuyến.

HÃY CHO CHÚNG TÔI
THAM GIA ĐỘI QUÂN
TÌNH NGUYỆN, CÙNG
GÓP SỨC BẢO VỆ
NƯỚC PHÁP.

HÃY ĐEM BẮN ĐỒ
TRANG SỨC CỦA CHÚNG
TÔI ĐỂ CHỊ VIỆN CHO
QUÂN TÌNH NGUYỆN.

BẮN LIÊN
TIẾP! BẮN
CHO QUÂN
PHÁP TAN
TÁC!

Ngày 20
tháng 9,
trên Valmy và
gần Verdun...



Cuối tháng 10 năm 1792, quân Pháp chiếm được Verdun, đồng thời chuyển từ phòng ngự sang tấn công, liên tục giành được nhiều thắng lợi huy hoàng.





HÃY LẬP TỨC
TRỤC XUẤT CÔNG
SỨ PHÁP RA KHỎI
LONDON, TUYÊN
BỐ CẮT ĐỨT
QUAN HỆ NGOẠI
GIAO VỚI NƯỚC
PHÁP!



ĐÚNG LÀ
MỘT HÀNH
ĐỘNG TÀN
BAO KINH
HOÀNG!

TÔN NGHIÊM CỦA
HOÀNG GIA LẠI BỊ
CHÀ ĐÁP!



THỪA HOÀNG ĐỀ
CÁC NƯỚC, CHÚNG
TA CẦN LIÊN KẾT
LẠI ĐỂ CHẤM ĐỨT
CON ÁC MỘNG
NÀY, NẾU KHÔNG
CHẤU ẤU SẼ
NGUY MẤT.



ĐÚNG! CHÚNG
TA CẦN LIÊN KẾT
LẠI ĐỂ ĐỐI PHÓ VỚI
LỮ BAO TÀN ĐÓ.



William Pitt Trẻ tập hợp một số nước
chư hầu như Phổ, Áo, Nga, Hà Lan và
Tây Ban Nha để thành lập liên minh
chống Pháp lần thứ nhất, bắt đầu cuộc
chiến chống Pháp trường kì.



QUÂN TA
NÊN BẮT
ĐẦU TẤN
CÔNG TỪ
ĐÂU?



ĐỪNG LO,
NGƯỜI PHÁP
SẼ TỰ MỞ CỬA
CHÀO ĐÓN
CHÚNG TA
THÔI.







Quân Pháp tiếp tục tấn công liên minh. Năm 1795, quân Pháp đánh bại Hà Lan. Hà Lan lại quay sang liên minh với Pháp. Sau đó, các nước Phổ, Tây Ban Nha lần lượt rút lui khỏi cuộc chiến tranh.

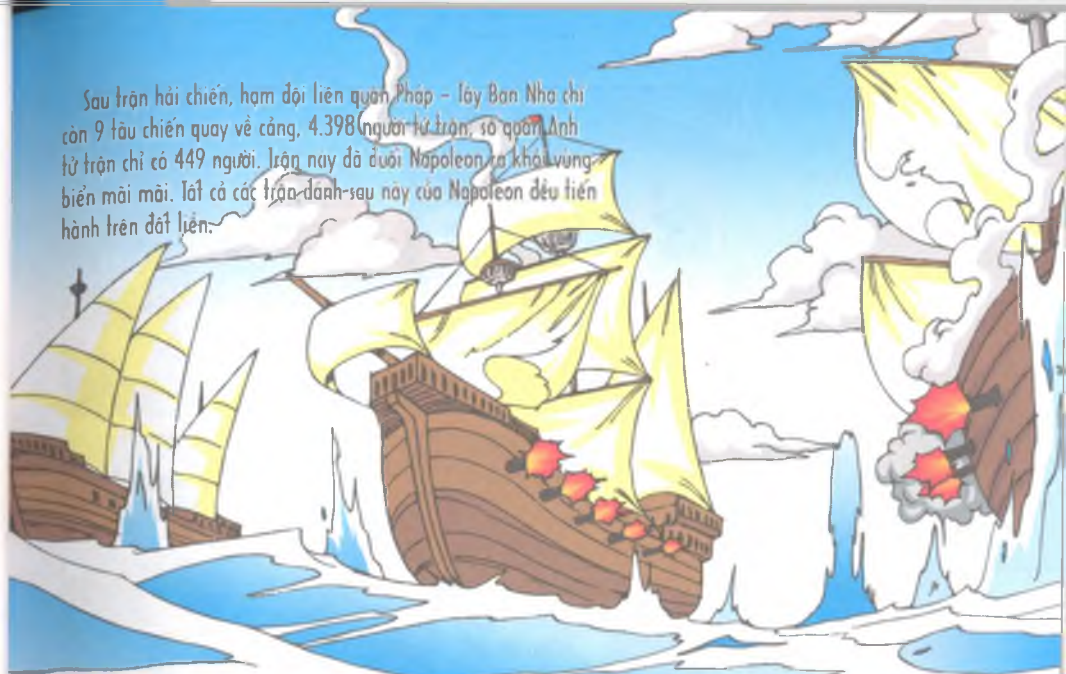








Sau trận hải chiến, hạm đội liên quân Pháp - Tây Ban Nha chỉ còn 9 tàu chiến quay về cảng. 4.398 người tử trận, số quân Anh tử trận chỉ có 449 người. Trận này đã đuổi Napoleon ra khỏi vùng biển mãi mãi. Tất cả các trận đánh sau này của Napoleon đều tiến hành trên đất liền.



Tháng 1 năm 1806,
William Pitt Trẻ qua đời.



TRẦM
ĐÃ CỐ GẮNG
LÀM TRÒN
NGHĨA VỤ.
SAU NÀY NHỜ
CẢ VÀO CÁC
KHANH.



Liên minh
chống Pháp
cũ tan rã, liên
minh mới lại
hình thành.



TRẦM
SẼ BAN BỎ
"LỆNH PHONG
TỎA DẮT LIỀN",
DẪN BẠI
NƯỚC ANH
VỀ KINH
TẾ.

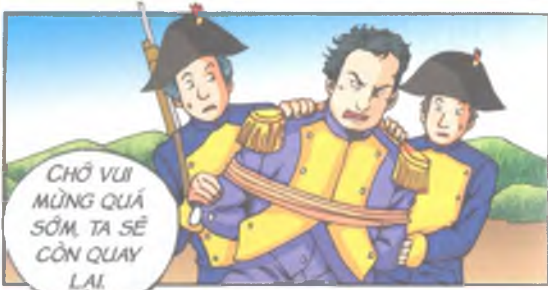
CHÚNG TA CŨNG SẼ ĐÁP
TRẢ MẠNH MÊ! NGHIỆM CẢM
VIỆC BÙN BÀN VỚI PHÁP
VÀ CÁC NƯỚC
ĐỒNG MINH
CỦA HỌ.



Cuộc chiến về kinh tế này ảnh hưởng rất lớn đến hai nước Anh và Pháp. Kể từ năm 1807, kinh tế nước Pháp bắt đầu kiệt quệ.



TÀ LẠI BỊ MÙA ĐÔNG NƯỚC NGÀ ĐÁNH BẠI RỒI!



CHỖ VUI MỪNG QUÁ SỚM, TA SẼ CÒN QUAY LẠI.

Ít lâu sau, Napoleon tìm cơ hội khôi phục ngai vàng. Lúc này, đại diện các nước - vốn đang thảo luận vấn đề sau chiến tranh tại hội nghị Vienna - đã nhanh chóng đi đến thỏa thuận thành lập liên minh chống Pháp lần thứ 7, đánh bại hoàn toàn Napoleon.



MUỐN TẮT HOẢNG ĐỂ BỆ HẠ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG SAU NÀY CỦA NGƯỜI CHỈ CÒN LẠI MỖI HÒN ĐẢO SAINT HELENA NHỎ BÉ NÀY THÔI.



Hội nghị ở Vienna đã liên tục thêm một bước trong việc xác lập địa vị số một của cường quốc thực đơn Anh.





NHƯNG ĐẾN CÁ
ĐẤT CÔNG CÙNG
ĐÃ BỊ CHÚNG TA
CHIÊM DỤNG HẾT
RỒI BIẾT TÌM
ĐẦU ĐẤT ĐỂ LẬP
BÀI CHẢN THẢ
NỮA ĐÂY?



NÔNG DÂN VẤN CÒN RUỘNG
ĐẤT CANH TÁC ĐÂY THÔI.
LỢI NHUẬN THU TỬ ĐỒNG
CÓ NHIỀU GẤP BỘI SO VỚI
LÀM RUỘNG. GIAO ĐẤT
CHO NÔNG DÂN TRỒNG
TRỘT ĐÚNG LÀ QUÁ
LÃNG PHÍ!

CÁCH
NÀY HAY
ĐÂY!



ĐẤT RUỘNG CỦA
CÁC NGƯỜI ĐÃ BỊ
QUY HOẠCH THÀNH
ĐỒNG CỎ. HẠN CHO
CÁC NGƯỜI TRƯỚC
TÔI HÔM NAY PHẢI
RỜI ĐI.



NHIỀU THẺ HẸ CỦA
GIA ĐÌNH CHÚNG TÔI
ĐÃ CANH TÁC TRÊN
MẢNH ĐẤT NÀY. SAU
NÀY CHÚNG TÔI
SẼ SỐNG SAO
ĐÂY?

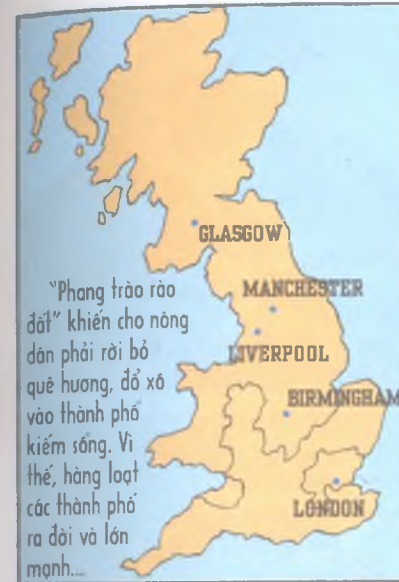
CẦU XIN
ÔNG CHỦ
RÚ LÔNG
THƯƠNG
VỚI CHÚNG
TÔI!



Để thỏa mãn nhu cầu lông cừu, các quý tộc sở hữu đồng cỏ không ngừng khoanh vùng chiếm đất để lập bãi chăn thả. Ban đầu họ trưng dụng đất công hữu như các cánh rừng; đồng cỏ; vùng đất hoang; đầm lầy... Về sau, họ bắt đầu chiếm đất canh tác của nông dân. Tình trạng này càng ngày càng tồi tệ và dần chuyển biến thành "phong trào rào đất" cướp ruộng râm rộ.







"Phong trào rào đất" đã dẫn tới các cuộc khởi nghĩa nông dân quy mô lớn.



PHÁ BỎ
HÀNG RÀO
CỦA ĐỒNG
CỎ NÀY!



Để xoa dịu nông dân, nhà vua
ban bố pháp lệnh hạn chế rào đất.

TRONG VÒNG
1 NĂM, CÁC CHỦ
ĐỒNG CỎ PHẢI
KHÔI PHỤC BÃI
CHĂN THẢ THÀNH
ĐẤT RUỘNG, TRẢ
LẠI CHO NÔNG
DÂN.



PHÁP LỆNH
CHỐNG RÀO ĐẤT
THẬT VỐ VẤN,
CHÚNG TA PHẢI
NƯỚC CỬU THỈ
MỚI GIÀU CHUỐI!

Nhưng pháp lệnh này
chẳng có tác dụng bao
nhiều.







CÁC NHÀ MÁY
TRONG THÀNH PHỐ
ĐANG CẦN CÔNG
NHÂN, CHỈ CẦN ỔN
ĐỊNH CUỘC SỐNG,
NÔNG DÂN SẼ
KHÔNG NỔI LOẠN
NỮA.



TUYỆT QUÁ!
HÃY LẬP TỨC BAN
BỎ PHÁP LỆNH CẤM ĐI
LANG THANG, ĐỂ NÔNG
DÂN BUỘC PHẢI VÀO
CÁC NHÀ MÁY
LÀM VIỆC!



Chính phủ bắt đầu ban bỏ thứ luật lệ tàn bạo
nghe nghiêm cấm lang thang, dùng hình phạt giam
cầm hoặc tử hình để ép buộc nông dân trở thành
lao động làm thuê.



TẤT CẢ DÂN DU CƯ CÓ
KHẢ NĂNG LAO ĐỘNG NẾU
KHÔNG TÌM ĐƯỢC CÔNG
VIỆC TRONG THỜI GIAN
QUY ĐỊNH ĐỀU BỊ XỬ LÝ
THEO PHÁP LUẬT!

TRỜI
ƠI!

ỒI!



Để giữ lấy mạng sống, những người nông dân không thể không bước vào các nhà máy dệt len dạ và các công xưởng thủ công khác.



Trong các công xưởng thủ công đó, tiền lương của công nhân vô cùng rẻ mạt nhưng mỗi ngày họ lại phải làm việc mười mấy tiếng đồng hồ.



TRẢ LƯƠNG
RỒ THẤP MÀ
NĂNG SUẤT LAO
ĐỘNG LẠI CAO.
ĐÚNG LÀ LỜI
TỐ.



Ngành công nghiệp ở thành thị phát triển vượt bậc, dân số thành thị tăng lên nhanh chóng, như cầu về nông sản ngày càng tăng cao.



Bé đáp ứng nhu cầu của thành thị, các quý tộc là chủ các trang trại mở rộng đầu tư, cải tiến kĩ thuật canh tác, đồng thời tăng cường rào đất khoanh vùng.

CÓ CỖ MẤY
GIEO HẠT NÀY
THÌ KHÔNG
CẦN ĐẾN
NÔNG DÂN
NỮA.

DÙNG MÁY GẶT
LÚA NÀY ĐỂ THU
HOẠCH QUẢ THỰC
QUẢ TIỆN LỢI.

Giai cấp tư bản nông nghiệp
giàu có xuất hiện. Họ kinh doanh
nông trường theo hình thức tư bản
chủ nghĩa, cải tiến phương pháp
canh tác, giúp cho sức sản xuất
nông nghiệp tăng mạnh.



Nhà văn nổi tiếng thời đó là Thomas More đã viết trong tác phẩm nổi tiếng "Utopia" của ông rằng: "Cừu vốn là loài vật dễ thuần phục, ham muốn không nhiều, giờ đây chúng lại trở nên tham lam và hung hãn, thậm chí còn ăn thịt người, muốn san phẳng ruộng đồng, nhà cửa và thành phố của chúng ta..."



Xã hội nước Anh trước cách mạng công nghiệp

TỪ BIẾN BÁCH KHOA LỊCH SỬ BỐ TỬ

Trước cách mạng công nghiệp, dường như tất cả mọi thứ ở nước Anh đều đã sẵn sàng cho cuộc cách mạng lớn lao này.

Sau “Cách mạng Vinh quang” năm 1688, chính quyền quân chủ lập hiến được xác lập ở nước Anh. Thể chế này dần được hoàn thiện vào cuối thế kỉ 18, tạo điều kiện cho quá trình tư sản hóa tầng lớp quý tộc, giúp giai cấp tư sản bước lên vũ đài chính trị và nắm quyền, đồng thời tạo môi trường chính trị cần thiết để cách mạng công nghiệp diễn ra thuận lợi.

Trong quá trình bành trướng thuộc địa thời kì đầu, việc cướp đoạt từ thuộc địa; buôn bán nô lệ da đen; chiến tranh thương mại; phát hành trái phiếu chính phủ và trưng thu thuế đã giúp

nước Anh tích lũy một lượng lớn tư bản nguyên thủy, chuẩn bị nguồn vốn khởi động cần thiết cho cách mạng công nghiệp.

Sau cách mạng tư sản Anh, “phong trào rào đất” đã đẩy hàng loạt nông dân vào tình cảnh không có đất đai canh tác, tạo ra đội ngũ vô sản hùng hậu, giải quyết được nhu cầu về lực lượng lao động sau cách mạng công nghiệp.

Từ giữa thế kỉ 16 tới cuối thế kỉ 18, ngành thủ công phát triển thần tốc, tích lũy được kinh nghiệm thực tiễn sản xuất và đổi mới kĩ thuật, đặt nền móng kĩ thuật cho cách mạng công nghiệp.

Nạn buôn bán nô lệ da đen

Khoảng từ thế kỉ 15 tới thế kỉ 19, thực dân châu Âu đã bắt người da đen từ châu Phi bán sang châu Mỹ làm nô lệ. Các nước Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Hà Lan, Anh, Pháp đều lần lượt tham gia những cuộc mua bán này.

Do thực dân châu Âu ra sức phát triển nghề trồng trọt tại châu Mỹ nên họ cần lực lượng lao động lớn. Ban đầu, người lao động trong các đồn điền phần lớn là lao động hợp đồng người da trắng, sau khi hợp đồng hết hạn, họ sẽ trở thành dân tự do. Còn thổ dân da đỏ bản địa châu Mỹ lại bị bọn thực dân tàn sát hàng loạt trong quá trình xâm lăng. Đồn điền tăng chóng mặt, lực lượng lao động ngày càng thiếu thốn, giới thực dân không thể không tìm được nguồn lao động mới. Nô lệ da đen rẻ hơn rất nhiều so với lao động hợp đồng da trắng, lại tiện việc quản lí. Đồng thời, do lợi nhuận khổng lồ từ buôn bán nô lệ da đen nên các thương lái hào hứng theo đuổi nghề buôn bán bẩn thỉu này. Nạn buôn bán nô lệ càng ngày càng trở nên hưng thịnh.

Nạn buôn bán nô lệ được chia làm ba giai đoạn.

Giai đoạn đầu tiên: Từ giữa thế kỉ 15 tới những năm 80 của thế kỉ 16. Giai đoạn này đánh dấu sự lũng đoạn của các nước tham gia buôn bán nô lệ như Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha và Hà Lan dưới hình thức chủ yếu là bắt bố người da đen bán làm nô lệ.

Thời kì cực thịnh: Từ những năm 80 của thế kỉ 16 tới nửa cuối thế kỉ 18. Các nước buôn bán nô lệ là Hà Lan, Anh và Pháp, với hình thức chủ yếu là tập trung tổ chức bán nô lệ.

Thời kì suy thoái: Từ cuối thế kỉ 18 đến cuối thế kỉ 19. Kể từ đầu thế kỉ 19, nhiều nước trong đó có Anh lần lượt thông qua các pháp lệnh cấm buôn bán nô lệ, nhưng hoạt động mua bán nhỏ lẻ vẫn được duy trì tới cuối thế kỉ 19, Mỹ là nước buôn bán nô lệ chủ yếu vào thời kì này.



Tù trưởng người da đen “tham bát bô mâm”

Thời kì đầu, giới thực dân châu Âu đích thân tới châu Phi bắt bớ người da đen bằng việc tổ chức các “đội truy bắt”. Chúng đột ngột tấn công, tập kích các ngôi làng của người da đen và bắt bớ họ nhưng gặp phải sự chống trả quyết liệt của người dân châu Phi. Về sau, giới thực dân châu Âu thay đổi sách lược. Chúng mua chuộc và dụ dỗ một số tù trưởng các bộ lạc bản xứ, khơi mào chiến tranh giữa các bộ lạc, sau đó mới dùng vật chất như súng ống, đạn dược, đồ trang sức loại nhỏ để đổi chác tù binh.

Chính sự hung bạo của giới thực dân và sự tham lam của các tù trưởng người da đen đã dẫn tới thảm họa lan tràn khắp châu Phi – nạn buôn bán nô lệ từ thế kỉ 15 tới thế kỉ 19, gây hậu quả cực kì nghiêm trọng. Trước hết là sự tổn thất về dân số, do nạn buôn bán nô lệ da đen mà dân số châu Phi mất đi gần 100 triệu người, tỉ lệ dân số châu Phi từ mức chiếm 11% tổng dân số thế giới vào năm 1500 giảm xuống còn 6,8% vào năm 1900. Lực lượng sản xuất bị phá

hoại nghiêm trọng, cơ cấu xã hội vốn có tan vỡ; tiến trình phát triển kinh tế xã hội bị gián đoạn, vì thế xã hội châu Phi bị tụt hậu tới vài trăm năm. Việc buôn bán nô lệ đầy tội ác khiến nhiều người ở châu Âu bỗng trở nên giàu có. Anthony Bacon - ông chủ lớn ngành luyện kim nổi tiếng ở nước Anh là một ví dụ điển hình. Từ năm 1768 tới năm 1776, ông ta đem các vật phẩm như dao găm, rượu tới châu Phi, khơi mào chiến tranh giữa các bộ lạc bản xứ, rồi lấy những vật phẩm đó trao đổi tù binh với các bộ lạc chiến thắng. Đôi khi, ông ta còn đích thân đi bắt bớ người da đen. Nhờ những giao dịch tanh mùi máu đó mà chỉ trong vòng 8 năm, Anthony Bacon đã tích lũy được khối tài sản khổng lồ trị giá 76.000 bảng Anh.

Có thể nói, sự phồn vinh của châu Âu được trả giá bằng sự tụt hậu của châu Phi. Sự tham lam của các tù trưởng châu Phi lại chẳng khác nào “giải khát bằng rượu độc”!

Việc vận chuyển nô lệ da đen

Trong thời kì nạn buôn bán nô lệ da đen tồn tại, các lái buôn nô lệ chất đầy hàng hóa lên tàu và xuất phát từ các cảng London, Liverpool, Marseilles đi tới châu Phi. Người ta gọi đây là “Hành trình đầu tiên”. Sau khi dùng hàng hóa để đổi lấy nô lệ ở châu Phi, họ tiếp tục vận chuyển người tới các nơi (gồm cả châu Mỹ) để bán, người ta gọi đây là “Hành trình trung tâm”. Cuối cùng, họ đem bông vải, đường mật, khoáng sản được mua hoặc trao đổi từ châu Mỹ về châu Âu, người ta gọi đây là “Hành trình trở về”. Do tuyến đường tạo thành hình tam giác, cho nên người ta gọi nó là “tam giác mật dịch”.

Trước khi nô lệ da đen bị vận chuyển và bán tới cảng đích, nhìn chung, quá trình vận chuyển phải trải qua 3 giai đoạn:

1. Di chuyển từ trong đất liền ra tới nơi tập trung ở ven biển. Chẳng đường này nhìn chung tương đối xa xôi, để ngăn ngừa nô lệ da đen chạy trốn, các lái buôn nô lệ thường đeo cùm chân; xích sắt cho nô lệ hoặc bắt họ mang vác mấy chục cân hàng hóa. Hằng ngày, nô lệ da

đen chỉ được ăn một chút đủ để sống, nếu hơi tỏ ra không phục tùng sẽ bị đánh đập hoặc xử tử một cách bữa bãi.

2. Chọn lựa ở nơi tập trung. Sau khi tới nơi tập trung ở ven biển, trải qua cuộc kiểm tra sức khỏe, những người đạt yêu cầu sẽ bị bán, những người không đạt yêu cầu sẽ bị xử trí tùy ý, thậm chí là giết chết.

3. Vận chuyển nô lệ bị bán lên tàu. Môi trường trên tàu buôn nô lệ cực kì tối tăm, ẩm ướt, thấp, không gian chật hẹp, bệnh truyền nhiễm thường xuyên xuất hiện, nhiều nô lệ da đen tử vong ngay trên đường, một số người bị ném xuống biển do đau ốm... Khi nô lệ da đen được vận chuyển tới cảng đích, tỉ lệ tử vong nhìn chung chiếm tới 1/3 tổng số người, thậm chí đôi khi còn tới mức quá nửa.



Việc buôn bán nô lệ da đen vấp phải sự phản kháng

Nạn buôn bán nô lệ da đen đem lại nỗi thống khổ cho người dân châu Phi, cho nên người da đen đã phản kháng bằng nhiều hình thức. Họ đã giáng những đòn chí mạng vào nạn buôn bán nô lệ da đen.

Đầu tiên là sự phản kháng của nhân dân bản địa châu Phi. Ngay từ giữa thế kỉ 15, những người Bồ Đào Nha buôn bán nô lệ đã nếm mùi đau khổ do bị trúng tên độc của người da đen bản địa. Đầu thế kỉ 16, vua Congo của châu Phi từng viết thư cho vua Bồ Đào Nha, khiển trách việc buôn bán nô lệ của người Bồ Đào Nha. Ở các khu vực như Congo, Angola còn xuất hiện các đoàn thể vũ trang quy mô lớn chống lại nạn buôn bán nô lệ.

Sự phản kháng của người da đen còn diễn ra trên các con tàu vận chuyển. Từ năm 1700 tới năm 1845, chỉ riêng trên các tàu vận chuyển nô lệ của Anh và Mỹ đã xảy ra hơn 50 cuộc khởi nghĩa của nô lệ da đen.

Tại châu Mỹ, nô lệ da đen đấu tranh bằng các hình thức như bỏ trốn, lẩn công, phá hoại, khởi nghĩa vũ trang...

Trong đó, cuộc đấu tranh gây tiếng vang nhất và thành công nhất là cuộc khởi nghĩa của nô lệ da đen Haiti từ năm 1790 đến năm 1803, họ còn thành lập quốc gia Haiti độc lập.

Xóa bỏ nạn buôn bán nô lệ da đen

Do các cuộc lẩn công, bãi công, bỏ trốn, thậm chí là khởi nghĩa xảy ra liên tục, thêm vào đó là tỉ lệ tử vong của nô lệ quá cao nên các chủ nô phải chịu tổn thất nặng nề. Điều quan trọng hơn là cùng với sự phát triển thần tốc của chủ nghĩa tư bản, các nhà tư bản lại càng ngày càng cần đến lực lượng lao động tự do. Vì thế, vào đầu thế kỉ 19, nước Anh, nơi chủ nghĩa tư bản phát triển nhất, đã đi đầu trong phong trào xóa bỏ chế độ nô lệ. Sau đó, Anh, Thụy Điển, Hà Lan, Bồ Đào Nha... đều lần lượt soạn thảo pháp lệnh nghiêm cấm buôn bán nô lệ da đen. Đến cuối thế kỉ 19, nạn buôn bán nô lệ da đen đã bị xóa bỏ.



Việc buôn bán nô lệ da đen và nền kinh tế nước Anh

Việc buôn bán nô lệ da đen đóng vai trò to lớn trong thời kì tích lũy tư bản nguyên thủy của nước Anh. Nước Anh tham gia buôn bán nô lệ da đen vào cuối thế kỉ 16, tới đầu thế kỉ 18 đã trở thành nước buôn bán nô lệ lớn nhất. Nước Anh đã kiếm được khoản lợi khổng lồ, chỉ riêng Liverpool trong 10 năm (từ 1783 tới 1793) đã bán hơn 300.000 nô lệ da đen đến quần đảo Tây Ấn, bình quân mỗi năm thu được tới 1,118 triệu bảng Anh. Ngoài việc trực tiếp thu lời từ buôn bán nô lệ ra, việc bán đi các loại hàng hóa và mua về những nguyên liệu công nghiệp mà trong nước cần đến cũng thúc đẩy sự phát triển công nghiệp của nước Anh.

Muốn biết buôn bán nô lệ đóng góp như thế nào đối với nền kinh tế của nước Anh, xin hãy

xem dữ kiện của một thành phố. Thành phố Liverpool nằm ở phía Tây miền Trung nước Anh, cách London hơn 320 km về phía Tây Bắc, là hải cảng lớn thứ hai của nước Anh, nhưng trước đó, nơi này chỉ là một vùng nông thôn hẻo lánh hoang vu. Chính việc buôn bán nô lệ da đen đã khiến thành phố này nhẩy vọt thành hải cảng lớn. Năm 1795, số lượng giao dịch nô lệ da đen của Liverpool chiếm tới 5/8 của nước Anh, chiếm 3/7 của châu Âu. Cuối thế kỉ 18, Liverpool đã trở thành hải cảng buôn bán nô lệ lớn nhất châu Âu. Một nhà văn thời đó từng nói: "Hải cảng của chúng ta được xây dựng bằng nguồn vốn tích lũy từ việc buôn bán nô lệ."



Một mẩu quảng cáo rao bán nô lệ

Buôn bán nô lệ là việc làm man rợ và tàn khốc. Trong các giao dịch nô lệ, người da đen hoàn toàn mất đi tư cách và sự tôn nghiêm của con người, họ trở thành một món hàng. Đoạn văn sau là nội dung một mẫu quảng cáo rao bán nô lệ da đen, nó bóc trần mánh tòi của việc buôn bán người.

"Ngày 24 tháng 7 năm 1769, Charlton, vào thứ 5 ngày 3 tháng kể tiếp sẽ bán đấu giá 94 nô lệ da đen trẻ khỏe bao gồm 39 đàn ông trưởng thành; 24 phụ nữ trưởng thành; 15 bé trai; 16 bé gái. Những nô lệ da đen này vừa được công ti David & Johndias vận chuyển từ Sierra Leone tới."

Tác phẩm "Cội rễ" phản ánh nạn buôn bán nô lệ

Nhà văn Alex Haley người da đen của nước Mỹ đã bỏ ra 12 năm để tìm tòi nghiên cứu về lịch sử dòng họ kể từ thời ông tổ 7 đời của ông là Kunta Kinte để viết nên cuốn tiểu thuyết dài "Cội rễ". Trong cuốn tiểu thuyết này, ông miêu tả về cuộc sống tự do tại châu Phi, nỗi cực khổ mà Kunta Kinte phải trải qua sau khi bị đem bán sang châu Mỹ, cuộc sống bi thảm của con cháu dưới chế độ nô lệ và những trải nghiệm của gia đình sau khi giành được tự do.

Sau khi được xuất bản vào năm 1976, tác phẩm "Cội rễ" lập tức trở thành cuốn sách bán chạy mà mọi người yêu thích, được coi là "Phát ngôn kinh điển về lịch sử đầy máu và nước mắt trong hơn 200 năm của nô lệ da đen". Bộ phim truyền hình được chuyển thể theo nội dung của nó đã lập kỉ lục về số lượng người xem tại Mỹ là 130 triệu người.

"Con tàn nô lệ"

Những câu thơ trong bài thơ "Con tàn nô lệ" do nhà thơ Henrich Heine nổi tiếng của nước Đức sáng tác đã phản ánh một cách sinh động tình hình hình thực tế của nạn buôn bán nô lệ da đen:

"Dù là cao su hay hổ tiêu,
Tôi chất lên tàu ba trăm kiện,
Tôi có vàng cốm lẫn ngà voi...
Nhưng sao sánh với lô hàng đen quý giá.
Đặt chân tới Senegal, tôi chối luôn một vụ
Đổi sáu trăm nô lệ với giá bèo,

*Thần hình khỏe mạnh, cơ bắp chắc sần
Chẳng khác gì sắt thép thượng hạng.
Bằng số hàng hóa tôi mang theo,
Nào rượu, nữ trang rẻ tiền, rồi hạt cườm,
Chỉ cần một nửa còn sống sót,
Là tôi đã kiếm lời gấp đôi.
Nếu còn ba trăm nô lệ sống sót,
Khi tôi cảng Rio de Janero,
Tôi sẽ kiếm một trăm ducat mỗi người,
Từ công ti Gonzales Perreiro."*



Thái độ của các nước đối với cách mạng Pháp

Trong cuộc đại cách mạng Pháp nổ ra vào cuối thế kỉ 18, quần cách mạng đã lật đổ triều đình Bourbon, xử tử vua Louis XVI. Các vị vua phong kiến của châu Âu lo rằng nếu làn sóng cách mạng này lan sang nước mình thì họ cũng sẽ rơi vào kết cục tương tự, vì thế, họ có cái nhìn thù địch đối với cách mạng Pháp. Thấy sự phát triển như vũ bão của cách mạng Pháp, Anh - quốc gia vốn đi "bình chân như vại" ở bên bờ bên kia bắt đầu lo rằng sự lớn mạnh của nước Pháp sau cuộc cách mạng sẽ khiến họ mất đi bá quyền ở châu Âu và trên biển. Vì thế họ ra sức xúi giục các vị quân chủ phong kiến châu Âu liên kết lại thành liên minh chống Pháp, can thiệp vào cuộc cách mạng Pháp bằng vũ lực.

William Pitt Trẻ

William Pitt Trẻ là thủ tướng trẻ tuổi nhất trong lịch sử nước Anh. Ông sinh vào tháng 5 năm 1759 và mất vào tháng 1 năm 1806. Cha ông là William Pitt từng làm thủ tướng nước Anh vào giữa thế kỉ 18. Năm 1781, ông được bầu vào hạ viện. Năm 1783, ông nhậm chức thủ tướng, khi mới chỉ 24 tuổi. Từ hai năm đầu của thế kỉ 19, William Pitt Trẻ luôn ở vị trí thủ tướng và là một trong những nhân vật chính trị quan trọng nhất nước Anh vào cuối thế kỉ 18. Về chính sách đối ngoại, ông chủ trương hòa giải với nước Mỹ, nhưng lại ủng hộ việc đối kháng với nước cộng hòa Pháp sau đại cách mạng và đế quốc Pháp của Napoleon. Pitt là một trong những người xúi bẩy liên minh chống Pháp.



Liên minh chống Pháp

Từ năm 1792 tới năm 1815, các nước châu Âu từng cùng nhau thành lập liên minh chống Pháp tới 7 lần, chiến tranh với Pháp tới hơn 20 năm. Trong đó, liên minh chống Pháp lần thứ nhất và thứ hai được thành lập để phản đối nước Đệ nhất cộng hòa Pháp, 5 lần sau lại nhằm phản đối Đệ nhất đế quốc Pháp dưới sự cai trị của Napoleon. Trong 5 lần đầu tiên, liên minh chống Pháp đều kết thúc bằng thất bại. Liên minh chống Pháp lần thứ 6 giành được thắng lợi, lật đổ Đệ nhất đế quốc Pháp của Napoleon, đồng thời giúp nhà Bourbon khôi phục ngai vàng tại nước Pháp. Liên minh chống Pháp lần thứ 7 đã đánh bại Napoleon hoàn toàn.

Chế độ sắc phong của giới quý tộc Anh

Giới quý tộc nước Anh ra đời vào khoảng thế kỉ 11, tính đến nay đã có lịch sử gần một ngàn năm. Quý tộc Anh được chia làm hai loại: Một là quý tộc thế tập, chia làm 5 đẳng cấp là công tước, hầu tước, bá tước, tử tước và nam tước, phong hiệu quý tộc của họ có thể truyền đời, thông thường con trai trưởng được thừa kế. Hiện tại, các tước vị quý tộc thế tập rất ít khi được ban cho người ngoài hoàng tộc. Loại thứ hai là quý tộc suốt đời, được chia làm hai tước hiệu là hãn tước và hiệp sĩ. Tước hiệu của quý tộc suốt đời không truyền lại, khi người mang tước hiệu qua đời, tước hiệu sẽ bị xóa bỏ. Các giám mục của giáo hội Anh đều mang tư cách quý tộc nhưng không truyền đời.

Trong lịch sử, hàng năm vua Anh sắc phong quý tộc hai lần, một lần là vào dịp năm mới, lần sau là vào ngày sinh nhật của nhà vua. Ngoài ra, trong các trường hợp đặc biệt như lễ đăng quang của nhà vua, quý tộc cũng được sắc phong.

Hiện tại, người thực sự có quyền quyết định sắc phong là thủ tướng nước Anh. Nữ hoàng Anh chỉ sắc phong về mặt hình thức và ra mặt trong lễ sắc phong mà thôi. Nói chung, các tướng soái của quân đội trung thành và phục vụ đất nước từ 40 năm trở lên và không gây ra vụ bê bối nào, các quan chức ngoại giao, tham tán công vụ và những người thuộc giới văn nghệ giải trí tham gia tích cực trong hoạt động từ thiện đều có thể được thủ tướng chọn làm đối tượng sắc phong quý tộc.



Người Anh và trà

Người Anh nổi tiếng thế giới về sở thích uống trà. Nhà thơ người Anh Calvin Coolidge từng viết: "Xin cảm ơn Thượng đế vì có trà để uống! Thật khó mà tưởng tượng nổi thế giới sẽ thế nào khi không có trà – làm sao mà người ta sống được cơ chứ?" Trước đây, dù ở nhà, ra ngoài hay đãi khách, người Anh đều uống trà, thế nên chất lượng của trà và cách pha trà được chú trọng vô cùng. Vì nước Anh không sản xuất được trà nên

loại đồ uống này được nhập khẩu hoàn toàn. Ngay từ thế kỉ 17, công ti Đông Ấn của nước Anh đã tổ chức cuộc bán đấu giá trà. Cho tới ngày nay, nước Anh vẫn là một trong những nước tiêu thụ nhiều trà nhất thế giới.



Tập tục hôn lễ của nước Anh

Các nước trên thế giới đều có tập tục hôn lễ độc đáo của riêng mình. Trong hôn lễ của người Anh, tập tục "một chút cũ, một chút mới, một chút đi mượn, một chút màu xanh" vô cùng đặc sắc. Tập tục này bắt đầu từ thời Victoria, cách ngày nay đã vài trăm năm. "Một chút cũ" có nghĩa là cô dâu sẽ mặc một món quần áo cũ hoặc đeo một món đồ trang sức cũ của nhà mẹ đẻ trong hôn lễ, tượng trưng cho cội nguồn và cuộc sống quá khứ. "Một chút mới" nghĩa là cô dâu sẽ mặc một món đồ mới tinh, tượng trưng cho cuộc sống mới sau này của mình. "Một chút đi mượn" nghĩa là trong hôn lễ, cô dâu sẽ mang một món đồ của người bạn có hôn nhân hạnh phúc. Nghe nói làm vậy có thể đem lại những điều mỹ mãn và hạnh phúc. Ở nước Anh, màu xanh da trời là tượng trưng của sự thuần khiết; sự chân thành và tình yêu. "Một chút màu xanh" ban đầu có nghĩa là trong hôn lễ, cô dâu sẽ mặc váy cưới màu xanh, sau này dần trở thành việc may thêm một đường viền màu xanh dưới vạt váy cưới của cô dâu. Hiện nay, cách làm tương đối phổ biến là đeo dây buộc vợ màu xanh.

"Phong trào rào đất"

"Phong trào rào đất" là khái niệm được dùng để chỉ việc giới quý tộc phong kiến và giai cấp tư sản mới ở nước Anh tước đoạt đất đai của nông dân từ cuối thế kỉ 15 tới giữa thế kỉ 19. Cái gọi là phong trào "rào đất" chính là việc dùng hàng rào, lan can, hào rãnh... để khoanh vùng và chiếm đoạt đất công hữu hoặc đất được chia của nông dân, biến những khoảnh đất này

thành các đồng cỏ lớn, nông trường lớn tư hữu thuộc giới quý tộc và giai cấp tư sản. Đây là một trong những biện pháp quan trọng nhất để tích lũy tư bản nguyên thủy. "Phong trào rào đất" từng xuất hiện tại nhiều quốc gia Tây Âu, nhưng điển hình nhất là ở nước Anh. "Phong trào rào đất" của nước Anh kéo dài từ những năm 70 của thế kỉ 15 cho tới cuối thế kỉ 19.



Ba giai đoạn của “phong trào rào đất” ở Anh

Từ cuối thế kỉ 15 đến đầu thế kỉ 17 là giai đoạn đầu tiên của “phong trào rào đất” ở nước Anh. Bắt đầu từ thế kỉ 15, phát kiến về các tuyến đường hàng hải mới mở rộ, xuất khẩu lông cừu và ngành dệt len của Anh phát triển thịnh vượng, nuôi cừu trở thành ngành nghề thu lợi nhuận khổng lồ. Vì thế, vùng nông thôn khu vực Đông Nam của Anh - nơi các ngành công thương nghiệp tương đối phát triển - là vùng đầu tiên xuất hiện “phong trào rào đất”. Giới địa chủ, quý tộc, thương gia và chủ nhà máy khoanh vùng và chiếm đoạt đất ruộng của nông dân với quy mô lớn. Hàng loạt nông dân bị buộc phải bán đất ruộng, rời xa quê hương, lâm vào tình cảnh bị đất. Tuy nhiên, chính phủ Anh cũng đưa một số chính sách phân đổi “phong trào rào đất” bởi các lí do về nguồn cung cấp binh lính, tài chính và trật an xã hội.

Từ đầu thế kỉ 17 tới đầu thế kỉ 18 là giai đoạn thứ hai của “phong trào rào đất” ở nước Anh.

Ý nghĩa của “phong trào rào đất” đối với cách mạng công nghiệp

Phong trào rào đất có ý nghĩa với cách mạng công nghiệp chủ yếu ở hai phương diện: Trước hết, nó đã thúc đẩy sự xuất hiện của chủ nghĩa tư bản nông thôn ở Anh và sự phát triển của nông nghiệp; cung cấp thêm nhiều nguyên liệu và lương thực cho công nghiệp và xuất khẩu, đồng thời biến nông thôn thành thị trường tiêu thụ sản phẩm công nghiệp, tạo điều kiện cần bản cho chủ nghĩa tư bản ở Anh. Thứ hai, “phong trào rào đất” khiến hơn một nửa diện tích đất đai của nước Anh thành đồng cỏ, hàng loạt nông dân đổ xô về thành phố, thành lao động tự do, cung cấp lực lượng lao động đông đảo với giá cả rẻ mạt cho chủ nghĩa tư bản nước Anh.

Kể từ đầu thế kỉ 17, sự phát triển thần tốc của ngành thủ công ở Anh cùng với sự xuất hiện của thành thị dẫn tới nhu cầu nông sản ngày càng tăng. Để mở rộng đầu tư cho sản phẩm nông nghiệp và xây dựng các nông trường lớn, giới quý tộc địa chủ tăng cường thực hiện khoanh vùng cướp ruộng, làm đầy lên cơn sốt rào đất. Đặc biệt là sau khi chính phủ Anh công khai ủng hộ “phong trào rào đất” vào năm 1688, quy mô của “phong trào rào đất” lại càng mở rộng. Đến đầu thế kỉ 18, khoảng 2/5 số lượng đất canh tác của nước Anh đã bị khoanh vùng và chiếm đoạt.

Từ đầu thế kỉ 18 tới cuối thế kỉ 19 là giai đoạn thứ ba của “phong trào rào đất”. Nghị viện Anh thông qua hơn 4.700 văn bản dự thảo pháp luật có liên quan tới rào đất, “phong trào rào đất” cũng được mở rộng tới Scotland và Ireland. Tới giữa thế kỉ 19, “phong trào rào đất” gần như đi tới giai đoạn chốt. Đến tận những năm 80 của thế kỉ 19, phong trào này mới chấm dứt.

“Phong trào rào đất” của các quốc gia khác ở châu Âu

Tại châu Âu, ngoài nước Anh, “phong trào rào đất” cũng diễn ra tại nhiều quốc gia khác. Ngay từ thời trung cổ, một số khu vực của châu Âu từng xuất hiện hiện tượng giới địa chủ rào đất cướp ruộng, nhưng mãi tới thế kỉ 18-19 quá trình này mới diễn ra trên quy mô lớn. Ở các nước Đức, Pháp, Hà Lan, Nga và Đan Mạch đều từng xuất hiện “phong trào rào đất”. “Phong trào rào đất” ở các nước này chủ yếu thông qua hình thức chính phủ ban bố pháp lệnh. Kể từ sau năm 1918, “phong trào rào đất” cũng diễn ra tại Tiệp Khắc và Ba Lan.



Chị em nhà Bronte

Ba chị em nhà Bronte là Charlotte Bronte (1816- 1855), Emily Bronte (1818 -1848), Anne Bronte (1820 -1849) sinh ra trong một gia đình mục sư nghèo khổ tại vùng núi hạt Yorkshire thuộc miền Bắc nước Anh. Từ thuở nhỏ họ đã mồ côi mẹ, cuộc sống rất khốn khó. Để kiếm kế sinh nhai, ba chị em đều từng làm gia sư. Cả ba chị em đều có tài năng xuất chúng về văn học. Năm 1847, các tác phẩm "Jane Eyre" của Charlotte Bronte, "Đồi gió hú" của Emily Bronte, "Agnes Grey" của Anne Bronte được xuất bản gần như đồng thời, cả ba người cùng trở nên nổi tiếng.

Emily Bronte và tác phẩm "Đồi gió hú"

Emily Bronte là người em thứ hai trong ba chị em nhà Bronte. Tác phẩm "Đồi gió hú" của bà viết về câu chuyện của đứa trẻ bị bỏ rơi của người Di gan tên là Heathcliff được ông chủ trang viên Đồi gió hú đem về nuôi dưỡng. Nhưng do hoàn cảnh xuất thân nên Heathcliff bị áp bức, lăng nhục tột độ và thất bại trong tình yêu. Sau này Heathcliff rời khỏi trang viên và trở thành người giàu có, anh lại trở về trang viên Đồi gió hú để trả thù. Cuốn tiểu thuyết tràn ngập những cảm xúc mãnh liệt chống áp bức và tình thần đấu tranh mạnh mẽ, được coi là một trong những cuốn tiểu thuyết độc đáo nhất, có sức rung cảm nhất trong lịch sử tiểu thuyết ở nước Anh. Ngôn ngữ trong tác phẩm đẹp đẽ trau chuốt, được tôn vinh là "một ánh thơ tự sự hoàn hảo, rung động lòng người".

Charlotte Bronte và tác phẩm "Jane Eyre"

Charlotte Bronte là chị cả trong ba chị em gái. Thời thơ ấu, bà học trường nội trú với những nội quy ngặt nghèo và điều kiện sinh hoạt tồi tệ. Bà kiếm sống bằng nghề giáo viên và gia sư. Tác phẩm của bà phần lớn miêu tả về sự cô độc, sự phản kháng và đấu tranh của giai cấp tiểu tư sản nghèo khổ. Bút pháp tinh tế cùng tình cảm phong phú của bà mang đậm màu sắc của chủ nghĩa lãng mạn. Tiểu thuyết "Jane Eyre" là tác phẩm tiêu biểu, xây dựng hình tượng nhân vật Jane Eyre có xuất thân nghèo khổ, vẻ ngoài bình thường nhưng độc lập, kiên cường và cuối cùng đã giành được hạnh phúc. Từ khi ra đời, cuốn tiểu thuyết đã được đông đảo độc giả đón nhận và được dịch sang nhiều thứ tiếng.

Jane Austen

Jane Austen là một nhà văn viết tiểu thuyết nổi tiếng của nước Anh, sinh vào tháng 12 năm 1775 trong một gia đình mục sư ở hạt Hampshire. Jane Austen chưa từng học ở trường học chính quy, sống độc thân suốt đời. Từ năm mười ba tuổi đến bốn mươi, bà đã bắt đầu sáng tác, đến năm 1817 thì qua đời vì bệnh tật. Trong suốt cuộc đời bà đã viết tổng cộng 6 cuốn tiểu thuyết là "Li trí và tình cảm" (năm 1811), "Kiêu hãnh và định kiến" (năm 1813), "Trang viên Mansfield" (năm 1814), "Emma" (xuất bản năm 1815), "Tu viện Northanger" (năm 1818) và "Thuyết phục" (năm 1818). Những tác phẩm này chủ yếu viết về hôn nhân và cuộc sống của những người phụ nữ trong những gia đình dòng dõi ở nông thôn, nội dung thể hiện sự quan sát tinh tế kĩ càng, ngôn ngữ sống động dí dỏm, được nhà phê bình văn học gọi là "một Jane Austen không ai sánh kịp".



Cung điện Buckingham

Cung điện Buckingham là một tòa cung điện nổi tiếng trên thế giới, đồng thời là nơi làm việc và nơi ở của gia đình hoàng gia nước Anh. Ban đầu nơi đây là một vườn dâu thuộc về vua Anh James I. Vào đầu thế kỉ 18, công tước Buckingham đã mua lại nơi này, xây dựng thành "Nhà Buckingham". Về sau, nơi này lại được vua Anh George III mua lại. Từ khi nữ hoàng Victoria lên ngôi vào năm 1837, nơi đây chính thức trở thành hoàng cung của các đời vua Anh.

Trải qua nhiều lần sửa sang và mở rộng, cung điện Buckingham hiện nay đã phát triển thành một quần thể kiến trúc hình vương với quy mô đồ sộ. Cung điện chính quay về hướng Đông, ba mặt còn lại đều có các cung điện phụ, ở giữa là một sân lớn hình chữ nhật, được bài trí theo phong cách hoàng gia, có hơn 600 phòng gồm phòng đại lễ; phòng âm nhạc; phòng yến tiệc; phòng trưng bày... Trần nhà bên trong các gian phòng được trang hoàng lộng lẫy, bày biện đồ

đặc theo phong cách cổ điển, trên tường treo các tác phẩm nghệ thuật quý hiếm, sàn nhà trải thảm sang trọng... thậm chí một số tay vịn lan can cũng được nạm vàng. Nếu vua Anh ở trong cung điện thì trên nóc cung điện người ta sẽ treo lá cờ của hoàng gia. Nếu vua Anh không ở trong cung điện thì quốc kì nước Anh sẽ được treo lên. Hiện tại, rất nhiều hoạt động và sự kiện quan trọng tầm cỡ quốc gia của nữ hoàng Anh như triệu kiến thủ tướng và các quan đại thần, tiếp đón và mời các nguyên thủ quốc gia nước ngoài tới thăm hoặc mời các nhân vật cấp cao của chính phủ dự quốc yến... đều được tổ chức tại cung điện Buckingham. Nguyên thủ các nước tới thăm nước Anh và bàn bạc công việc quốc gia cũng trú ngụ tại đây.

Vào khoảng tháng 8, tháng 9 hằng năm, cung điện Buckingham sẽ mở cửa cho dân thường vào tham quan.

Tháp London

Tháp London nổi tiếng thế giới được bắt đầu xây dựng vào năm 1078, sau 20 năm mới hoàn thành, là pháo đài từ thời trung cổ của nước Anh. Vào thế kỉ 13, người ta lại xây thêm 13 tòa nhà hình tháp bên ngoài tháp London để tạo nên bố cục như ngày nay.

Kiến trúc quan trọng và lâu đời nhất là tòa tháp Normandy. Đây là phần chính của cả quần thể kiến trúc, là nơi cư trú của nhà vua và nơi đội quân canh phòng đồn trú. Do được xây dựng bằng đá tảng màu trắng sữa nên nó được gọi là "Tháp Trắng". Tháp cao 32 m, gần 3 tầng, áp dụng cách xây tường đôi, tường dày từ 3 đến 6 m với các cửa sổ quan sát rất nhỏ và tòa tháp vỏ cùng kiên cố.

Tháp London từng là hoàng cung, nhiều đời vua Anh từng cư trú tại đây, đã thành thông lệ, vua Anh phải ở trong tháp London trước khi làm lễ đăng quang. Tháp London còn từng là một nhà tù nổi tiếng, hai hoàng tử con của vua Edward IV, hoàng hậu của vua Henry VIII... đều từng bị

giam cầm tại đây trước khi bị xử tử. Nữ hoàng Elizabeth I trước khi lên ngôi cũng từng bị giam cầm tại nơi này. Ngoài ra, tháp London còn từng là xưởng đúc tiền, đài quan sát, vườn bách thú...

Bên trong tháp có một nhà bảo tàng lưu giữ các báu vật nổi tiếng, trong đó có các báu vật của hoàng gia như vương miện, quyền trượng, châu báu, dao kiếm... Hiện vật nổi tiếng nhất là "vương miện của đế quốc Anh" và "quyền trượng", trên chiếc vương miện đính 3.000 hạt đá quý sáng lấp lánh, còn viên đá quý "ngôi sao châu Phi" ở đầu cây quyền trượng nặng tới 530 kara...

Ngày nay, tháp London là một quần thể kiến trúc thanh lịch với tuổi đời gần 1.000 năm, từng chứng kiến nhiều sự kiện lịch sử của nước Anh và đã trở thành một trong những thắng cảnh được yêu thích nhất, thu hút rất nhiều du khách ở khắp nơi trên thế giới. Vào năm 1992, tháp London đã được ghi tên vào danh sách di sản văn hóa thế giới.



Viện bảo tàng Anh

Bảo tàng Anh, cùng với bảo tàng Mỹ thuật Metropolitan của nước Mỹ và bảo tàng Louvre của nước Pháp, nó là một trong ba viện bảo tàng lớn nhất thế giới.

Vào năm 1753, nhà sưu tập nổi tiếng nước Anh thời đó là hiệp sĩ Hans Sloane qua đời, ông đã để lại di chúc quyên tặng toàn bộ hơn 79.500 món đồ sưu tầm và hàng loạt tiêu bản thực vật cùng với nhiều sách báo, bản thảo của cá nhân mình cho quốc gia. Những món đồ sưu tầm đó sau này được giao cho nghị viện Anh. Bằng tiền quyền góp ủng hộ từ công chúng, tháng 1 năm 1759, viện bảo tàng Anh đã được thành lập tại tòa nhà Montague gần thành phố London và mở cửa miễn phí cho công chúng tham quan. Sau đó, nó được mở rộng phát triển thành quy mô to lớn như ngày nay.

Hiện nay, viện bảo tàng Anh được chia thành 10 phân viện bảo tàng, gồm: bảo tàng Cận Đông cổ đại, bảo tàng Hy Lạp và La Mã, bảo tàng Nhật Bản, bảo tàng Trung cổ và châu Âu cận đại, bảo tàng nghệ thuật phương Đông..., số lượng hiện vật của viện bảo tàng Anh đạt tới con số hơn 6 triệu mẫu

được thu thập từ khắp nơi trên thế giới với nội dung hết sức phong phú. Trong các phân viện này, các tác phẩm nghệ thuật cổ đại mà bảo tàng Ai Cập lưu giữ là nổi tiếng nhất. Số lượng hiện vật trưng bày ở đây lên tới hơn 70.000 mẫu, chỉ đứng sau viện bảo tàng quốc gia Ai Cập với rất nhiều tác phẩm nghệ thuật quý hiếm. Trong hiện vật văn hóa được lưu giữ tại viện bảo tàng nghệ thuật phương Đông, có rất nhiều đồ vật quý hiếm của các thời đại Trung Quốc, số lượng mẫu vật đạt tới hơn 20.000, bao gồm đồ đồng thời Thương - Chu, tranh "Nữ sử châm cứu" của họa sĩ Cổ Khải Chi nhà Đông Tấn và hàng loạt các hiện vật thời Đôn Hoàng.

Tàng thư của viện bảo tàng Anh cũng nổi tiếng thế giới, lưu trữ một số lượng lớn các tác phẩm kinh điển, sách báo, bản thảo viết tay, hồ sơ của nước Anh và thế giới. Ngoài sách báo bằng tiếng Anh ra còn có các loại sách báo bằng nhiều thứ tiếng như tiếng Ả Rập, tiếng Ba Tư, tiếng Phạn, tiếng Trung..., chỉ riêng sách báo tiếng Trung đã có hơn 60.000 loại.

Pháo đài Edinburg

Edinburg nằm ở trung tâm của vùng đất thấp phía Nam của Scotland, thủ đô của vương quốc Scotland vào thế kỉ 15. Vào năm 1707, sau khi Scotland và Anh sát nhập, Edinburg trở thành thủ phủ của Scotland. Nơi đây phong cảnh đẹp đẽ, lưu giữ nhiều dấu tích cổ xưa, được mệnh danh là "Athens của phương Bắc", trong đó, nơi nổi tiếng nhất là pháo đài Edinburg. Pháo đài là biểu tượng tinh thần của Edinburg thậm chí là cả xứ Scotland.

Pháo đài Edinburg nằm ở vị trí cao nhất trên một đỉnh núi cao hơn 135 m so với mực nước biển. Nơi đây vốn là một ngọn núi lửa đã tắt, ba mặt Nam, Tây, Bắc đều là vách đá dựng đứng, phía Đông là một sườn núi dốc, địa thế hiểm trở. Pháo đài Edinburg trang nghiêm, hùng vĩ, khí thế hào hùng. Ban đầu nó là công sự được vua Scotland cho xây dựng để phòng ngự, về sau người ta xây dựng lại nơi này thành cung điện để làm nơi ở. Vào năm 1093, sau khi nữ hoàng Scotland Margaret qua đời, pháo đài Edinburg trở thành nơi ở chính của hoàng gia. Cho tới tận đầu thế kỉ 16, pháo đài Edinburg luôn là một trong các pháo đài trọng yếu của hoàng gia Anh.

Ở giữa pháo đài là quảng trường của hoàng cung, xung quanh quảng trường là các công trình kiến trúc

cao sừng sững từ thế kỉ 16. Trong đó, cung điện phía Đông là nơi nhà vua ở, các đồ vật được bảo tồn hoàn hảo và nguyên trạng, rất nhiều thứ vẫn sử dụng được. Pháo đài lưu trữ các báu vật của vua Scotland như vương miện, quyền trượng, bảo kiếm, và các loại binh khí, quần trang từ thời trung cổ, trong đó có cả những thanh kiếm lớn dài tới 5 inch (1 inch = 0,3 m) trong kho binh khí... Chúng đều là những đồ quý hiếm.

Nghệ nổi, giáo đường Thánh Margaret bên trong pháo đài là công trình kiến trúc lâu đời nhất hiện còn tồn tại. Sự hình thành của nó mang theo một tập tục thú vị, đó là mỗi tuần lễ đều phải có một phụ nữ người Edinburg tên là Margaret luân phiên đến nơi này quét dọn; bài trí và dâng hoa tươi. Trên tường thành của pháo đài, người ta đặt ngay ngắn những khẩu pháo thời xưa. Hiện tại những khẩu pháo cổ này được dùng trong các nghi thức lễ tiết. Từ pháo đài nhìn xuống, cả vùng Edinburg nằm gọn trong tầm mắt, đẹp không tả xiết.

Hiện tại, cứ mùa hè hằng năm, người ta đều tổ chức biểu diễn nghi thức quân đội hoành tráng, thu hút rất nhiều du khách từ khắp nơi trên thế giới đổ về chiêm ngưỡng.



Chương 2: Bước vào xã hội công nghiệp

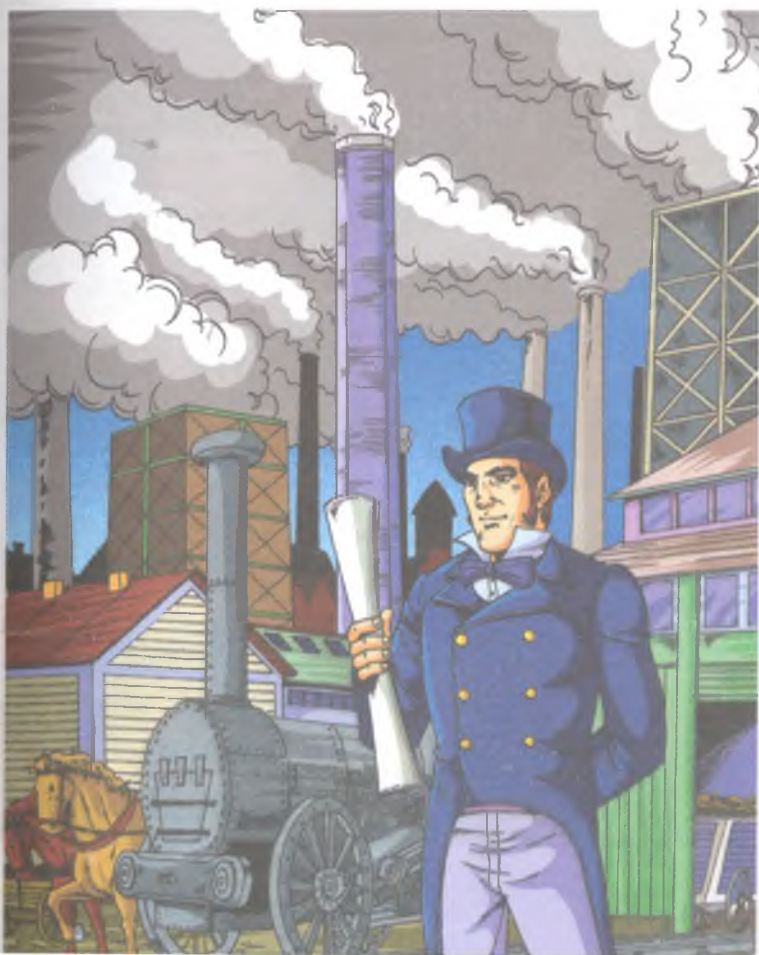
Nội dung chính:

Cách mạng công nghiệp

Từ giữa thế kỉ 18, nước Anh đón nhận công cuộc đổi mới về kĩ thuật công nghiệp với quy mô lớn. Những đổi mới này lan sang đủ các lĩnh vực, bắt đầu từ việc cải tiến máy dệt. Tiếp đó, máy hơi nước ra đời và trở thành biểu tượng cho sự xuất hiện của thời đại máy móc.

Phong trào đấu tranh của công nhân

Cách mạng công nghiệp đã đẩy mạnh sự phát triển của xã hội Âu – Mỹ, đủ loại nhà máy nhanh chóng được xây dựng, hàng loạt lao động vô sản trở thành công cụ kiếm tiền cho các nhà tư bản.



Cuối thế kỉ 18, người ta phát minh ra máy móc mới trên hầu hết các lĩnh vực sản xuất của nước Anh. Máy móc mới không chỉ nâng cao năng suất lên đáng kể mà còn mang lại những thay đổi lớn cho cuộc sống của người dân. Về sau, người ta gọi quá trình này là "Cách mạng công nghiệp".

Cách mạng công nghiệp

ĐANG SAU HẸNG CÒN NHIỀU LẮM, KHUÂN MAU LÊN!



NHU CẦU BÔNG VẢI CÀNG NGÀY CÀNG TĂNG, PHẢI VẬN CHUYỂN NHANH HƠN NỮA!

NHẬP KHẨU NHIỀU BÔNG VẢI THỀ ĐỂ LÀM GÌ?



BÂY GIỜ LƯỢNG TIÊU THU VẢI DỆT BÔNG TẠI MỸ VÀ CHÂU ÂU ĐỀU RẤT CAO!

NẾU NHÀ MÁY CỦA ÔNG CHUYỂN SANG SẢN XUẤT SỢI BÔNG THÌ SẼ KIỂM BỘN TIỀN ĐÂY!

TÔI CŨNG MUỐN MỞ RỘNG NHÀ MÁY, NHƯNG KHÔNG CÓ ĐỦ CÔNG NHÂN!

XUỐNG NÔNG THÔN
TUYỂN NGƯỜI ĐI!
BÂY GIỜ NÔNG DÂN
KHÔNG CÒN ĐẤT
ĐỂ CÁNH TÁC
NỬA ĐẦU.



LẠI CÓ ĐỊA CHỦ
RÀO ĐẤT LÀM
ĐỒNG CỎ
RỒI...

ĐẤT DẠI DÃ BỊ
CÁC ÔNG CUỐP
SẠCH, NÔNG DÂN
CHÚNG TÔI SẼ
SÔNG SAO ĐÂY?



HA HA, VÀO
THÀNH PHỐ
MÀ KIỂM
VIỆC!

HÃY LÀM VIỆC
TRONG NHÀ MÁY
CỦA TÔI THU NHẬP
CAO HƠN TRỒNG
TRỘT RẤT NHIỀU.



LÀM VIỆC TRONG NHÀ
MÁY SẼ KIỂM ĐƯỢC
NHIỀU HƠN TRỒNG
TRỘT Ừ?

TÔI PHẢI
LÊN THÀNH PHỐ
LÀM VIỆC THÔI
DẤU SAO THÌ BÂY
GIỜ CỨNG CHĂNG
CÓ ĐẤT ĐỂ CÀY
CẦY.

CÓ THẬT
THẺ KHÔNG?





Trong thành phố công nghiệp



CÁC QUÝ BÀ
HÃY TÔI NHÀ
MÂY DỆT
CỦA TÔI
LÀM VIỆC
ĐI!

NHÀ MÁY
CỦA TÔI ĐÃ
LẮP ĐẶT
MÂY DỆT
MỚI, CÔNG
VIỆC SẼ
RẤT NHẸ
NHÀNG!

CÁC QUÝ
ÔNG HÃY TÔI
NHÀ MÁY
GANG THÉP
CỦA TÔI LÀM
VIỆC ĐI!

TIỆN LƯƠNG
CỦA NHÀ MÁY
CHÚNG TÔI CAO
NHẤT VÙNG
MANCHESTER ĐÂY!



MUỐN KIẾM ĐƯỢC
NHIỀU TIỀN THÌ NÊN
ĐẾN MỎ THAN CỦA
CHÚNG TÔI LÀM
MỚI ĐÚNG.



NHÀ MÁY CỦA TÔI
THÌ NGAY CẢ PHỤ NỮ VÀ
TRÉ EM CŨNG CÓ THỂ
LÀM VIỆC ĐƯỢC!



Ở các thành phố lớn như Manchester, Birmingham, Liverpool, nông dân có thể tìm được đủ kiểu việc làm. Thế là những người nông dân bị mất ruộng đất đua nhau đổ xô lên thành phố, trở thành công nhân sống chờ tiền lương.



NHỮNG
NGƯỜI XIN
VÀO NHÀ MÁY
DỆT HẸY TẬP
TRUNG BÊN
NÀY.

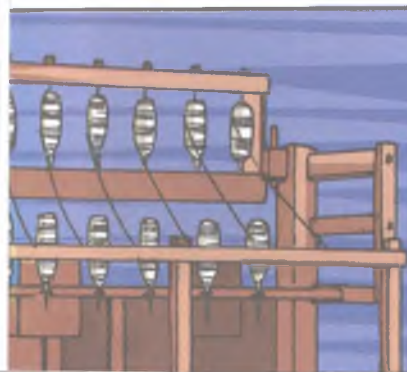
NHỮNG
NGƯỜI ĐI LÀM
Ở MỎ THAN
THÌ SANG
BÊN KIA!



ĐÂY CHÍNH LÀ
CHIẾC MÁY
DỆT JENNY
KIỂU MỒI

Kiểu máy dệt
này sẽ nâng
tốc độ dệt sợi
lên 10 lần.





Cách mạng công nghiệp nước Anh được đánh dấu bằng việc phát minh ra máy dệt. Khi đó, những loại máy dệt tiêu biểu gồm có: Máy dệt Jenny được phát minh năm 1764, nâng sản lượng dệt sợi lên rất nhiều.

Máy dệt chạy bằng sức nước của Arkwright ra đời năm 1769, loại máy dệt này tận dụng sức nước để dệt thành sợi với vừa to vừa chắc.

Máy dệt chạy bằng sức nước mới (tức máy con lə) ra đời năm 1779.



Có cả rất nhiều người làm việc tại mỏ than.



Dưới giếng than tăm tối, do không được thông gió tốt, không khí bị ô nhiễm nên các thợ mỏ gục xuống không còn dậy được nữa.

**MÌNH KHÔNG ĐƯỢC GỤC NGÃ!
HÃY CỐ LÊN,
DẬY NÀO!**

Những cột chống trong hầm lò rất thấp, thông thường chỉ cao 45 cm. Do đường hầm quá thấp nên công việc vận chuyển than được giao cho phụ nữ và trẻ em vốn có thể hình thấp nhỏ.

NGÀI WATT, LIỆU CHÚNG TA CÓ THỂ CẢI TIẾN CỔ MÁY HƠI NƯỚC ĐƯỢC PHÁT MINH TỪ 50 NĂM TRƯỚC ĐỂ SỬ DỤNG HIỆU QUẢ HƠN KHÔNG?

Khi đó, tại trường đại học Glasgow

Ừ... HÃY CẢI TIẾN MÁY HƠI NƯỚC ĐỂ VẬN CHUYỂN THAN HOẶC LÂM ĐỘNG CƠ CHO MÁY DỆT...





OA! BẮT ĐẦU
CHẠY RỒI BẮT
ĐẦU CHẠY RỒI!

BÁNH XE TỰ
ĐỘNG QUAY KÌA,
GIỎI QUÁ.



Năm 1769, James Watt cải tiến thành công máy hơi nước. Máy hơi nước của Watt được ứng dụng trong ngành kéo sợi bông vào năm 1785 và vào ngành dệt sợi bông vào năm 1789. Cách mạng công nghiệp của nước Anh phát triển ngày càng thần tốc.







NGHE NÓI
NGƯỜI MỸ DÃ
CHÈ TAO RA TÀU
THỦY CHẠY BẰNG
HƠI NƯỚC, CHẠY
ĐƯỢC TRÊN BIỂN
ĐÂY...

ĐÚNG VẬY, ĐÓ LÀ
LOẠI TÀU THỦY CHẠY
BẰNG BÁNH XE GUỒNG,
HAI BÊN SƯỜN TÀU ĐƯỢC
LẮP MỘT THỦ GIỒNG
NHƯ GUỒNG NƯỚC
VẬY.



TÀU CHẠY BẰNG BÁNH XE
GUỒNG KHÔNG CHỈ CHỖ ĐƯỢC
NGƯỜI MÀ CÒN CÓ THỂ CHỖ
CẢ HÀNG HÓA
TRÊN SÔNG
HUDSON NỮA.

THẬT Ừ? VẬY TÔI
CŨNG CHÈ TAO TÀU
THỦY CHẠY BẰNG
HƠI NƯỚC.

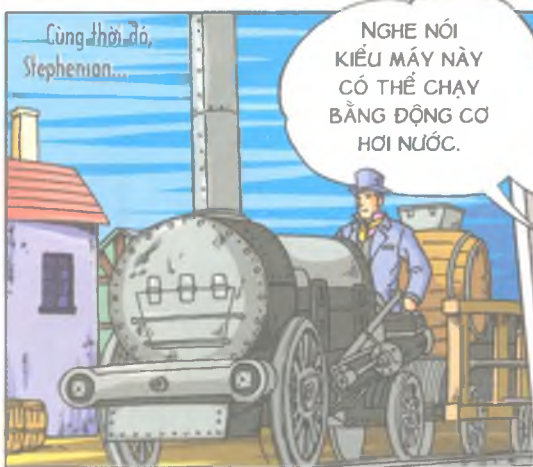


HA HA,
CÁC NGƯỜI
TỰ HẬU
RỒI NHÉ!

ĐÁNG GHÉT,
LẠI BỊ TÀU
CHẠY BUỒM
VƯỢT MẶT
RỒI!

Thế nhưng do sóng biển rất lớn, bánh xe guồng của tàu thủy
loại này chỉ quay tròn mà không thể đưa tàu tiến lên dễ dàng.







THÀNH CÔNG RỒI!
THÀNH CÔNG
THẬT RỒI!

CHÚC MỪNG NGÀI
STEPHENSON!

Năm 1814, Stephenson
đã chế tạo thành công
đầu máy xe lửa chạy
bằng hơi nước.



Năm 1825, tàu hỏa chở khách chạy bằng hơi nước đầu tiên mang tên "Locomotion" do Stephenson chế tạo đã chạy không ngừng để vận chuyển hàng hóa giữa Stockton và Darlington.

TỪ KHI CÓ TÀU HỎA CHẠY BẰNG HƠI NƯỚC, CHÚNG TA CHẴNG CÒN VIỆC ĐỂ LÀM, SAU NÀY SẼ RA SAO ĐÂY?

NHÌN KÌA!
TÀU HỎA
CHẠY BẰNG
HƠI NƯỚC
VƯỢT QUA
CẢ XE
NGỰA!

NẾU TÀU HỎA
CHẠY BẰNG HƠI
NƯỚC CHỞ ĐƯỢC
CẢ NGƯỜI THÌ XE
NGỰA CHẴNG CÒN
TẮC DỨNG NỮA.

ĐỪNG
ĐỨNG NHÌN NỮA,
MAU NHÓT GÀ VÀO
CHUỒNG ĐI! TIẾNG
ỒN CỦA CỎ MÂY NÁT
ĐÓ SẼ LÀM CHO GÀ
KHÔNG ĐỂ ĐƯỢC
TRÚNG ĐÀU.

ĐỨNG ĐÂY,
CON BÒ NÀY
CŨNG TIẾT
SỮA ÍT HƠN
RỒI!



Năm 1830, tuyến đường sắt chở hành khách giữa Liverpool và Manchester được mở ra, tàu hỏa chạy bằng hơi nước bắt đầu chở khách.



Hôm nay mình sẽ dùng 6 con ngựa để kéo xe, mình tin là chúng sẽ vượt qua con quái vật bằng sắt kia!



CỔ LÊN!
ĐỪNG ĐỂ CON
QUÁI VẬT ĐÓ
VƯỢT TRƯỚC!

Từ đó, đường sắt dần dần được mở rộng và phát triển tới mọi góc ngách của nước Anh.



Phong trào đấu tranh của công nhân



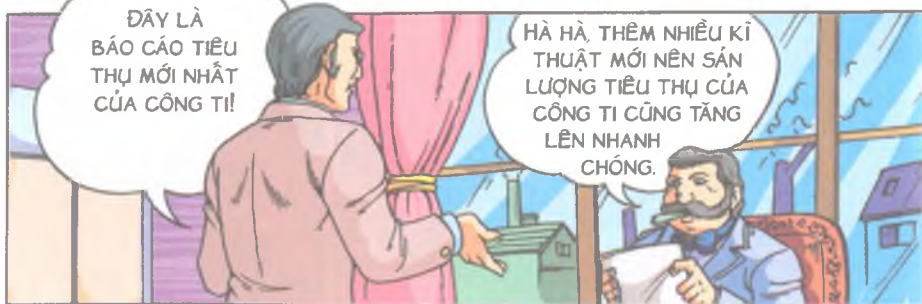
Nhờ có các phát minh mới mà nền công nghiệp nước Anh phát triển nhanh chóng.



Cùng với sự phát triển của công nghiệp, các nhà máy và thành phố lớn lần lượt xuất hiện. Nước Anh được mệnh danh là "công xưởng của thế giới".



ĐÂY LÀ
BẢO CÁO TIÊU
THỤ MỚI NHẤT
CỦA CÔNG TI!



HÀ HÀ, THÊM NHIỀU KÌ
THUẬT MỚI NÊN SẢN
LƯỢNG TIÊU THỤ CỦA
CÔNG TI CŨNG TĂNG
LÊN NHANH
CHÓNG.



NGÀY MAI
LÀ NGÀY
NGHỈ LỄ, NGÀI
CHỦ TỊCH CÓ
ĐỊNH ĐI SĂN
KHÔNG Ạ?

NGÀI MAI TÔI
MUỐN ĐI XEM
ĐUA NGỰA, CẬU
CÓ ĐI KHÔNG?

TÔI NAY
NHÀ TÔI CÒN
MỎ VŨ HỘỊ CẬU
ĐỀN DỰ NHÉ!

Cách mạng công nghiệp
còn tạo ra hàng loạt những
người giàu sụ được gọi là
các "nhà tư bản".

Các nhà tư bản dần
chen chân vào xã hội
thượng lưu, sống cuộc
sống xa hoa.

LEO ƠI CỒ LÊN!
CHẠY NHANH LÊN!
NHANH LÊN NỮA!

NHANH, NHANH NÀO!
HARRY CỦA TAO,
MÀY PHẢI CỒ LÊN!



TUẦN SAU NHÀ TÔI SẼ
MỞ VŨ HỘI HOÀNH TRĂNG,
HI VỌNG QUÝ BÀ SẼ
ĐẪN GÓP VUI.

HI HI! NHẤT ĐỊNH
TÔI SẼ DIỄN BỘ VÁY
SANG TRỌNG NHẤT.

Cách mạng công nghiệp còn tạo ra
mọi giờ giấc mới - giờ công nhân.



MẸ ƠI
CON LẠNH
LẮM!

HỨC,
CON
MUỐN
ĂN GÌ ĐÓ,
DỐI BỤNG
LẮM.

Mọi trường làm việc khắc nghiệt và
liên công ít ỏi khiến
cho cuộc sống của
công nhân rất
kham khổ.



THÊM
MỘT LY NỮA!
NGÀY MAI
LẠI PHẢI NAI
LƯNG RA
LÀM RỒI.

ĐƯỢC
NGÀY
NÀO BIẾT
NGÀY ĐÓ
THÔI.

HẠNH PHÚC
NHẤT LÀ KH
UÔNG SAY.
KHI ẤY TA SẼ
THẤY THIÊN
DẰNG.



ĐỨNG LẠI!
THẰNG NHÓC KIA
TRẢ BÁNH MÌ
CHO TAO!



BỎ,
CHÚNG TA
CÙNG ĂN
BÁNH MÌ
NÀO!

CON ƠI,
BỐ XIN LỖI!
NẾU BỐ TÌM
ĐƯỢC VIỆC
LÀM THÌ CON
SẼ KHÔNG
PHẢI CHỊU KHÓ
THỂ NÀY...



Nơi có điều kiện lao động tồi tệ
nhất chính là mỏ than dưới lòng đất.

CẨN THẬN!
GIẾNG THAN
SẮP NỔ ĐÂY!

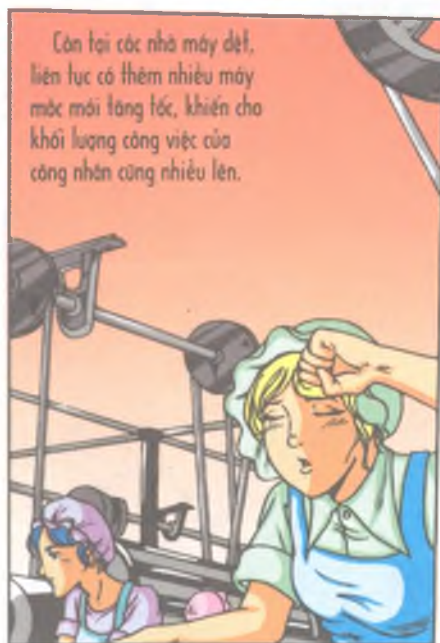


Các vụ rò rỉ giếng than thường
xuyên xảy ra ở các mỏ than.

MẸ ƠI! MẸ MAU
TỈNH LẠI ĐI!



XẢY RA NHIỀU
SỰ CỐ NHƯ VẬY
LÀ DO THIẾT BỊ
TRONG HẦM LỖ
QUÁ SƠ SÀL.





Vì muốn cải thiện cuộc sống, dần dần giai cấp công nhân đã đem đưa ra yêu cầu với nhà tư bản. Trong số các nhà tư bản cũng xuất hiện những người phê phán chủ nghĩa tư bản, chủ trương xây dựng xã hội lí tưởng. Robert Owen chính là đại diện tiêu biểu.







FRIEDRICH ENGELS



KARL MARX



Khi đó, hai học giả người Đức là Karl Marx và Friedrich Engels đã phát biểu "Tuyên ngôn Đảng Cộng sản" tại London.



Karl Marx (1818 – 1883) sinh ra trong một gia đình người Do Thái ở nước Phổ, ông học đại học luật và từng làm chủ biên tờ "Rheinische Zeitung". Về sau ông sáng lập ra chủ nghĩa xã hội khoa học, là người thầy của giai cấp vô sản quốc tế.

Friedrich Engels (1820 – 1895) là người nước Phổ, bạn thân của Karl Marx, lãnh tụ của giai cấp vô sản quốc tế.

HAY LÀ
CHÚNG TA
TRỰC TIẾP
MUA LOẠI
MÁY MÓC
MỚI NHẤT
TỪ ANH VỀ?

ĐƯỢC
VẬY THÌ
TỐT.

ĐÁNG TIẾC LÀ
PHÁP LUẬT NƯỚC
ANH QUY ĐỊNH
KHÔNG CHO PHÉP
BÁN MÁY MÓC
MỚI CHO NGƯỜI
NƯỚC NGOÀI.



Nhà máy gang thép của Pháp được lắp đặt
tại nhà máy mới có sẵn máy bơm hơi nước,
để làm nguội làm việc ở đây.



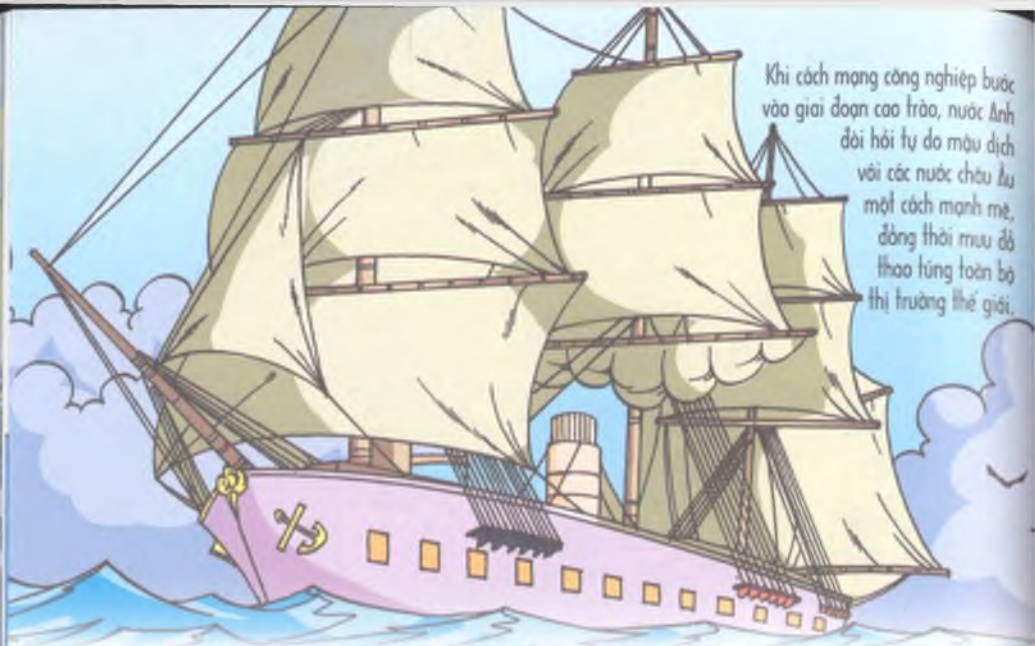
Cách mạng công nghiệp nước Anh bắt đầu từ
đầu thế kỉ 19. Ở các nước Mỹ, Pháp, Đức. Tại giữa
thế kỉ 19 cách mạng mới diễn ra. Đến cuối thế
kỉ 19, Nhật Bản và Nga cũng diễn ra cách mạng
công nghiệp.



Tại nhà máy dệt của thành phố
Okaya, tỉnh Nagano, Nhật Bản



Cách mạng công
nghiệp ở Nhật Bản
diễn ra dưới thời
Minh Trị. Tỉnh Nagano
khi đó có rất nhiều
nhà máy dệt giống
như hình bên, nơi
thuê muốn nhiều nữ
công nhân trẻ.



Khi cách mạng công nghiệp bước
vào giai đoạn cao trào, nước Anh
đòi hỏi tự do mậu dịch
với các nước châu Âu
một cách mạnh mẽ,
đồng thời mưu đồ
thao túng toàn bộ
thị trường thế giới.



PHẢI XEM KÌ
CÁC MẶT HÀNG Ở
TRIỂN LÃM NÀY, TOÀN
MÁY MÓC MỚI VÀ
NHỮNG PHÁT MINH
QUÝ GIÁ ĐÂY.

Năm 1851, trong triển lãm
hội chợ các nước lần thứ nhất
tổ chức tại London, nước Anh
đã thể hiện đầy đủ thực lực
của một nước công nghiệp lớn.



Cách mạng công nghiệp

TỪ ĐIỂN BẠCH KHOA LỊCH SỬ BỐ TỬ

Cách mạng công nghiệp là quá trình quá độ của các công xưởng thủ công với kỹ thuật chủ yếu bằng tay lên các nhà máy với máy móc sản xuất hiện đại. Cách mạng công nghiệp diễn ra đầu tiên tại Anh từ những năm 60 của thế kỉ 18, khởi đầu từ ngành dệt và sau đó là sự ứng dụng của máy hơi nước cải tiến của James Watt vào năm 1785. Những thành tựu kỹ thuật quan trọng trong cách mạng công nghiệp đã tạo cơ sở động lực lớn lao cho nền đại công nghiệp. Sau đó, các ngành công nghiệp nền tảng như luyện kim và khai thác than cũng tiến hành cuộc cách mạng về kỹ thuật. Cùng lúc, ngành giao thông vận tải cũng thực hiện những thay đổi quan trọng.

Cuối thế kỉ 18, cách mạng công nghiệp dần được truyền bá từ Anh sang lục địa châu Âu và Bắc Mỹ, lan rộng sang các khu vực khác trên

thế giới, thúc đẩy chủ nghĩa tư bản ở các khu vực này phát triển nhanh chóng. Những năm 30-40 của thế kỉ 19, cách mạng công nghiệp nước Anh đã hoàn thành. Vào nửa đầu thế kỉ 19, các nước Pháp, Đức, Mỹ cũng lần lượt hoàn thành cách mạng công nghiệp.

Cách mạng công nghiệp trước tiên là một cuộc cách mạng về kỹ thuật dẫn đến sự thay đổi mang tính căn bản giữa lĩnh vực sản xuất và xã hội. Cách mạng công nghiệp cũng là một cuộc biến đổi xã hội sâu sắc, khiến cho giai cấp tư sản và giai cấp vô sản công nghiệp xuất hiện. Đồng thời, các khu vực rộng lớn ở các châu lục Á, Phi, Mỹ La Tinh dần trở thành nơi sản xuất nguyên liệu và thị trường tiêu thụ cho các nước chủ nghĩa tư bản phương Tây, biến thế giới thành một chỉnh thể gắn kết.

Nguyên nhân khiến nước Anh đủ điều kiện tiến hành cách mạng công nghiệp

Trong các nước thời đó, chỉ có Anh là đủ các điều kiện để tiến hành cách mạng công nghiệp.

Lí do thứ nhất là, cuộc cách mạng tư sản diễn ra ở Anh vào thế kỉ 17 đã giúp giai cấp tư sản tham gia chính trường và nắm quyền, do vậy sự phát triển của giai cấp tư sản nhận được bảo đảm về mặt chính trị, tạo điều kiện tiên quyết cho cách mạng công nghiệp.

Thứ hai, hoạt động của thực dân với quy mô lớn tại hải ngoại và "phong trào rào đất" đã cung cấp nguồn vốn hùng hậu, nguồn nguyên liệu phong phú, thị trường rộng lớn và lực lượng lao động làm thuê rẻ mạt đông đảo cho nước Anh, cung cấp nền tảng về kinh tế cho cách mạng công nghiệp.

Thứ ba, rất nhiều kỹ thuật sản xuất và kiến thức khoa học được tích lũy trong giai đoạn công xưởng thủ công nghiệp của nước Anh đã tạo điều kiện về kỹ thuật cho cách mạng công nghiệp.



Cách mạng công nghiệp bắt đầu từ ngành dệt

Cách mạng công nghiệp ở nước Anh được bắt đầu từ ngành dệt với quá trình như sau:

Năm 1733, John Kay phát minh ra con thoi bay giúp nâng cao tốc độ dệt vải.

Năm 1765, James Hargreaves phát minh ra máy kéo sợi Jenny, tốc độ kéo sợi tăng lên.

Năm 1769, anh thợ sửa đồng hồ Richard Arkwright phát minh ra máy kéo sợi thủy lực, dùng sức nước làm động lực, nhanh hơn và ít tốn sức hơn so với máy kéo sợi Jenny, năng suất lại cao hơn, sợi bông chắc bền hơn nhưng tương đối thô ráp.

Năm 1779, anh công nhân Samuell Compton chế tạo thành công máy con lả. Nó mang đủ các ưu điểm của máy kéo sợi Jenny và máy kéo sợi thủy lực, không những năng cao được năng suất lao động mà sợi bông được tạo thành cũng vừa chắc lại vừa mảnh.

Phát minh ra máy kéo sợi Jenny

Phát minh quan trọng đầu tiên của ngành kéo sợi bông trong thời kì cách mạng công nghiệp Anh chính là máy kéo sợi Jenny do James Hargreaves phát minh năm 1765. Loại máy này chạy bằng sức người, có thể cùng lúc kéo được 16 tới 18 cọc sợi, còn máy kéo sợi kiểu cũ chỉ có thể kéo được 1 cọc sợi. Nghe nói, phát minh này ra đời do Hargreaves chứng kiến cảnh tượng vợ mình là Jenny (cũng có người nói đó là con gái ông) vì không cẩn thận đã làm lật úp xe kéo sợi trên nền nhà mà bánh xe và con suốt vẫn cứ quay. Để kỉ niệm phát minh bất ngờ này, Hargreaves đã đặt tên cho chiếc máy này là "Máy kéo sợi Jenny".



Năm 1785, mục sư Edmund Cartwright phát minh ra máy dệt vải thủy lực, năng suất tăng vọt lên gấp 40 lần.

Sau đó, các xưởng kéo sợi và xưởng dệt vải bằng sức nước bắt đầu được xây dựng với quy mô lớn.

Tại nước Anh, cách mạng công nghiệp xuất hiện đầu tiên không phải ở ngành công nghiệp truyền thống mà ở ngành dệt bông "mới nổi". Chủ yếu do hai nguyên nhân dưới đây:

Trước hết, là một ngành công nghiệp mới, ngành dệt bông không chịu sự bó buộc của truyền thống cũ, dễ dàng tiến hành các đổi mới về kĩ thuật cũng như triển khai cạnh tranh.

Thứ hai, vì giá các sản phẩm dệt bông tương đối rẻ, nhu cầu của thị trường lại lớn, để thỏa mãn nhu cầu thị trường, cần phải mở rộng quy mô, gia tăng sản lượng nên nhu cầu đổi mới kĩ thuật trở nên bức thiết.

James Watt và máy hơi nước

James Watt (1736 – 1819) là nhà khoa học nổi tiếng thời cận đại của nước Anh, người phát minh ra máy hơi nước cải tiến. Ông sinh ra tại Scotland, cha ông trước là công nhân đóng tàu lão luyện, về sau chuyển sang làm kinh doanh. Do ốm yếu, nhiều bệnh tật, Watt chưa từng đi học tại trường học chính quy. Đa số kiến thức của ông đều bắt nguồn từ việc tự học. Trong công xưởng của cha mình, ông đã học được nhiều kiến thức về chế tạo cơ khí. Khi Watt 17 tuổi, do cha ông kinh doanh thất bại, ông phải tới một tiệm đồng hồ làm thợ học nghề để kiếm sống, sau đó ông tới London. Năm 21 tuổi, ông làm công nhân sửa chữa và bắt đầu theo đuổi nghiên cứu về máy hơi nước. Ở thời đó đã xuất hiện một kiểu máy hơi nước, nhưng vì mức tiêu hao nhiên liệu rất lớn, năng suất thấp nên không được sử dụng rộng rãi. Watt tổng kết kinh nghiệm của người đi trước, qua nhiều lần cải tiến và thử nghiệm, mất một thời gian dài, cuối cùng ông đã phát minh ra máy hơi nước kiểu mới, đóng góp to lớn cho tiến bộ của xã hội loài người.

Phát minh ra máy hơi nước

Ngành dệt bông ở nước Anh phát triển nhanh chóng, trình độ cơ giới hóa không ngừng nâng cao, tuy nhiên, phương thức truyền động bằng thủy lực phụ thuộc điều kiện mùa vụ và địa điểm nên bộc lộ nhiều hạn chế. Muốn phát triển sản xuất, cần phải tìm kiếm động lực mới. Trong tình hình đó, James Watt người Anh trên cơ sở tiếp thu thành quả nghiên cứu của người đi trước đã nỗ lực tìm tòi trong nhiều năm, cuối cùng đã chế tạo thành công máy hơi nước có tính năng tin cậy.

Việc phát minh ra máy hơi nước có ý nghĩa trọng đại trong lịch sử nhân loại: Nó lấy nguyên liệu từ than đá vốn có sản lượng lớn và khai thác tương đối dễ dàng, kết thúc sự phụ thuộc vào sức kéo của gia súc; sức gió và sức nước, giải quyết được vấn đề tối quan trọng trong phát triển nền đại công nghiệp cơ khí. Từ đó, chỉ cần có than đá, có thể xây dựng nhà máy ở bất cứ đâu, sức sản xuất nhờ thế được nâng cao, giúp cho nền công nghiệp bước vào thời kì sản xuất quy mô lớn. Tới những năm 30 của thế kỉ 19, máy hơi nước đã được ứng dụng rộng rãi vào các ngành dệt, luyện kim, khai thác than, giao thông, đồng thời đưa đến hàng loạt các cuộc cách mạng kĩ thuật.

Chuyến tàu thử nghiệm của Stephenson

Năm 1814, Stephenson người Anh đã nghiên cứu chế tạo ra đầu máy hơi nước đầu tiên trên thế giới. Năm 1825, Stephenson đã chủ trì việc xây dựng tuyến đường sắt đầu tiên trên thế giới kéo dài từ Stockton tới Darlington với tổng chiều dài khoảng 40 km. Ngày 27 tháng 9, Stephenson dự định tổ chức chuyến chạy thử nghiệm.

Buổi sáng sớm hôm đó, chiếc đầu máy xe lửa "Locomotion" do chính Stephenson điều khiển đã nổ máy theo thời gian dự định. Phía sau đầu máy xe lửa là 6 toa xe chở than đá và bột mì, những người ngồi bên trong 6 toa đó là giám đốc và ông chủ của công ti đường sắt, tiếp nữa là 20 toa chở đầy hành khách, cuối cùng là 6 toa chở đầy than đá, trên đoàn tàu có tổng cộng 450 hành khách, trọng tải 90 tấn. Trên đầu máy xe lửa treo một lá

George Stephenson và tàu hỏa

Việc phát minh ra máy hơi nước giúp cho sức sản xuất được nâng cao rõ rệt, những phương tiện giao thông cũ không còn vận chuyển nổi khối lượng hàng hóa ngày càng nặng nề, nên việc đổi mới phương tiện giao thông vận tải là xu thế tất yếu. Từ đầu thế kỉ 18, người ta bắt đầu nghiên cứu dùng máy hơi nước để làm động lực kéo đẩy. George Stephenson người Anh đã có cống hiến đột phá theo hướng này.

George Stephenson (1781 - 1848), sinh ra trong một gia đình công nhân mỏ, gia cảnh bần hàn, không được học hành chính quy, từ năm 14 tuổi ông đã theo cha tới mỏ than làm công nhân. Trong thời gian rảnh rỗi ngoài giờ làm, Stephenson tham gia học trường ban đêm đồng thời kiên trì tự học. Khi các mỏ than của nước Anh sử dụng máy hơi nước để hút nước, Stephenson thường xuyên phải tiếp xúc với loại máy này, ông dần dần tìm hiểu về tính năng và cấu tạo của máy hơi nước. Trải qua quá trình tìm tòi nghiên cứu đầy gian khổ, năm 1814, cuối cùng ông đã nghiên cứu và chế tạo thành công đầu máy chạy bằng hơi nước đầu tiên trên thế giới, từ đó nhân loại bước vào thời kì đường sắt.

Suốt cuộc đời, Stephenson dốc sức cho việc nghiên cứu đầu máy hơi nước, đồng thời cải tiến thêm kĩ thuật về đường sắt. Ông đã đóng góp những cống hiến lớn lao cho việc phát minh ra đường sắt và tàu hỏa.

cờ có viết dòng chữ "Thử nghiệm của cá nhân có lợi cho quốc gia".

Liệu cỗ máy nặng nề đó có thể tự mình di chuyển không? Nó chạy nhanh hơn hay là chạy chậm hơn xe ngựa? Chuyến thông xe đó khiến mọi người phải tò mò. Hôm đó, hàng biển người đứng xem ở hai bên đường sắt, một số người còn cúi ngựa đuổi theo xe lửa, nhiều người thậm chí còn chạy theo xe lửa... Kết quả là, chiếc đầu máy do Stephenson tự mình chế tạo và tự mình điều khiển đã đi hết hành trình với tốc độ 25 km/giờ, tính từ việc của vận tải đường sắt được thừa nhận.

Sau đó, tại nước Anh đã dấy lên cơn sốt xây dựng đường sắt. Từ sau năm 1840, lục địa châu Âu và nước Mỹ cũng lần lượt ra sức xây dựng đường sắt. Đường sắt dần dần được phổ biến khắp lục địa châu Âu.

Fulton và tàu thủy chạy bằng hơi nước

Robert Fulton (1765 – 1815) sinh ra tại nước Mỹ, từ nhỏ ông đã mồ côi cha, gia cảnh nghèo khó, nên phải tới tiệm cơ khí làm thuê. Năm 17 tuổi, Fulton tới Philadelphia, ông vừa học hội họa vừa làm việc tại một nhà máy cơ khí. Năm 1787, ông tới thủ đô London của nước Anh, làm quen với nhà phát minh máy hơi nước nổi tiếng James Watt và một số người khác. Năm 1794, Fulton bắt đầu nghiên cứu về tàu thủy chạy hơi nước.

Trước Fulton đã từng có người thử nghiệm chế tạo tàu thủy chạy bằng hơi nước nhưng không thành công. Trải qua sự nỗ lực không ngừng nghỉ, vào năm 1807, con tàu chạy bằng máy hơi nước do Fulton chế tạo mang tên “Clermont” đã chạy thử thành công trên sông Hudson tại New York, tốc độ hành trình

đạt 5 dặm mỗi giờ, mở ra một trang mới trong lịch sử vận tải đường thủy thế giới.

Suốt cuộc đời, Fulton đã chế tạo tổng cộng 17 chiếc tàu thủy chạy bằng hơi nước, có cống hiến vĩ đại cho sự nghiệp vận tải đường thủy của nhân loại.



Cách mạng công nghiệp và công cuộc đô thị hóa của nước Anh

Đô thị hóa, theo nghĩa rộng, chỉ quá trình lịch sử từ xã hội nông thôn truyền thống, lạc hậu chuyển thành xã hội thành thị tiên tiến, hiện đại. Theo nghĩa hẹp, đô thị hóa chỉ quá trình lịch sử mà dân số thành thị tập trung nhanh chóng, số lượng thành phố không ngừng tăng lên, chức năng của đô thị ngày càng thích nghi với công nghiệp hóa, vai trò của đô thị trong nền kinh tế quốc gia và cuộc sống xã hội ngày càng quan trọng.

Cách mạng công nghiệp bắt đầu từ những năm 60 của thế kỉ 18, nước Anh nhờ đó mà trở thành quốc gia đầu tiên trên thế giới bắt đầu sớm nhất và cũng hoàn thành sớm nhất công cuộc đô thị hóa. Tới những năm 50 của thế kỉ 19, công cuộc đô thị hóa của nước Anh về cơ bản hoàn thành, đô thị hóa đã thúc đẩy tiến trình công nghiệp hóa ở Anh.

Nước Anh hoàn thành công cuộc đô thị hóa nhanh chóng là do các nguyên nhân sau:

Thứ nhất, việc cải tiến kĩ thuật canh tác và thương mại hóa đã giúp nước Anh nuôi sống dân số thành thị bằng dân số nông thôn ít ỏi,

bảo đảm vật chất cơ bản nhất cho công cuộc đô thị hóa.

Thứ hai, ứng dụng rộng rãi về cơ khí khiến cho quy mô sản xuất liên tục được mở rộng, diện tích thành thị không ngừng được mở mang, nhanh chóng phát triển thành đô thị lớn.

Thứ ba, cách mạng công nghiệp đã thúc đẩy một lượng lớn dân số nông thôn di chuyển về thành phố, xây dựng chủ thể cho công cuộc đô thị hóa.

Ngoài ra, cách mạng công nghiệp đã thay đổi kết cấu sản xuất của nước Anh, dẫn dắt ngành công nghiệp và ngành dịch vụ phát triển nhanh chóng, thành thị dần có đủ các điều kiện và thu hút được lực lượng lao động đông đảo, cung cấp đủ nguồn năng lượng cùng với các loại tiện nghi dịch vụ, có lợi cho sự hình thành hệ thống đô thị hiện đại.

Thêm vào đó, những thay đổi to lớn về giao thông vận tải cũng gia tăng mối liên hệ về kinh tế giữa thành thị và nông thôn, thúc đẩy sự phát triển nhanh chóng của đô thị.



Bạc điểm và ảnh hưởng của công cuộc đô thị hóa ở nước Anh

Dưới sự thúc đẩy của cách mạng công nghiệp, công cuộc đô thị hóa của nước Anh có các đặc điểm dưới đây:

Thứ nhất, tốc độ đô thị hóa nhanh, hiệu quả đô thị hóa cao. Công cuộc đô thị hóa mà nước Anh thực hiện chỉ mất khoảng 70-80 năm, hiệu quả đô thị hóa rất cao. Vào năm 1851, dân số thành thị của nước Anh đã chiếm tới 51% dân số toàn quốc, còn dân số thành thị của nước Pháp thời đó chỉ chiếm 25,2% tổng dân số.

Thứ hai, các kiểu đô thị phát triển không cân đối. Trong đó các thành phố theo ngành dệt may, ngành chế tạo và ngành khai thác mỏ phát triển nhanh nhất. Các thành phố truyền thống lại phát triển chậm chạp do xa rời cách mạng công nghiệp, một số thành thị thậm chí còn rất trì trệ.

Thứ ba, trong thành phần dân số thành thị có rất nhiều dân di cư ngoại quốc. Do cách mạng công nghiệp đã cung cấp nhiều cơ hội tìm việc

làm hơn nên dân di cư ngoại quốc trong các đô thị của nước Anh cũng dần tăng lên.

Công cuộc đô thị hóa có ảnh hưởng to lớn đến sự phát triển kinh tế của nước Anh.

Trước tiên, đô thị hóa dẫn tới việc sản xuất, dịch vụ, cư trú, tiêu dùng... đều tập trung tại cùng một khu vực, hình thành nên hệ thống công nghiệp với trung tâm cơ sở tại đô thị, từ đó thúc đẩy công nghiệp phát triển.

Thứ hai, công cuộc đô thị hóa cũng khiến cho dân số thành thị tăng nhanh chóng, nhu cầu về lương thực cũng tăng lên, việc cấp bách là cung cấp, hỗ trợ các phương diện như thiết bị, nguồn vốn, khoa học kĩ thuật... cho nông nghiệp, từ đó thúc đẩy kinh tế tư bản chủ nghĩa nông nghiệp của Anh tiến thêm một bước.

Cuối cùng, việc tiến hành và phát triển đô thị hóa ở nước Anh đã dẫn tới sự thay đổi về trọng tâm khu vực kinh tế.

Một số vấn đề trong cách mạng công nghiệp

Cách mạng công nghiệp cũng đem đến một số mặt trái. Vô số người đổ xô vào thành phố tìm kiếm cơ hội việc làm, nhưng các vị trí việc làm có hạn dẫn đến tình trạng hàng loạt người thất nghiệp. Các nhà tư bản muốn thu được lợi nhuận cao nhất với giá thành thấp nhất nên đã thuê mướn lao động phụ nữ và trẻ em do tiền công rẻ mạt và dễ bề quản lí. Nhà tư bản nghĩ đủ trăm phương ngàn kế để kéo dài thời gian làm việc, giảm tiền công của công nhân. Thời đó, công nhân thiếu thốn các chế độ bảo trợ xã hội cơ bản như điều trị tai nạn lao động, dưỡng lão, điều kiện sinh hoạt của công nhân và gia đình rất sơ sài, ngay cả thiết bị vệ sinh tối thiểu cũng không có đủ, bệnh tật và bệnh dịch thường xuyên xảy ra...

Ngoài ra, các nhà máy không có bất kì biện pháp bảo hộ nào, họ tùy tiện xả thải bụi khói, gây ô nhiễm nặng nề cho bầu không khí và nước sinh hoạt...

Cách mạng công nghiệp lan rộng

Cách mạng công nghiệp có ảnh hưởng to lớn đối với cả châu Âu và thậm chí toàn thế giới.

Khoảng năm 1840, nước Anh hoàn thành cách mạng công nghiệp, trở thành cường quốc công nghiệp đứng đầu trên thế giới. Một số quốc gia Tây Âu và Bắc Mỹ noi gương, làm theo hình mẫu và nhanh chóng bắt kịp nước Anh. Tới nửa đầu thế kỉ 19, các nước Pháp, Đức, Mỹ... cũng lần lượt hoàn thành cách mạng công nghiệp. Tới cuối thế kỉ 19, một số quốc gia Trung Âu (như Ba Lan) và Nam Âu (như Milan) đã có nền công nghiệp với quy mô khá, hoàn thành cách mạng công nghiệp ở mức độ khác nhau.

Cách mạng công nghiệp đã tăng cường thực lực kinh tế và quân sự, các nước Âu - Mỹ đua nhau tranh giành thuộc địa, ảnh hưởng sâu rộng đối với toàn thế giới. Thứ nhất, sự tranh giành thuộc địa của các cường quốc đã phá hoại nền kinh tế và cuộc sống vốn có và gây ra thảm họa nặng nề cho dân bản địa. Thứ hai, các cường quốc tiến hành xâm chiếm thuộc địa đem theo kĩ thuật sản xuất công nghiệp tiên tiến và kiến thức khoa học tới các thuộc địa, góp phần thúc đẩy sự ra đời và phát triển của chủ nghĩa tư bản tại các quốc gia và khu vực này.



Cải cách nghị viện Anh vào năm 1832

Từ khi nước Anh hình thành hai đảng phái chính trị và chế độ nội các với nghị viện là trung tâm, vị trí nghị sĩ thượng viện đều do tầng lớp quý tộc thế tập và các giám mục của giáo hội Anh đảm nhiệm, không cần thông qua bầu cử. Các nghị sĩ hạ viện tuy được bầu cử nhưng lại bị thiếu số quý tộc và giới đại địa chủ, phú hào của các hạt, các thành phố chi phối, các cử tri bị giới hạn về số lượng tài sản ở mức cao nên nói chung dân thường thực ra không có quyền bầu cử.

Trước và sau cách mạng công nghiệp, cùng với sự phát triển của thời đại cũng như sự biến thiên của lịch sử, một số nơi tuy đã trở thành “đô thị hoang phế” không dấu chân người nhưng vẫn có quyền bầu cử, còn các thành phố công nghiệp mới xây dựng như Birmingham, Manchester... đông dân cư nhưng lại không có quyền bầu cử. Chế độ bầu cử gât bỏ đồng đẳng tầng lớp tư sản và dân cư thành thị ngày càng làm đẩy lên sự phẫn nộ của người dân. Những lời kêu gọi đòi nghị viện phải cải cách của quần chúng nhân dân ngày

càng vang xa, họ áp dụng nhiều hình thức đấu tranh như tụ tập, gửi thư thỉnh nguyện...

Dưới áp lực của quần chúng nhân dân, đảng cầm quyền nước Anh đã đề xuất để án cải cách nghị viện, đó chính là “Đạo luật cải cách nghị viện năm 1832” nổi tiếng. Tháng 7 năm 1832 đạo luật chính thức thông qua và trở thành văn bản luật pháp. Đạo luật này quy định: Quyền bầu cử của các “đô thị hoang phế” bị hủy bỏ, số phiếu bầu tương ứng của những nơi đó được chia cho các thành phố công nghiệp mới xây dựng; thống nhất về biện pháp bầu cử; hạ thấp hạn mức tài sản của các cử tri thành thị và nông thôn, giúp cho dân ông trưởng thành nhưng gia cảnh nghèo khó cũng có quyền bầu cử.

Nhờ thỏa mãn đòi hỏi của giai cấp tư sản công nghiệp về quyền bầu cử, chế độ bầu cử của nước Anh ngày càng dân chủ hơn, nhưng giai cấp tiểu tư sản và giai cấp công nhân, tá điền nhỏ vẫn chưa có quyền bầu cử rộng rãi và bình đẳng.

Phong trào Hiến chương

Trong cuộc cải cách nghị viện Anh vào năm 1832, giai cấp công nhân không giành được quyền bầu cử. Một số biện pháp sau đó của chính phủ đã khiến tầng lớp công nhân thấy cần phải đấu tranh giành lấy quyền bầu cử. Tháng 7 năm 1836, công nhân London thành lập “Hiệp hội công nhân London” và soạn thảo ra một bản “Hiến chương nhân dân”, nội dung bao gồm: Đoàn ông trưởng thành có quyền phổ thông đầu phiếu, thành lập khu vực bầu cử bình đẳng, bảo đảm quyền đại diện bình đẳng, xóa bỏ hạn mức về tài sản đối với người ứng cử...

Phong trào đấu tranh đòi hỏi thực hiện bản “Hiến chương nhân dân” bắt đầu từ London và nhanh chóng lan rộng khắp lãnh thổ nước Anh và được gọi là “phong trào Hiến chương”. Trong vòng hơn 10 năm từ năm 1836 tới năm 1848, “phong trào Hiến chương” đã khuấy động quần chúng và đạt được một số đợt cao trào, nhưng sau năm 1848 thì trở nên im ắng, không đạt được mục tiêu như đã mong muốn.



Chương 3: *Nước Mỹ phát triển vượt bậc*

Nội dung chính:

Thời kì vàng son

Sau cuộc nội chiến giữa hai miền Nam – Bắc, nền kinh tế nước Mỹ phát triển thần tốc và bước vào con đường đất vàng lấp lánh...

Andrew Carnegie và John D. Rockefeller

Chủ nghĩa tư bản Mỹ phát triển nhanh chóng, khai sinh ra rất nhiều doanh nghiệp cỡ lớn và các tỉ phú.

Xây dựng cường quốc trên thế giới

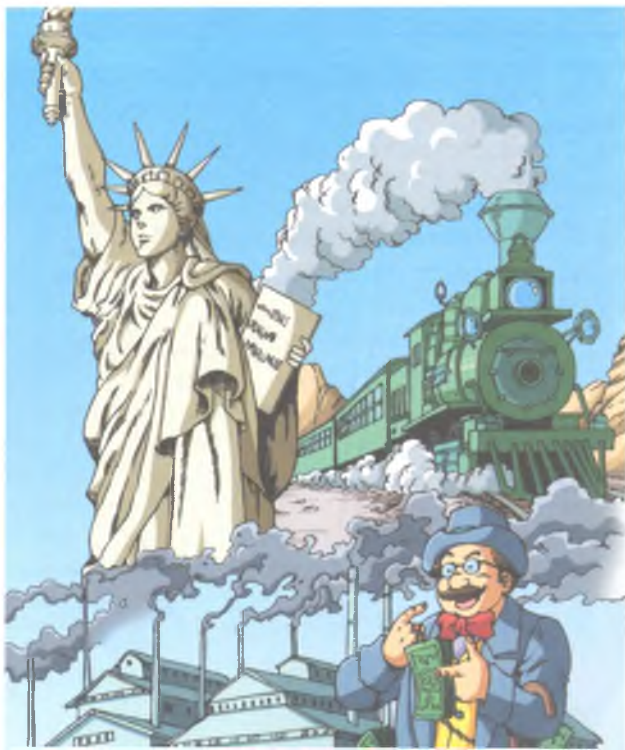
Nước Mỹ tiếp tục phát triển kinh tế bản địa, đồng thời bắt đầu cướp đoạt của nhân dân thuộc địa ở hải ngoại.

Chiến tranh Mỹ - Tây Ban Nha

Nước Mỹ tiến hành bành trướng lãnh thổ hùng giành quyền kiểm soát Cu Ba từ tay Tây Ban Nha...

Mỹ chiếm đóng Philippines

Nhân dân Philippines lật đổ ách thống trị của thực dân Tây Ban Nha nhưng lại phải chịu ách nô dịch của Mỹ.



Thời kỳ vàng son

Vài năm sau khi kết
nội chiến Nam - Bắc kết
thúc, có một vị khách du
lịch đặc biệt đã tới miền
nam nước Mỹ.

MARK
TWAIN

MÃY NĂM TRỞ
LẠI ĐÂY, NƯỚC
MỸ THAY ĐỔI
QUÁ NHIỀU!

NHÌN
THOÁNG QUA,
ĐÂU ĐÂU CŨNG
LÀ NHÀ MÁY.

Vị khách đó chính là tác giả của các
cuốn tiểu thuyết "Những cuộc phiêu lưu
của Tom Sawyer", "Những cuộc phiêu
lưu của Huckleberry Finn" - nhà văn trào
phúng nổi tiếng Mark Twain.



ÁI CHÀ, CÓ PHẢI ANH
TỪNG LÀM THƯ KÍ
CỦA NGHỊ SĨ HẠ VIỆN
KHÔNG?

TÔI CŨNG LÀ
NGƯỜI AM HIỂU VỀ
GIỚI CHÍNH TRỊ ĐÂY,
HA HA HA!

ANH
ĐANG THƯ
THẬP TỬ
LIỆU ĐỂ
VIẾT TIỂU
THUYẾT
À?

ĐÚNG VẬY! TÔI MUỐN
VIẾT THỬ VỀ SỰ THAY
ĐỔI CỦA MỌI MIỀN NƯỚC
MỸ SAU CUỘC CHIẾN
NAM - BẮC...

HA HA,
THẬT SAO?
ĐỂ TÀI NÀY
CÓ VỀ HAY
ĐÂY.

SAU KHI
CHIẾN TRANH
KẾT THÚC, NƯỚC
MỸ THAY ĐỔI TỪNG
NGÀY! CÓ RẤT NHIỀU
THỬ MỜI MÈ ĐANG
XEM ĐÂY.

ĐÂY LÀ NHÀ
MÁY ĐÓ HỘP
MÀ TÔI LÀM
CHỦ.

TÔI CÓ VIỆC BẠN
NÊN XIN THẮT LỀ,
ANH CỨ THÔNG THẢ
THAM QUAN.

ĐỂ TÔI LÀM
HƯỚNG DẪN
VIÊN CHO
ÔNG NHÉ!

Sau cuộc chiến tranh Nam - Bắc, nền công nghiệp của miền Bắc phát triển nhanh chóng, tại các thành phố như New York, Chicago các nhà máy lớn lần lượt xuất hiện.



MẤY NĂM TRƯỚC, KHÔNG AI CÓ THỂ TƯỞNG TƯỢNG ĐƯỢC RẰNG CHÚNG TA SẼ XÂY DỰNG NHỮNG NHÀ MÁY LỚN NHƯ THỂ NÀY.

HÈ HÈ, MAY MÀ CHIẾN TRANH ĐÃ KẾT THÚC, LẠI CÓ THÊM ĐƯỜNG SẮT NỮA.

NHANH THẾ, ĐÃ TỚI GIỜ ĂN TRƯA RỒI!

PHẢI CHO MỌI NGƯỜI NGHỈ NGƠI 30 PHÚT.



PHỤ! CỒ MÃI MỚI ĐẾN GIỜ NGHỈ, MỆT MUÒN ĐÚT HƠI.

LÀM VIỆC VẶT VÀ NHƯ THẾ MÃ ĂN UỐNG LẠI ÍT, SỨC NÀO MÃ CHỊU NỔI!

CHỈ THÊM ĐƯỢC MIỀNG THỊT TỎ.

LÀM VIỆC VẶT VÀ TIỀN CÔNG ÍT ỒI ĂN UỐNG KÉM, NHỮNG VIỆC ĐÓ CÓ THỂ CHỊU ĐỰNG. THỨ KHÔNG CHỊU ĐỰNG NỔI CHÍNH LÀ THÁI ĐỘ TỆ BẠC CỦA CẢ NHÀ ÔNG CHỦ.

MẤY NĂM TRƯỚC CHÁ PHẢI ÔNG ẤY CŨNG NGHÈO GIỐNG NHƯ CHÚNG TA HAY SÀO?



NGHE NÓI ÔNG TA HỒI LỘ CÁC QUAN CHỨC VÀ THỰC HIỆN NHIỀU PHI VỤ BẤT HỢP PHÁP.

TUY NHIÊN, TỪ SAU KHI ÔNG TA TỚI, NƠI DÂY CÓ NHIỀU THAY ĐỔI LỚN.

TRƯỚC ĐÂY, CHÚNG TA Ở ĐÂY TUY NGHÈO NHƯNG VẪN SỐNG NHỮNG NGÀY THÁNG YÊN BÌNH.

ĐỪNG CÓ HOÀI NIỆM QUÁ KHỨ NỮA!

BÂY GIỜ KHẮP NƯỚC MỸ ĐỀU LÀ VÀNG, CƠ HỘI THÌ NHIỀU, CHÚNG TA CŨNG CÓ THỂ NỔ LỰC MỎ MANG LẬP NGHIỆP, SAU NÀY TRỞ THÀNH TỶ PHÚ.

ĐÚNG ĐÂY! SAU NÀY TÔI CŨNG SẼ Ở TRONG MỘT NGÔI NHÀ DÁT VÀNG LẤP LÁNH GIỐNG NHƯ ÔNG CHỦ.



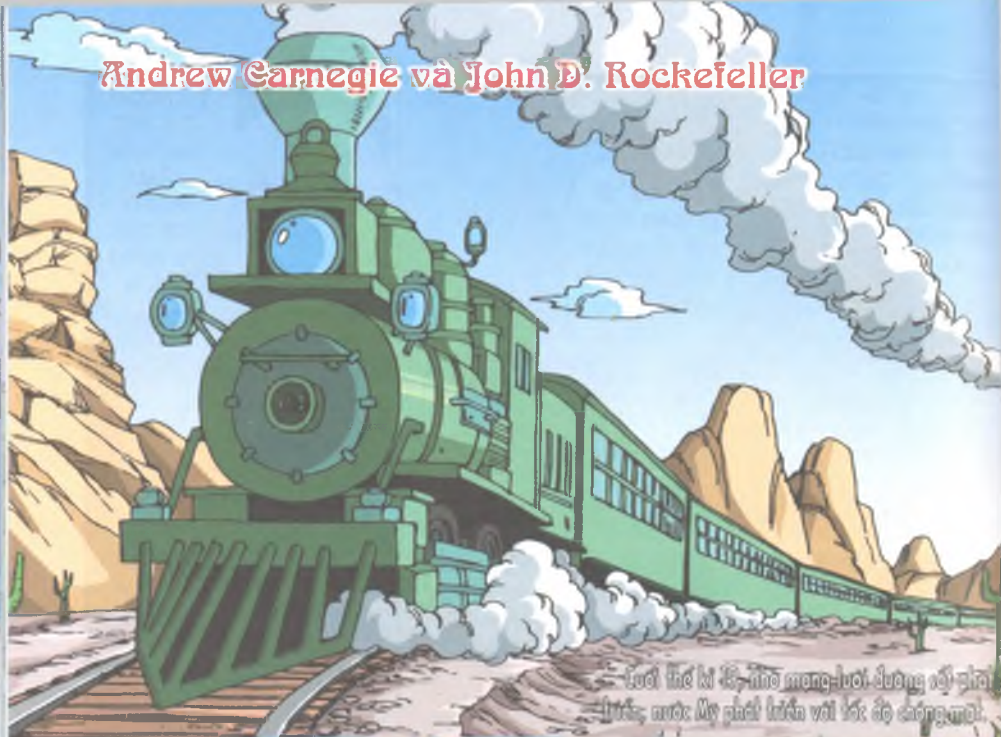


Năm 1837, Mark Twain và Charles Warner cho ra đời cuốn tiểu thuyết viết chung nổi tiếng "Thời kì vàng son". Nội dung cuốn tiểu thuyết châm biếm sự cầu kết giữa các nhà tư bản và chính khách cùng với sự hủ bại của họ sau cuộc nội chiến Mỹ. Sau khi xuất bản, cuốn tiểu thuyết được đông đảo quần chúng đánh giá cao.

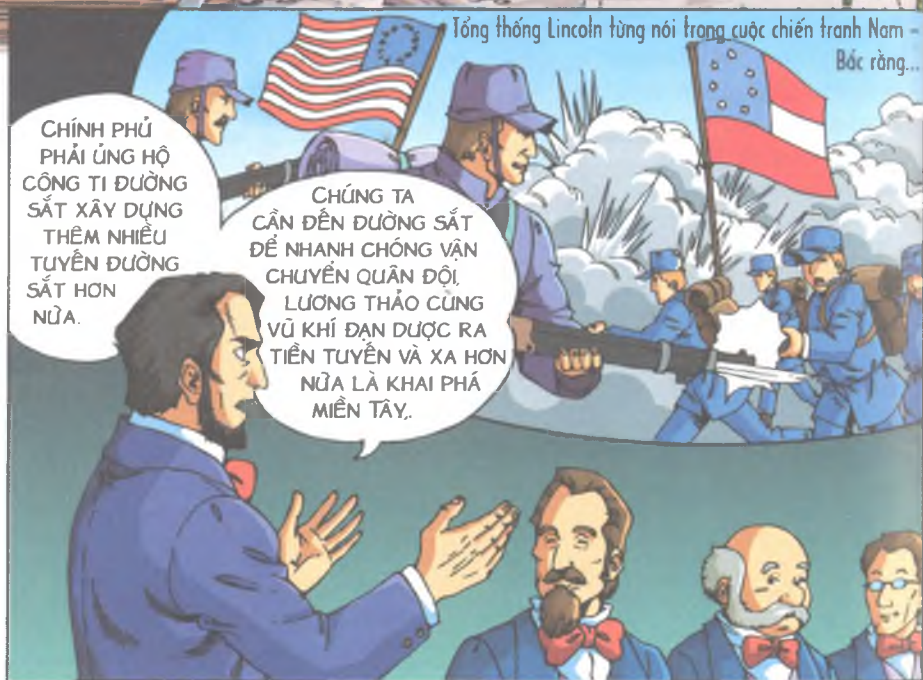
Cũng chính nhờ cuốn sách này mà người ta đã gọi khoảng thời gian từ năm 1870 đến năm 1890 là "Thời kì vàng son".



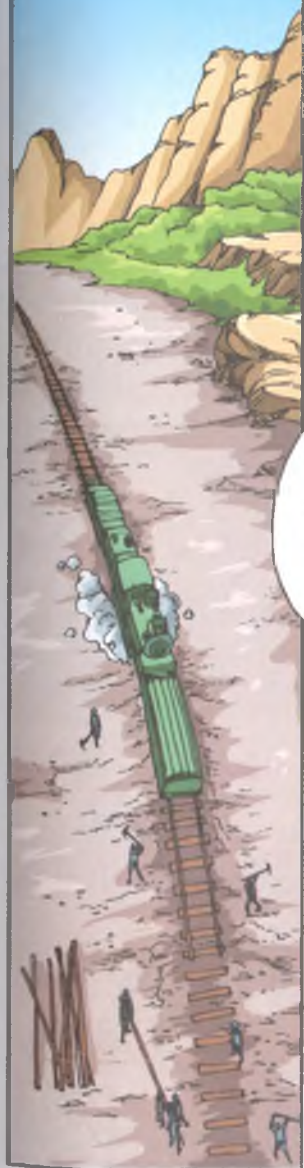
Andrew Carnegie và John D. Rockefeller



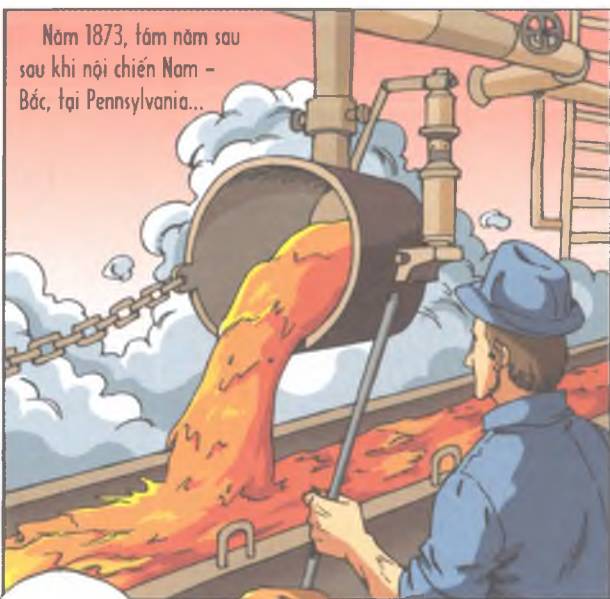
Loại thế kỉ 19, nhờ mạng lưới đường sắt phát triển, nước Mỹ phát triển với tốc độ chóng mặt.



Do đó việc xây dựng đường
sắt ở nước Mỹ ngày càng được
đẩy mạnh.



Năm 1873, tám năm sau
sau khi nội chiến Nam -
Bắc, tại Pennsylvania...



THỜI ĐẠI
GANG THÉP
ĐÃ ĐẾN.

ĐÚNG! MÌNH SẼ MỞ
MỘT CÔNG TY GANG
THÉP, NHẤT ĐỊNH
SẼ KIỂM ĐƯỢC
BỘN TIỀN.



Người đó chính là ông vua gang thép
- Andrew Carnegie. Năm 13 tuổi, ông
theo gia đình di cư từ Scotland tới bang
Pennsylvania của nước Mỹ.



Ít lâu sau, ngành công nghiệp gang thép và đường sắt trở thành động lực chính thúc đẩy sự phát triển của công nghiệp nước Mỹ.

Đồng thời, ngành dầu mỏ mới xuất hiện cũng trở thành ngành công nghiệp lớn.

Năm 1859, người ta phát hiện ra giếng dầu tại Pennsylvania...

MƯỜN NĂM!
DẦU MỎ PHỤN
LÊN RỒI!

ĐÂY LÀ
THU NHÊN
LIỆU THẤP
SÁNG
TUYỆT
NHẤT!



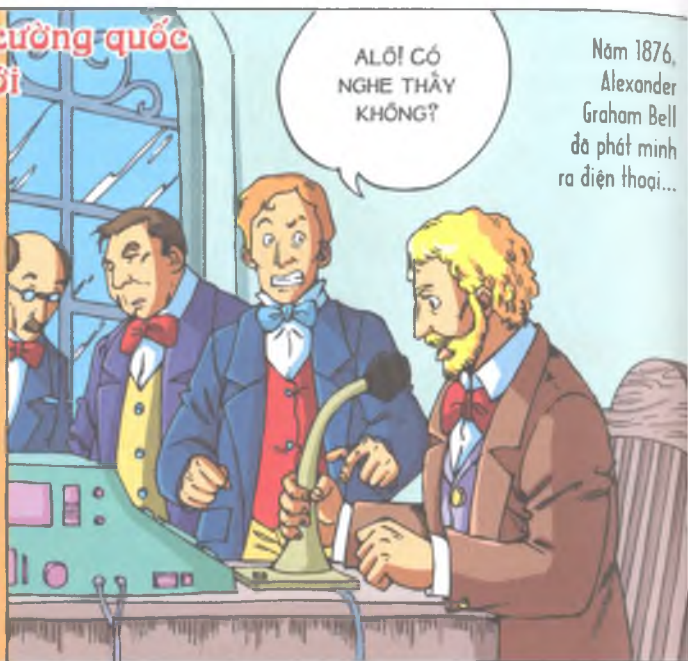


Người thanh niên trẻ tuổi đã tên là John Rockefeller, về sau ông đã trở thành ông vua dầu mỏ của nước Mỹ. Ông cùng với Carnegie trở thành những nhân vật tiêu biểu của giới doanh nghiệp lớn của Mỹ.



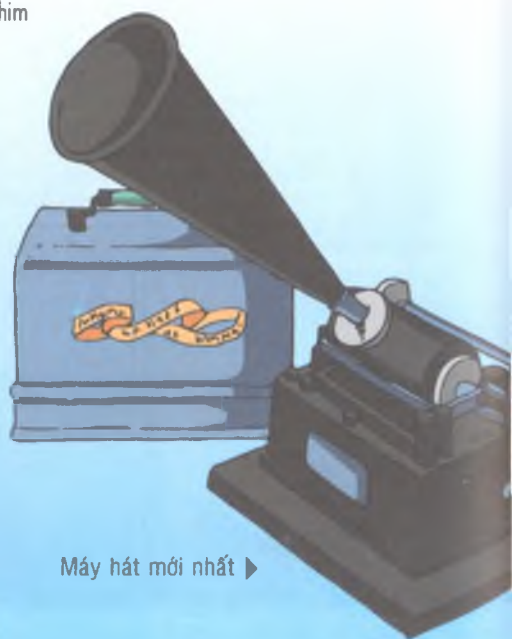
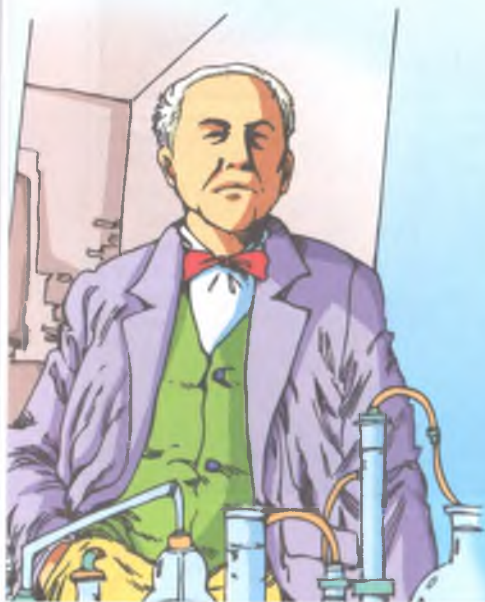
Xây dựng cường quốc trên thế giới

Trong khi Carnegie và Rockefeller đẩy mạnh các ngành công nghiệp mới, các phát minh và kĩ thuật tiên tiến khác cũng giúp nền kinh tế Mỹ ngày càng phát triển.



Năm 1876,
Alexander
Graham Bell
đã phát minh
ra điện thoại...

Ba năm sau, người được coi là "vua phát minh" - Thomas Edison - đã phát minh ra đèn điện. Sau đó ông lần lượt phát minh ra máy hát, máy chiếu phim và máy phát điện...



Máy hát mới nhất ►

Năm 1887, Henry Ford đảm nhiệm chức vụ kỹ sư trưởng của công ti chiếu sáng Edison. Nhân vật này sắp mở ra một thời đại mới.

NGHE NÓI
ÔNG ĐANG
NGHIÊN CỨU
CHẾ TẠO XE
HƠI SỬ DỤNG
ĐỘNG CƠ
CHẠY BẰNG
DẦU MỎ?

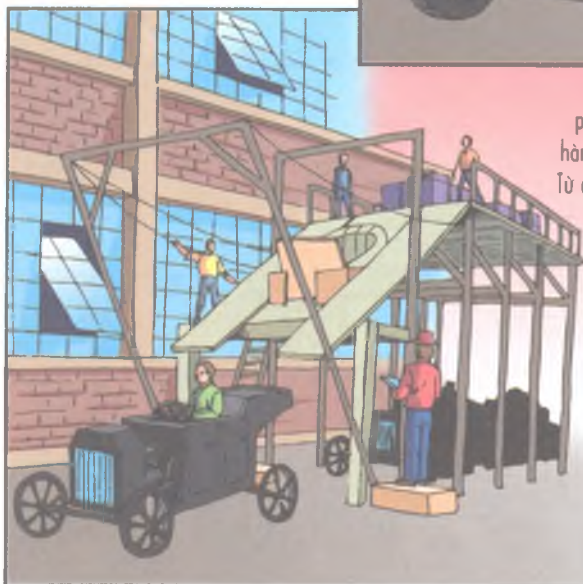
ĐÚNG VẬY,
THƯA NGÀI
EDISON.

TUY NƯỚC ĐỨC ĐÃ
CÓ CÁC LOẠI XE HƠI
CHẠY BẰNG XĂNG
NHƯ DAIMLER VÀ
MERCEDES, NHƯNG
TÔI MUỐN TẠO RA
LOẠI XE HƠI
TỐT HƠN.

Về sau Edison đã xây dựng trạm phát điện, đưa điện tới khắp mọi miền của nước Mỹ. Nhờ các nguồn năng lượng như thế, nền công nghiệp Mỹ phát triển càng thêm mạnh mẽ. Trong các thành phố, người ta mắc mạng lưới dây điện chằng chịt như mạng nhện. Sau đó, Edison lại thành lập công ti thiết bị điện dân dụng, nghiên cứu chế tạo ra vô số sản phẩm thiết bị điện.



Năm 1903, Ford sáng lập ra công ti xe hơi Ford chuyên sản xuất và tiêu thụ loại xe hơi vừa rẻ lại vừa bền, phục vụ nhu cầu của đông đảo quần chúng.



Năm 1913, công ti Ford nhập về phương pháp sản xuất dây chuyền, giúp sản xuất hàng loạt và giảm mạnh giá thành xe hơi. Từ đó, trong thành phố, xe ngựa hoàn toàn bị xe hơi thay thế.



THƯA NGÀI TỔNG
GIÁM ĐỐC, CHÚNG
TA CÓ THỂ CHẾ TẠO
THÊM MỘT SỐ LOẠI
XE SANG CAO CẤP
ĐỂ BÁN
CHO NGƯỜI
GIÀU...

KHÔNG,
XE HƠI CỦA
FORD MÃI MÃI
ĐƯỢC SẢN
XUẤT CHO
ĐẠI CHÚNG.

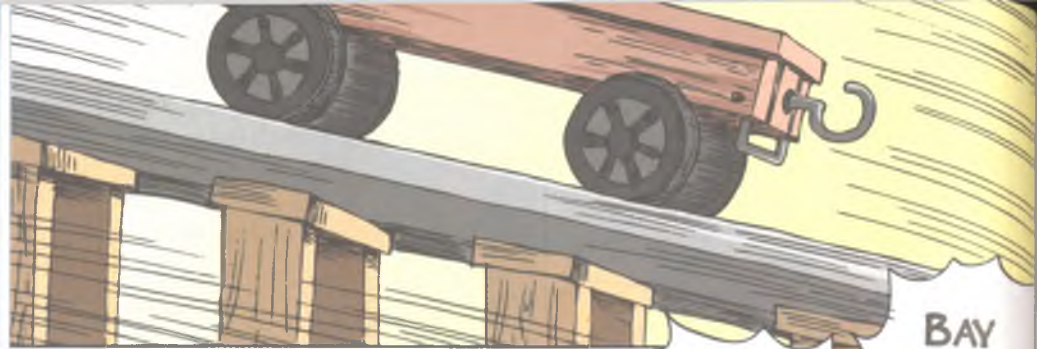
Trong vòng 20 năm,
công ti Ford đã sản xuất
15 triệu chiếc xe hơi,
chiếm gần một nửa
sản lượng xe hơi toàn
thế giới.

Ngày 17 tháng 12 năm 1903,
lại đời Kitty Hawk của bang
Bắc Carolina...

SỨC GIÓ
BÌNH THƯỜNG!
HƯỚNG GIÓ
BÌNH THƯỜNG!

ANH
ORVILLE
CHÚ Ý, EM
NÓ MÂY
ĐÂY!

WILBUR,
EM NÓ
MÂY ĐI!



BAY
LÊN
RỒI!

TUYỆT
QUẢ!



Hai ông chủ tiệm xe đạp
tên là Wilbur và Orville, tức
hai anh em nhà Wright đã
chế tạo ra chiếc máy bay
đầu tiên mà con
người điều khiển
được trên thế giới,
đồng thời bay lên không
trung thành công.



Cùng thời đó,
tại New York....

OA! CARNEGIE LẠI
QUYÊN GÓP MỘT
KHOẢN TIỀN LỚN
CHO TIỆN ÍCH
CÔNG CỘNG.

KIỂM TIỀN
NHƯNG VẪN
KHÔNG QUÊN ĐÓNG
GÓP CHO XÃ HỘI.
CARNEGIE QUẢ
LÀ DOANH NHÂN
TUYỆT VỜI.

Năm 66 tuổi,
Carnegie trở thành
lãnh đạo của giới
doanh nghiệp. Ông
đã cống hiến tất cả
tài sản vào sự nghiệp
công ích cho xã hội.

TIỀN BẠC NÊN
ĐƯỢC TIÊU VÀO
NHỮNG NƠI CÓ
Ý NGHĨA.

PHẢI MANG LẠI
ÍCH LỢI CHO NHÂN
LOẠI THÌ TIỀN BẠC
MỚI PHÁT HUY
ĐƯỢC TÁC
DỤNG.

CÁC QUỸ CỦA NƯỚC MỸ

Năm 1911, Carnegie đã thành lập quỹ đầu tiên của nước Mỹ, lập ra tiền lệ cho các doanh nghiệp quan tâm đến sự nghiệp công ích.

Năm 1913, gia đình Rockefeller sáng lập quỹ Rockefeller.

Năm 1936, gia đình Ford thành lập quỹ Ford.

Tới năm 2005, toàn nước Mỹ có tổng cộng khoảng 30.000 quỹ các loại.

Hiện tại, quỹ lớn nhất trên thế giới là Quỹ Bill & Melinda Gates được thành lập vào năm 2000, khi đó quỹ có khoảng 2,9 tỉ đô la Mỹ. Vào năm 2006, người bạn của Bill Gates vốn được mệnh danh là "vua cổ phiếu" Warren Buffett đã đem quyên góp phần lớn tài sản của mình (khoảng 3,7 tỉ đô la Mỹ) cho Quỹ Bill & Melinda Gates.

Vào năm 1894, nền công nghiệp nước Mỹ vượt qua Anh, trở thành cường quốc công nghiệp số một thế giới.

Năm 1898, để tranh giành quyền sở hữu thuộc địa Cu Ba, Mỹ đã tiến hành cuộc chiến tranh với Tây Ban Nha (chi tiết xem phần "Chiến tranh Mỹ - Tây Ban Nha"). Chiến tranh kết thúc với thắng lợi của Mỹ. Các khu vực Philippines, Puerto Rico, đảo Guam đều thuộc quyền kiểm soát của Mỹ. Thế lực của Mỹ mở rộng tới Thái Bình Dương.



QUẦN ĐẢO HAWAII

ĐẢO KAUAI

ĐẢO OAHU

ĐẢO MOLOKAI

ĐẢO MAUI

ĐẢO HAWAII

THÁI BÌNH DƯƠNG

Đồng thời, dưới sự kiện quyết của nữ hoàng Hawaii Liliuokalani, đảo Hawaii - nơi có nhiều dân di cư Mỹ - nỗ lực duy trì vị thế độc lập.

Nhưng do uy lực hùng mạnh của Mỹ, cuối cùng Hawaii bị sát nhập vào lãnh thổ nước Mỹ. Vào năm 1959, Hawaii trở thành tiểu bang thứ 50 của nước Mỹ.

LILIUOKALANI

CHÚNG TÔI
ĐỒNG Ý SÁT
NHẬP VÀO
NƯỚC MỸ.

ALASKA ĐƯỢC MUA VỚI GIÁ RẺ

Alaska là tiểu bang thứ 49 của Mỹ. Vùng đất này được Mỹ mua lại với giá rẻ từ hơn 100 năm trước.

Alaska nằm ở miền Tây Bắc của lục địa Bắc Mỹ, phía Đông giáp với Canada ngày nay, ba mặt còn lại được biển bao quanh, diện tích là 1,52 triệu km², nhiệt độ bình quân khá thấp. Trước kia vùng này là lãnh thổ của nước Nga. Nước Nga cảm thấy nơi này quanh năm giá lạnh, không có nhiều giá trị, vì cần bổ sung quốc khố nên muốn bán nó đi.

Nước Nga đã nhắm đến nước Mỹ, họ còn bỏ ra không ít công sức để cử người tái thuyết phục chính phủ Mỹ. Năm 1867, nước Mỹ bỏ ra 7,2 triệu đô la Mỹ để mua lại Alaska. Từ đó, nước Mỹ có thêm một "thước địa", đồng thời thu được rất nhiều lợi ích khổng lồ từ mảnh đất này.

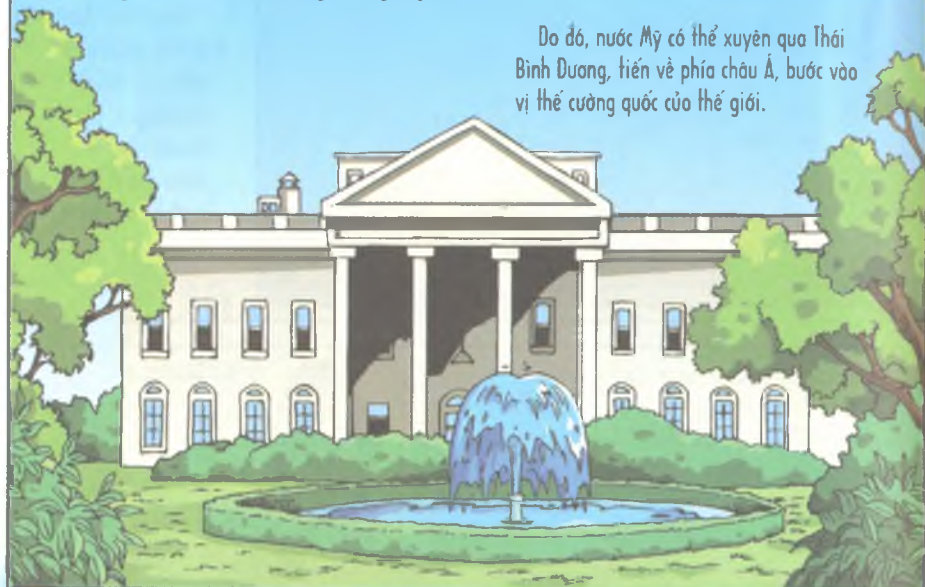
ALASKA

MỸ

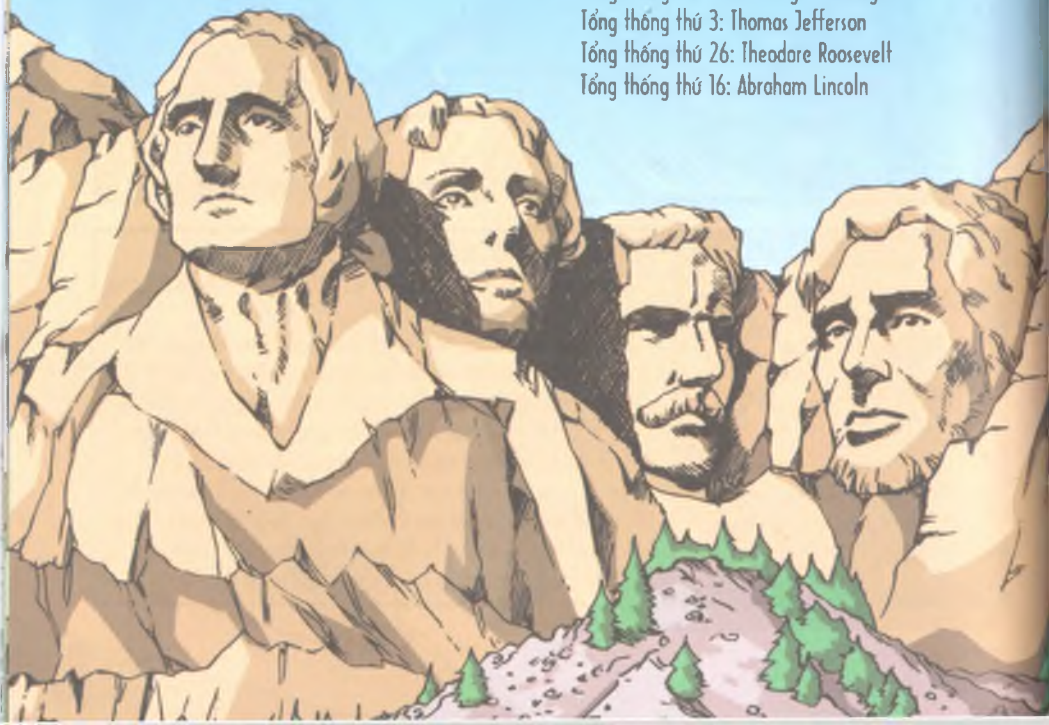
THÁI BÌNH DƯƠNG

Nhà Trắng - dinh thự của tổng thống Mỹ

Do đó, nước Mỹ có thể xuyên qua Thái Bình Dương, tiến về phía châu Á, bước vào vị thế cường quốc của thế giới.



Tượng các đời tổng thống được khắc trên vách đá núi Rushmore, thứ tự lần lượt từ trái sang phải là:
Tổng thống đầu tiên: George Washington
Tổng thống thứ 3: Thomas Jefferson
Tổng thống thứ 26: Theodore Roosevelt
Tổng thống thứ 16: Abraham Lincoln



Chiến tranh Mỹ - Tây Ban Nha



BÀ XÃ YÊU QUÝ,
CHIẾN HẠM USS MAINE
MÀ ANH CHỈ HUY NEO
ĐẬU TẠI CẢNG HAVANA
VỚI PHONG CẢNH ĐẸP
ĐỀ ĐÃ BA TUẦN
NAY RỒI.



QUỐC ĐẢO
XINH ĐẸP NÀY ĐANG
BỊ LỬA CHIẾN TRANH
TÀN PHÁ GIẦY XÉO,
CÒN BỌN ANH THÌ
PHỤNG MỆNH AN
BINH BẤT ĐỘNG.

Ngày 24 tháng 1 năm 1898,
tại cảng Havana, Cu Ba.



TUY TỐI ĐÂY
VỚI DANH NGHĨA
BẢO VỆ CHO KIẾU
BẢO NHƯNG TRÊN
THỰC TẾ LẠI NHẪM
MỤC ĐÍCH GÂY ÁP
LỰC VỚI MẪU QUỐC
TÂY BAN NHA...



CHIẾN HẠM USS MAINE

USS Maine là một trong những chiến hạm đầu tiên của nước Mỹ, chi phí đóng tàu lên tới hơn 2 triệu đô la Mỹ.

Vào năm 1895, tại Cu Ba nổ ra cuộc khởi nghĩa chống lại ách thống trị của thực dân Tây Ban Nha. Quốc gia luôn nhòm ngó các thuộc địa Cu Ba và Philippines của Tây Ban Nha là Mỹ nhân cơ hội ấy đã mượn cớ bảo vệ kiều bào để cử tàu chiến USS Maine tới Cu Ba phô trương vũ lực.









CUỘC CHIẾN TRANH BÁO CHÍ

Khi giới truyền thông nước Mỹ thời đó tham gia sâu vào cuộc chiến tranh Mỹ - Tây Ban Nha, các tờ báo cạnh tranh với nhau do muốn câu khách bằng tin giật gân nên thường xuyên đưa ra vô số suy đoán mang tính kích động từ không thành có khiến dân chúng Mỹ phẫn nộ, thậm chí họ còn vận động thúc giục quốc hội tuyên chiến. Do đó nhiều người gọi cuộc chiến này là "chiến tranh báo chí".



Vua báo chí William Hearst



Pulitzer





Hải quân Mỹ phong tỏa vùng biển của Cu Ba. Vòng phong tỏa bắt đầu từ cảng Havana, qua mỏm phía Tây của quốc đảo Cu Ba cho tới tận thành phố Cienfuegos ở bờ biển phía Nam.





ĐIỆN BÁO TỪ
WASHINGTON:
RA LỆNH TIÊU
DIỆT HẠM ĐỘI
TÂY BAN NHA!

MÌNH ĐỢI
TỪ LẤU LẮM RỒI,
CUỐI CÙNG CŨNG
ĐƯỢC CHIẾN ĐẤU
VỚI QUÂN TÂY
BAN NHA.



BÁO CÁO
SẾP, PHÁT HIỆN
THẤY HẠM ĐỘI
TÀU CHIẾN MỸ
ĐANG TIẾN VÀO
VỊNH!



GÌ CƠ?
ĐẸN NHANH
THỀ SAO? NHẬN
LÚC HỌ CHƯA
SẴN SÀNG, HÃY
PHÁT ĐỘNG
TẤN CÔNG
TRƯỚC!





NGƯỜI
TÂY BAN NHA
PHÁT HIỆN RA
CHÚNG TA
RỒI!



YÊN TÂM ĐI!
NHỮNG TÀU
CHIẾN LẠC HẬU
KIA KHÔNG LÂM
GÌ ĐƯỢC BỌN
TA ĐÂU.

BẮN! HÃY
CHO CHÚNG
NỀM MÙI
LỢI HẠI!





CHÚNG
TA ĐÃ ĐẨY
LÙI ĐƯỢC
QUÂN
TÂY BAN NHA!
NHA!

KHÔNG
ĐƯỢC
DỪNG LẠI
TẤN CÔNG
TIÊU DIỆT
CHÚNG
HOÀN TOÀN!



TOÀN BỘ HẠM ĐỘI
TÂY BAN NHA ĐÃ
BỊ ĐÁNH CHÌM.
PHÍA CHÚNG TA
KHÔNG CÓ TỐN
THẤT, CÓ NÊN ĐÓ
BỘ KHÔNG A?



BÌNH LỰC CỦA
CHÚNG TA KHÔNG
ĐỦ ĐỂ ĐÓ BỘ.
HÃY PHONG TỎA
VỊNH MANILA,
CHỜ BỘ BINH
CHI VIỆN.



Theodore Roosevelt - trợ lý bộ trưởng bộ Hải quân thời đó đã sớm có ý định tấn công mang tính hủy diệt đối với lực lượng hải quân Tây Ban Nha đồn trú tại Philippines, đồng thời khi xung đột Mỹ - Tây Ban Nha vừa bùng nổ, ông đã vượt quyền ra lệnh cho phó đề đốc Dewey chuẩn bị sẵn sàng cho cuộc chiến này.



ROOSEVELT





HAY LẮM,
TA SẼ CHƠI
TRÒ BẮT CÁ
TRONG CHUM
VỚI HÃN!



CẬU HÃY DẪN ĐỘI TÀU
CHỜ THAN CHẤT ĐÂY
THUỘC NỔ TỚI CHỖ HẸP
NHẤT RỒI TỰ ĐÁNH CHÌM
XUỐNG BIỂN ĐỂ BỊT KÍN
LỖI RA VÀO CỬA QUÂN
TÂY BAN NHA.

RỒ!



HÃY CHO
HẠM ĐỘI XẾP
THÀNH HÌNH BÁN
NGUYỆT CÁCH
VỊNH SANTIAGO
6 HẢI LÝ.



PHÁT HIỆN
CÓ TÀU
ĐỊCH!

LẬP TỨC
KHAI
HÓA!



ẦNG...







Nhưng do đường sá gập ghềnh và nắng nóng,
lục quân Hoa Kỳ hành quân rất chậm chạp.
Rất nhiều binh sĩ bị say nắng
hoặc ngã bệnh...



THỜI TIẾT
CU BA THẬT
QUÁI QUỶ,
NÓNG KINH
NGƯỜI!

LŨ MUỐI
ĐẮNG GHÉT,
KHẮP NGƯỜI
MÌNH TOÀN
NỐT CẦN.

XÔNG LÊN!
TIÊU DIỆT!



MAU
TỔ CHỨC
TẤN CÔNG!

Hự!

Ồi!





SANTIAGO TIÊU
LÀ CÁI CHẮC,
CHẾT VINH
QUANG TRÊN
BIỂN CÒN HƠN
LÀ ĐẦU HÀNG
TRÊN BỜ.



CUỐI CÙNG
CERVERA CŨNG
CHỊU ĐI MỘT
BƯỚC MẠO
HIỂM HÃY TẤN
CÔNG, MAU!

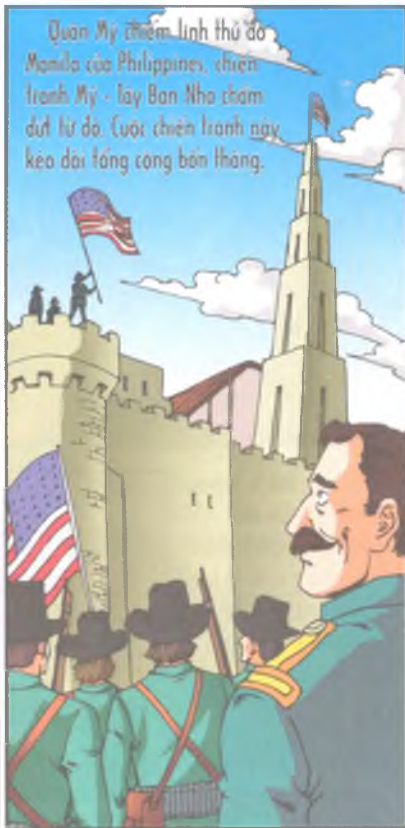


QUÂN TÂY
BAN NHA ĐẮNG
THƯƠNG, MÌNH
ĐÃ CỎ HẾT
SỨC RỒI

Trong trận Santiago,
quân Tây Ban Nha thương
vong 160 người, 1.600
người bị bắt trong
đó bao gồm cả tướng
Cervera. Quân Mỹ chỉ tổn
hại 1 người.









Tây Ban Nha thừa nhận Cu Ba độc lập, chuyển nhượng Puerto Rico, Philippines, Guam cho Mỹ. Mỹ trả cho Tây Ban Nha 20 triệu đô la Mỹ tiền bồi thường. Hawaii, Samoa và Đảo Wake bị Mỹ thôn tính và sát nhập.

Như vậy, tuy là quốc gia mới nổi sau này nhưng Mỹ lại giành được nhiều miếng ngon từ tay đế quốc thực dân già cỗi Tây Ban Nha, trở thành một nước lớn đúng nghĩa.



QUỐC KÌ NƯỚC ĐỨC



QUỐC KÌ NƯỚC ANH



QUỐC KÌ NƯỚC PHÁP



QUỐC KÌ NƯỚC MỸ



QUỐC KÌ NƯỚC ÁO



TA VẪN
CHƯA THỂ
SỞ HỮU
HOÀN TOÀN...
NHƯNG
NGÀY ĐÓ SẼ
KHÔNG CÒN
XA ĐẤU.

Mỹ chiếm đóng Philippines



Năm 1897, Philippines thoát khỏi ách thống trị của thực dân Tây Ban Nha, thành lập nước cộng hòa, Aguinaldo làm tổng thống. Nhưng do chính phủ của Aguinaldo bị uy hiếp và dụ dỗ nên lại kí kết "Hiệp ước Biak-na-Bato" với Tây Ban Nha. Aguinaldo nhận tù Tây Ban Nha 800.000 peso và đồng ý nộp vũ khí đầu hàng, tự động giải tán chính phủ, sau đó lưu vong ở Hongkong.



AGUINALDO



Tháng 4 năm 1898, chiến tranh Mỹ - Tây Ban Nha nổ ra. Mỹ đánh bại hải quân Tây Ban Nha trong trận hải chiến tại Manila.

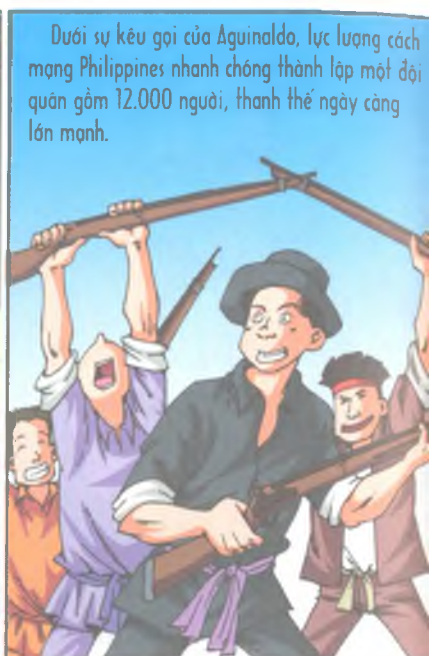


Tháng 5, sau nhiều lần bị một đàm phán với chính phủ Mỹ, Aguinaldo đi trên chiến hạm của Mỹ trở về nước.





NHÂN DÂN
TOÀN QUỐC
PHẢI CẦM
LẤY VŨ KHÍ
CHIẾN ĐẤU!



Dưới sự kêu gọi của Aguinaldo, lực lượng cách mạng Philippines nhanh chóng thành lập một đội quân gồm 12.000 người, thanh thế ngày càng lớn mạnh.



GÃ
AGUINALDO
LẠI TRỞ VỀ!



LẬP TỨC CŨ
BINH LÍNH ĐI
BAO VÂY TIÊU
DIỆT CHÚNG!





Ngày 28 tháng 5,
quân đội Tây Ban Nha tại
Alabang bao vây tiêu diệt
quân cách mạng.



QUÂN
CÁCH MẠNG,
XÔNG LÊN!



CHẾT ĐI
NÀY!

NGƯỜI
TÂY BAN
NHA KIA!



Quân cách mạng đã khiến cho quân đồn
áp bị thiệt hại nặng nề. Sau đó, quân cách
mạng thừa thắng tiến sát về thủ đô Manila.







Cuối tháng 7, 10.000 lính lực quân Mỹ chia thành
các cánh quân lần lượt cập bến Manila.



HOAN
NGHÊNH
QUÝ VỊ,
NHỮNG
NGƯỜI BẠN
MỸ!



QUÂN CÁCH MẠNG
ĐÃ BAO VÂY
MANILA. CÁC BẠN
HÃY NHƯỜNG MỘT
SỐ CHIẾN HẢO CHO
QUÂN MỸ, CHÚNG
TA SẼ KỂ VAI
CHIẾN ĐẤU.



Sáng sớm hôm sau, quân Tây Ban Nha nhận lúc quân Mỹ
mới đến chưa ổn định vị trí, đã phát động đợt tập kích.



XÔNG
LÊN!

TIÊU
DIỆT!



ỒI
TRỜI
ƠI!

Á!





Ngày 13 tháng 8, sau những kháng cự mang tính tượng trưng, quân Tây Ban Nha đã đầu hàng quân Mỹ. Đồng thời, vốn chẳng biết gì về việc này, quân Philippines đã bị ngăn lại bên ngoài thành Manila.



CHÚNG TA
CHIẾN ĐẤU NHƯ
VẬY MÀ LẠI BỊ
HỌ CHIẾM MẮT
PHILIPPINES!

Ngày 10 tháng 12 năm 1898, Mỹ và Tây Ban Nha kí kết hiệp định tại Paris. Theo hiệp ước, Tây Ban Nha "chuyển nhượng" Philippines cho Mỹ với giá 20 triệu đô la Mỹ.



NGƯỜI MỸ LẠI
VONG ẮN BỘI
NGHĨA, ĐỘC
CHIẾM MANILA!



HÃY TẤN
CÔNG VÀO
THÀNH, QUYẾT
LIỀU MỘT PHEN
VỚI CHÚNG!

ĐỪNG!
KHÔNG
THA CHO
CHÚNG!





TỪ NAY VỀ SAU NHÂN DÂN PHILIPPINES
ĐƯỢC CHÍNH PHỦ DÂN CHỦ CỦA NƯỚC
CỘNG HÒA PHILIPPINES LÃNH ĐẠO, THOÁT
KHỎI MỌI ÁCH THÔNG TRỊ CỦA NƯỚC NGOÀI.
CHÚNG TÔI CỤC LỰC PHẢN ĐỐI TIẾN TRÌNH
XÂM LƯỢC CỦA NƯỚC MỸ, YÊU CẦU NƯỚC
MỸ THỪA NHẬN PHILIPPINES ĐỘC LẬP.



THƯA NGÀI TỔNG
THÔNG, NƯỚC MỸ CÓ
NÊN ÁP DỤNG MỌI BIỆN
PHÁP ĐỂ KHIẾN CHO
DÂN BÀN XỨ NƠI
DÂY PHẢI
PHỤC KHÔNG A?



CÁC PHẢN TỬ KHỎI
NGHĨA PHẢI THỪA
NHẬN SỰ CẠI TRỊ CỦA
NƯỚC MỸ. CÁC ANH
CÓ THỂ ÁP DỤNG MỌI
BIỆN PHÁP ĐỂ THỰC
HIỆN MỤC ĐÍCH.



HÃY CHUẨN
BỊ SẴN SÀNG
CHIẾN ĐẤU VỚI
QUÂN KHỎI
NGHĨA!





Đêm ngày 4 tháng 2 năm 1898 dưới sự yểm trợ của phân đội hạm đội hai quân thuộc tướng Dewey và hỏa lực của pháo hạm trên sông Pông, lực quân Mỹ phát động cuộc tấn công đột kích, chiếm được toàn bộ chiến hào ngoài vi thành phố Manila.





CHIẾN TRANH
VÔN DĨ PHẢI
LÀ HAI BÊN
ĐÁNH NHAU
BẰNG GƯƠNG
SÚNG THỰC
SỰ.

NHƯNG DÂN
CHÚNG LẠI
LUÔN ỦNG HỘ
ĐÁM QUÂN
PHẢN LOẠN
ĐÓ!

Douglas MacArthur - Tư lệnh
Mỹ đồn trú tại Philippines

CẦN PHẢI
ÁP DỤNG CHÍNH
SÁCH CỨNG
RẮN HƠN NỮA
ĐỂ ĐỐI PHÓ VỚI
QUÂN DU KỊCH!

ĐƯA HỌ TỚI TRẠI
TẬP TRUNG, ĐƯA
ĐI ĐÀY HOẶC XỬ
TỬ NẾU SĨ QUAN
CHỈ HUY THẤY CẦN
THIỆT, CÓ THỂ ÁP
DỤNG MỌI BIỆN
PHÁP ĐỂ THỰC
HIỆN VIỆC TRẢ
THÙ!

Tỉnh Ilong bị vây hãm và bị tiêu diệt tàn khốc
khiến cho quân khởi nghĩa càng ngày càng khó
khăn. Tháng 3 năm 1901, do có kế phản bội bên
đứng nên Aguinaldo bị bắt.



Ngày 1 tháng 4, Aguinaldo tuyên thệ trung thành với nước Mỹ, ngày 19 đọc tuyên ngôn, khuyến quân du kích chấp thuận giải pháp "hòa bình" của Mỹ.

MẤU ĐỒ
ĐÃ NHIỀU RỒI
NƯỚC MẮT CẠN
KHÔ RỒI THÔI
THÌ TUYÊN BỐ
HÒA BÌNH
VẬY.

PHẢI NHANH
CHÔNG TIÊU
DIỆT HẾT TÀN DƯ
CỦA QUÂN KHỞI
NGHĨA BẰNG MỌI
THỦ ĐOẠN!

Nhưng quân du kích
không chịu buông vũ
khí, họ vẫn kiên trì
chiến đấu.

TIÊU DIỆT HẾT NHỮNG KẺ
MANG THEO VŨ KHÍ VÀ
CÓ THÁI ĐỘ THÙ ĐỊCH VỚI
NƯỚC MỸ!

Một cuộc tàn sát đẫm máu
bắt đầu diễn ra.



Cứ như thế, bằng việc thám sát mìn và nhả đạn cuối cùng quân xâm lược
Mỹ đã tiêu diệt lực lượng còn sót lại của quân kháng chiến.



Ngày 4 tháng 7 năm 1902, tại
nước Mỹ, tổng thống Roosevelt
tuyên bố với toàn thế giới
rằng cuộc chiến tranh Mỹ -
Philippines đã kết thúc
thắng lợi.



Sự bành trướng về lực lượng sau cuộc nội chiến Mỹ

Sau nội chiến, nền kinh tế nước Mỹ bước vào thời kì phát triển thần tốc, giá trị sản lượng công nghiệp của 50 năm cuối thế kỉ 19 đã tăng lên 5 lần, Mỹ chuyển mình từ một nước nông nghiệp sang một nước công nghiệp, và nhờ đó trở thành một trong những nước tư bản chủ chốt trên thế giới. Sự phát triển kinh tế đã thúc đẩy tiến bộ của kĩ thuật. Trong thời kì này, nước Mỹ đã xuất hiện nhiều phát minh sáng tạo có ảnh hưởng quan trọng với thế giới.

Cùng với sự phát triển kinh tế và tăng cường tiềm lực quốc gia, đã tầm mở rộng lãnh thổ của Mỹ càng ngày càng lớn. Họ gấp rút chuẩn bị bành trướng ra châu Á và châu Mỹ La Tinh. Đầu tiên, Mỹ thôn tính lãnh thổ Hawaii vào năm 1898. Sau đó trong chiến tranh Tây Ban Nha – Mỹ vào năm 1898, Mỹ đánh bại Tây Ban Nha, chiếm Philippines, Puerto Rico và Guam, đồng thời biến Cu Ba thành nước bảo hộ của mình. Năm 1899, Mỹ đưa ra chính sách “mở cửa quốc

gia” với Trung Quốc, đòi hỏi chia sẻ quyền lợi với các cường quốc phương Tây tại đây.

Tại châu Mỹ La Tinh, nước Mỹ kiểm soát khu vực kênh đào Panama, nắm giữ huyết mạch kinh tế của các nước Santo Domingo, Honduras, Nicaragua..., đồng thời đặt Dominican và Haiti dưới sự bảo hộ của mình.

**TỪ ĐIỂN BÁCH KHOA
LỊCH SỬ BỎ TÚI**

Kinh tế nước Mỹ sau cuộc nội chiến

Sau chiến tranh Nam – Bắc, kinh tế nước Mỹ phát triển nhanh chóng. Từ năm 1860 tới năm 1900, sản lượng công nghiệp của Mỹ tăng 6 lần, trong đó sản lượng than đá, sắt, gang và dầu mỏ tăng trưởng nhanh nhất. Từ năm 1880 tới năm 1900, diện tích đất đai đã khai khẩn của Mỹ vượt cả tổng diện tích đất đai của ba nước Anh, Đức, Pháp gộp lại. Năm 1892, sản lượng công nghiệp Mỹ đứng đầu thế giới, ước tính chiếm 1/2 tổng sản lượng của các nước châu Âu. Năm 1913, sản phẩm công nghiệp Mỹ đã chiếm tới trên 1/3 tổng sản phẩm công nghiệp của toàn thế giới.

Những nguyên nhân chủ yếu khiến cho nền kinh tế nước Mỹ phát triển nhanh chóng sau nội chiến bao gồm: Trước tiên, thắng lợi của miền Bắc trong cuộc nội chiến đã dọn đường cho sự phát triển của chủ nghĩa tư bản trong nước. Thứ hai, việc khai phá khu vực miền Tây đã mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước. Thứ ba, một lượng lớn tư bản châu Âu được chuyển vào Mỹ,

cung cấp nguồn vốn cho sự phát triển kinh tế. Thứ tư, với vai trò một quốc gia tư bản chủ nghĩa mới nổi, nước Mỹ dùng cảm ứng dụng khoa học kĩ thuật tiên tiến và tiếp thu kinh nghiệm sản xuất của châu Âu. Thứ năm, một lượng lớn dân di cư ngoại quốc đã kéo đến và việc giải phóng nô lệ da đen đã cung cấp lực lượng lao động giá rẻ đồng đảo cho nền kinh tế. Thứ sáu, nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, sản xuất ra nhiều nguyên liệu quan trọng như than đá, sắt, dầu mỏ. Thứ bảy, nước Mỹ coi trọng giáo dục và khoa học kĩ thuật, các phát minh quan trọng không ngừng ra đời, thúc đẩy kinh tế phát triển mạnh mẽ.



Quốc kì Hoa Kỳ

Quốc kì Hoa Kỳ là lá cờ sao và sọc, có hình chữ nhật nằm ngang, tỉ lệ chiều dài và chiều rộng là 19:10. Góc trên bên trái của mặt lá cờ là 50 ngôi sao năm cánh màu trắng xếp thành 5 hàng, được sắp xếp xen kẽ cứ một hàng có 6 ngôi sao là một hàng có 5 ngôi sao đều nằm trên nền màu xanh. Ngoài ra, trên lá cờ còn có 13 sọc màu đỏ và trắng xen kẽ. 50 ngôi sao tượng trưng cho 50 tiểu bang của nước Mỹ, 13 sọc tượng trưng cho 13 thuộc địa Bắc Mỹ ngày đầu mới giành độc lập. Còn màu đỏ tượng trưng cho lòng dũng cảm; màu trắng tượng trưng cho tự do; màu xanh lại tượng trưng cho lòng trung thành và chính nghĩa.

Nghe nói lá quốc kì đầu tiên của nước Mỹ được George Washington nhớ một cô thợ may tên là Betsy Ross may. Ngày 14 tháng 6 năm 1777, Đại hội Lục địa lần thứ hai đã phê chuẩn lá cờ Sao và Sọc là quốc kì của nước Mỹ. Năm 1818, quốc hội Mỹ thông qua dự thảo luật, giữ cố định số lượng sọc trên quốc kì là 13 sọc, số ngôi sao năm cánh thì thống nhất với số tiểu bang, mỗi khi tăng thêm 1 tiểu bang thì sẽ thêm 1 ngôi sao. Từ ngày 4 tháng 7 của năm thứ hai trở đi, sau khi mỗi tiểu bang mới gia nhập thì người ta lại thay đổi số lượng ngôi sao trên lá quốc kì.

Quốc huy Hoa Kỳ

Năm 1776, Đại hội Lục địa lần thứ hai quyết định phải thiết kế quốc huy cho nước Mỹ. Ngày 20 tháng 6 năm 1782, thiết kế của quốc huy đã được quyết định. Phần chính của quốc huy khắc một con chim đại bàng đầu trắng, trước ngực có hình tấm khiên, nửa trên của tấm khiên là hình chữ nhật nằm ngang màu xanh, nửa dưới là các sọc đứng hai màu đỏ trắng đan xen để chỉ quốc kì Hoa Kỳ. Trên đầu con đại bàng có hình vương miện, tượng trưng cho Hợp chúng quốc Hoa Kỳ. Bên trong vương miện có 13 ngôi sao năm cánh màu trắng, đại diện cho 13 tiểu bang đầu tiên của nước Mỹ. Hai bộ vuốt của con đại bàng quắp bó mũi tên và cành ô liu, tượng trưng cho vũ lực và hòa bình. Mỏ đại bàng quắp một dải ruy băng màu vàng, trên đó có viết dòng chữ tiếng La Tinh: "Hợp chúng làm một", nghĩa là Hợp chúng quốc Hoa Kỳ là một quốc gia hoàn chỉnh bao gồm nhiều tiểu bang.

Năm 1892, biên tập viên tạp chí "Người bạn của thanh niên" đã viết lời tuyên thệ dưới quốc kì cho nước Mỹ, toàn văn lời tuyên thệ như sau: "Tôi xin thề trung thành với lá cờ của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ và với nền Cộng hòa mà lá cờ đại diện, một quốc gia dưới Thượng đế, không bị chia cắt, với tự do và công lí cho mọi người".

Năm 1942, nước Mỹ lại soạn thảo pháp luật quy định khi người dân Mỹ tuyên thệ dưới quốc kì, phải đứng với tư thế nghiêm trang, tay phải trình trọng đặt lên trước ngực để thể hiện sự sùng kính đối với quốc kì. Ngoài ra, nhiều tiểu bang của nước Mỹ đều soạn thảo pháp luật liên quan quy định các lễ nghi với quốc kì. Tháng 8 năm 1949, tổng thống Harry S. Truman tuyên bố lấy ngày 14 tháng 6 là ngày kỉ niệm quốc kì ra đời, từ đó về sau hàng năm người ta đều tổ chức hoạt động kỉ niệm trong ngày này.

Ngày nay, nghi lễ thượng cờ của nước Mỹ được quy định như sau: ai đội mũ thì phải dùng tay phải bỏ mũ xuống, đặt lên ngực trái, ai không đội mũ thì đứng với tư thế nghiêm trang ánh mắt tập trung vào lá cờ để chào cờ. Những người mặc quân trang thì chào theo nghi thức quân đội.

Quốc ca Hoa Kỳ

Tháng 9 năm 1814, trong chiến tranh Anh - Mỹ lần thứ hai, một luật sư trẻ người Mỹ tên là Francis Scott Key tận mắt chứng kiến quân Anh tấn công pháo đài McHenry và cuộc kháng cự anh dũng của quân Mỹ. Đêm ngày 13 tháng 9, quân Anh lại phát động cuộc tấn công ác liệt vào pháo đài McHenry. Sáng tinh mơ hôm sau, qua làn khói lửa đạn, ông nhìn thấy lá quốc kì của quân Mỹ vẫn tung bay trong gió trên pháo đài. Ông vô cùng xúc động trước cảnh tượng đó, cảm xúc dâng lên trong lòng, ông đã viết mấy dòng thơ phía sau một bức thư thể này: "Hãy vững tin chúng ta sẽ thắng, công lí thuộc về chúng ta... Lá cờ lấp lánh ánh sao sẽ mãi mãi tung bay trên đất nước tự do yêu dấu, trên quê hương anh hùng." Đây chính là bài quốc ca Hoa Kỳ "Lá cờ lấp lánh ánh sao" (tên tiếng Anh: The Star-spangled banner) sau này. Bài ca này được đồng đảo nhân dân Mỹ yêu thích và nhanh chóng được phổ biến trên toàn quốc. Năm 1931, bài "Lá cờ lấp lánh ánh sao" được chính thức quy định là quốc ca Hoa Kỳ. Bài quốc ca có 4 đoạn, nhưng trong hầu hết các trường hợp người ta chỉ hát đoạn đầu tiên.

Nhà văn Mark Twain hài hước

Mark Twain là nhà văn người Mỹ, tên thật là Samuel Langhorne Clemens, sinh năm 1835 trong một gia đình luật sư nghèo bên bờ sông Mississippi, ông mất năm 1910. Thời trẻ, ông từng làm công nhân xếp chữ, thủy thủ, đi lính, từng kinh doanh gỗ, khai thác mỏ và xuất bản. Vào năm 1865, câu chuyện hài hước "Con ếch nhảy trứ danh ở quận Calaveras" của ông được xuất bản và ông trở nên nổi tiếng. Suốt cuộc đời, ông đã viết nhiều tiểu thuyết dài, vừa và ngắn cùng với nhiều chính luận, tạp văn, du kí...

Các tác phẩm của Mark Twain chứa đựng tư tưởng sâu sắc, bút pháp mạch lạc, hài hước, châm biếm. "Những cuộc phiêu lưu của Tom Sawyer" và "Những cuộc phiêu lưu của Huckleberry Finn" là hai tác phẩm tiêu biểu của ông. Tác phẩm quan trọng khác còn có các tiểu thuyết ngắn "Tranh chúc Thống đốc", "Tắm ngân phiếu một triệu bảng Anh"; các tiểu thuyết dài "Thời kì vàng son", "Hoàng tử nhỏ và chú

bé nghèo khổ"...

Mark Twain là một người có khiếu hài hước. Có một hôm, ông đi tàu hỏa ra ngoài thành phố, khi nhân viên nhà ga tới soát vé, ông không tìm thấy vé tàu của mình, cho dù đã lục khắp túi áo túi quần mà vẫn không tìm thấy. Vừa lúc đó, nhân viên đó nhận ra Mark Twain và an ủi ông: "Nếu ông không tìm thấy tấm vé thì cũng không sao." Không ngờ Mark Twain lại trả lời: "Ồ! Không sao là thế nào, tôi phải tìm bằng được tấm vé chết tiệt đó. Nếu không làm sao tôi biết được mình sẽ đi đâu?"



Vua thép Andrew Carnegie

Andrew Carnegie sinh vào tháng 11 năm 1835 tại Scotland. Cha ông kiếm sống bằng nghề dệt vải thủ công, mẹ ông làm nghề phụ là khâu giày. Năm 11 tuổi, Carnegie theo cả gia đình di cư sang Mỹ. Ông không được học hành nhiều lắm, chỉ tự học mà thành tài. Từ năm 13 tuổi ông đã bắt đầu đi làm thuê, từng làm lao động trẻ em tại nhà máy kéo sợi, rồi làm nhân viên bưu điện. Về sau ông làm trong ngành thép. Tới cuối thế kỉ 19 đầu thế kỉ 20, công ti thép Carnegie của ông đã trở thành doanh nghiệp thép lớn nhất trên thế giới, sản lượng hằng năm vượt cả sản lượng thép hằng năm của toàn nước Anh. Vì thế, Andrew Carnegie trở thành ông vua thép nổi tiếng, cùng với John D. Rockefeller (ông vua dầu mỏ) và J.P Morgan (ông trùm ngân hàng), ông được xếp vào nhóm "Ba ông trùm lớn của giới doanh nghiệp Mỹ".

Sau khi Carnegie thành danh, có phóng viên tin tức phỏng vấn hỏi ông làm thế nào để thành công như vậy. Carnegie trả lời: "Sở dĩ tôi thành

công được là do hai yếu tố cơ bản: Thứ nhất, từ nhỏ tôi sinh ra trong một gia đình nghèo khó, thường phải ăn bữa nay lại lo cho bữa mai... cho nên từ nhỏ tôi đã ra sức nỗ lực và cầu tiến, quyết tâm sau này lớn lên sẽ chiến thắng đói nghèo. Thứ hai, tất cả mọi việc dù nhỏ hay lớn đều cần phải nghiêm túc... nỗ lực làm cho thật tốt từng việc nhỏ thì sau này mới có người yên tâm giao việc lớn cho mình làm."

Carnegie rất nhiệt tình tham gia công việc từ thiện, tới khi ông qua đời vào tháng 8 năm 1919, ông đã quyên góp cho xã hội tổng cộng hơn 300 triệu đô la Mỹ. Trung tâm hòa nhạc Carnegie Hall ở New York, trường Đại học Carnegie Mellon ở Pittsburgh đều là những nơi ông quyên góp tiền xây dựng.



Vua dầu mỏ John D. Rockefeller



John D. Rockefeller sinh năm 1839 tại một ngôi làng nhỏ thuộc tiểu bang New York ở miền Đông nước Mỹ. Sau khi tốt nghiệp trung học, ông từng làm kế toán cho một công ty vận tải. Từ năm 1864, ông bắt đầu làm trong ngành dầu mỏ. Năm 1870, ông sáng lập ra “công ty dầu mỏ Standard” (về sau đổi tên thành công ty dầu mỏ Exxon Mobil), sau đó lại mở công ty kinh doanh đường ống dẫn dầu. Đến năm 1882, tổng nguồn vốn của Rockefeller đã đạt tới 220 triệu đô la

Mỹ, sản lượng dầu của công ty của ông chiếm tới 2/3 tổng sản lượng của toàn cầu. Ông cũng trở thành “vua dầu mỏ” tiếng tăm lẫy lừng trong và ngoài nước, là một trong “Ba ông trùm lớn của giới doanh nghiệp Mỹ”. Năm 1910, tài sản của Rockefeller đã đạt tới 1 tỉ đô la Mỹ.

Nhưng Rockefeller sống rất tiết kiệm. Có một lần, sau khi tan sở, Rockefeller định bắt xe về nhưng thiếu mất một hào, ông liền vay của thư kí đồng thời nói với người đó: “Cô nhớ nhắc tôi nhé, không thì có lẽ tôi sẽ quên trả cho cô đấy.” “Xin ngài đừng để tâm, chỉ là một hào thôi mà, có đáng gì đâu.” Cô thư kí nói một cách nhã nhặn. “Sao lại không đáng gì chứ?” Rockefeller nói với vẻ nghiêm túc: “Đem gửi một đô la vào ngân hàng thì phải mất tới hai năm mới thu được một hào tiến lãi đấy!” Một người “keo kiệt” như vậy nhưng lại vô cùng hào phóng với sự nghiệp công ích. Rockefeller qua đời vào năm 1937, suốt cuộc đời ông đã quyên góp cho xã hội tổng cộng hơn 500 triệu đô la Mỹ.

Vua phát minh Thomas Edison

Thomas Edison sinh năm 1847 ở tiểu bang Ohio của nước Mỹ. Cha ông làm nghề nông rồi thợ mộc, mẹ ông từng làm giáo viên. Edison chỉ đi học tại trường có 3 tháng, ông thành tài hoàn toàn nhờ tự học. Ông rất yêu thích khoa học, say mê với việc sáng tạo phát minh, đồng thời có một nghị lực phi thường. Edison qua đời vào năm 1931, trong cả cuộc đời ông đã để lại cho nhân loại tổng cộng gần 2.000 phát minh các loại bao gồm: máy hát, đèn điện, xe điện, phim đèn chiếu, máy chiếu bóng, bình ắc quy... Trong đó số lượng phát minh được đăng kí chính thức lên tới con số hơn 1.300. Ông xứng đáng với danh hiệu vua phát minh của thế giới.

Những cống hiến trong phát minh sáng tạo cùng với sự siêng năng cần cù của ông đã giành được sự tôn kính của nhân dân nước Mỹ và toàn thế giới. Khi Edison qua đời vào năm 1931, thậm chí còn có người đề xuất toàn nước

Mỹ tắt đèn điện trong hai phút, ngắt mọi nguồn điện của gia đình, đường phố và nhà máy để tổ chức truy điệu và tưởng nhớ Edison. Thế nhưng nếu ngắt điện toàn bộ cho dù chỉ trong một phút cũng sẽ gây ra sự hỗn loạn trên toàn nước Mỹ. Vì thế, mọi người đã áp dụng hình thức khác, đó là vào ngày an táng Edison, nhiều người Mỹ đều lặng lẽ điều chỉnh cho ánh đèn mờ tối. Có thể ví rằng, nếu không có Edison thì nước Mỹ trở nên “tăm tối”.



Edison thả bóng sáng cho mọi gia đình

Phát minh quan trọng nhất của Edison là đèn điện (chính là bóng đèn sợi đốt mà nhiều gia đình sử dụng hàng ngày).

Ngày từ đầu thế kỉ 19, một nhà hóa học người Anh đã phát minh ra chiếc đèn hồ quang đầu tiên của nhân loại, dùng hồ quang điện sinh ra từ điện cực carbon là nguồn phát sáng, tia sáng của nó cực mạnh, là tiền thân của các loại đèn pha ngày nay, chỉ thích hợp sử dụng trong một số ít trường hợp, không phổ biến rộng rãi. Edison quyết định phát minh ra một loại đèn thực dụng hơn.

Năm 1877, Edison bắt đầu dùng thủy tinh làm thành bóng đèn tròn, ông còn vẽ sẵn sơ đồ mạch điện. Nhưng nguồn phát sáng vốn là phần cốt lõi của đèn, dây tóc bóng đèn lại làm ông tốn mất mấy năm. Loại dây tóc này đòi hỏi có thể chịu được nhiệt độ cao tới 2.000 độ trong thời gian dài. Ông phát hiện ra dây bạch kim có tính năng tốt nhất, nhưng bạch kim lại vô cùng đắt đỏ, những người dân bình thường không thể đón nhận nên Edison đành bỏ cuộc. Ông tìm kiếm sợi xenlulo già thành rế để làm loại vật liệu thích hợp.

Một ngày tháng 10 năm 1879, Edison rắc bột carbon lên một đoạn sợi cotton, rồi uốn nó

thành hình móng ngựa, gia nhiệt để làm thành sợi carbon, đặt vào bên trong bóng đèn, rồi lại dùng máy hút chân không cố gắng hút sạch không khí ra khỏi bóng đèn, bóng đèn sáng lên, và còn sáng được trong 45 giờ đồng hồ. Do có giá trị nhân rộng, lò bóng đèn sợi đốt bằng sợi carbon đầu tiên trên thế giới đã ra đời. Đêm giao thừa năm đó, ánh điện sáng tỏa sáng lung linh trên con phố nơi đặt trụ sở công ti chiếu sáng Edison. Sau đó, ông làm thí nghiệm nhiều lần, dùng sợi xenlulo phủ carbon để làm dây tóc bóng đèn, kết quả là đèn điện có thể duy trì thời gian chiếu sáng lên tới 1.200 giờ...

Để phát minh ra đèn điện giá rẻ lại bền đẹp, Edison đã tốn rất nhiều công sức. Mấy năm sau đó, ông thường làm việc hơn 18 tiếng mỗi ngày, sử dụng ít nhất 6.000 loại vật liệu để làm hơn 50.000 lần thí nghiệm, riêng chỉ nội dung ghi chép về các thí nghiệm đã tới 30.000 ~ 40.000 trang giấy... Đầu thế kỉ 20, một người Mỹ khác đã phát minh ra sợi vonfram giúp nâng cao thêm hiệu suất của bóng đèn. Thế nhưng, khi nói về bóng đèn điện, mọi người vẫn nghĩ ngay đến Edison.

Edison phát minh ra máy hát

Phát minh lớn nhất của Edison là đèn điện, nhưng phát minh mà ông yêu thích nhất lại là máy hát. Phát minh này đã tạo nên những phần hồi tích cực thời bấy giờ.

Năm 1877, Edison từng nghiên cứu điện thoại, tấm màng của thiết bị truyền thanh (tiền thân của ống nghe điện thoại ngày nay) sẽ tạo rung động tương ứng đối với các kiểu âm thanh cao thấp nhanh chậm, ông nghĩ, rung động có thể tạo ra âm thanh, ngược lại, liệu âm thanh có thể được ghi lại và phát ra thông qua sự rung động tương ứng hay không? Ông đã tiến hành nghiên cứu.

Tháng 8 năm đó (có người nói là tháng 12), kĩ sư thiết kế cơ khí của ông đã chế tạo xong chiếc máy hát quay tay dựa theo hình vẽ của Edison. Đó là một thiết bị rất thô sơ, bộ phận chính là ống kim loại hình trụ, mặt ngoài khắc các đường rãnh hình xoắn ốc, đầu ống có tay quay, hai kim nhỏ bằng kim loại và tấm màng rung. Edison lấy

ra một tấm lá thiếc bọc quanh bên ngoài ống hình trụ, sau đó vừa hát vừa quay chiếc tay cầm, sau khi hát xong, ông đặt ống hình trụ trở về chỗ cũ, đồng thời thay một cây kim khác, khi quay tay cầm một lần nữa, những âm thanh tương tự đã tái hiện. Những người có mặt ở đó trở mắt kinh ngạc... Sang đầu năm sau, phát minh này được cấp bằng sáng chế, đồng thời nhanh chóng được nhân rộng ra các nước.

Sau khi máy hát ra đời, phóng viên của các tòa báo đổ xô tới, các bản tin tràn ngập khắp nơi, mọi người đều không tin rằng có một thứ kì diệu như thế và đều muốn tự mình kiểm nghiệm. Để xác định phát minh đó là thật hay giả (liệu có người lên ghi nhớ đồng thời bắt chước âm thanh phát lại hay không?), một vị giám mục đã cố ý đọc một đoạn từ ngữ chuyen môn trong "Kinh thánh" với tốc độ nhanh nhất, không ngờ, máy hát lại tái hiện được không sót một từ nào. Khi đó mọi người mới tin rằng máy hát là có thật 100%.



Alexander Graham Bell phát minh ra điện thoại

Các phát minh khoa học kĩ thuật giúp cho xã hội phát triển nhanh chóng. Trong thời đại mà Edison sống, ở châu Âu cũng có những phát minh ảnh hưởng tới đời sống của con người, thậm chí còn được sử dụng cho tới tận ngày nay. Trước tiên, hãy nói về chiếc điện thoại.

Trước thế kỉ 19, phương thức thông tin ở khoảng cách xa vẫn là truyền tin bằng miệng hoặc là gửi thư tín qua đường bưu điện. Năm 1838, việc Samuel Morse người Mỹ phát minh ra máy điện báo đã phá vỡ phương thức thông tin truyền thống, nhưng nó vẫn không đủ nhanh chóng mà vẫn cần phải trung chuyển. Tới năm 1876, Alexander Graham Bell người Anh đã phát minh thành công máy điện thoại đầu tiên trên thế giới với cơ chế làm việc bằng sự chuyển đổi giữa dòng điện và âm thanh, giảm bớt công việc dịch mặt mã của điện báo, giúp cho việc giao lưu giữa người với người gần trong gang tấc, họ có thể nghe thấy tiếng nói của nhau, đây là cột mốc quan trọng trong cuộc cách mạng thông tin.

Phát minh ra tủ lạnh

Từ khi loài người xuất hiện trên Trái Đất, có lẽ người ta luôn tìm kiếm phương pháp bảo quản cho thực phẩm tươi ngon, bảo quản lạnh cũng là một trong các phương pháp có từ xa xưa. Thế nhưng cách bảo quản lạnh tự nhiên thời cổ đại tương đối lạc hậu và vụng về, không những cần nhiệt độ đủ thấp mà còn cần đủ không gian, những người thường e rằng rất khó làm được. Phát minh tủ lạnh đã giải quyết được vấn đề nan giải này.

Năm 1748, William Cullen người Anh đã làm mẫu việc bảo quản lạnh nhân tạo lần đầu tiên trên thế giới, nhưng ông không ứng dụng phát minh này vào thực tế. Cho tới giữa thế kỉ 19, mọi người mới chế tạo thành công loại tủ lạnh làm lạnh bằng khí nén, chất làm lạnh được sử dụng là amoniac. Nhưng amoniac là chất độc, một khi bị rò rỉ thì sẽ vô cùng nguy hiểm. Bước sang thế kỉ 20, kĩ thuật làm lạnh không ngừng chín muồi. Năm 1910, máy làm lạnh kiểu phun hơi nước đã xuất hiện. Năm 1913, chiếc tủ lạnh chạy điện đúng nghĩa đầu tiên trên thế giới đã ra đời tại Chicago, nước Mỹ. Ngày nay, tủ lạnh đã trở thành trợ thủ đắc lực không thể thiếu trong việc bảo quản thực phẩm tươi ngon của mọi nhà.

Máy ảnh giúp lưu lại khoảnh khắc đặc biệt

Năm 1839, họa sĩ người Pháp Louis Daguerre tình cờ phát hiện ra rằng, tấm kim loại đã được tráng i-ốt có tính cảm quang, từ đó ông nảy ra ý tưởng phát minh ra chất liệu cảm quang. Ít lâu sau, ông lại vô tình chứng kiến hiện tượng hiện hình trên phim âm bản do thủy ngân bốc hơi, từ đó giải quyết được vấn đề hiện hình vốn nan giải. Sau này, Daguerre tiếp tục giải quyết được vấn đề định hình, từ đó nắm được kĩ thuật cơ bản mà công việc chụp ảnh cần có. Ông cũng được mọi người công nhận là người phát minh ra máy chụp ảnh.

Sau đó, máy ảnh không ngừng được phát triển và cải tiến. Từ chỗ được sản xuất thủ công, giá thành đắt đỏ, số lượng có hạn ban đầu, nay phát triển thành các loại máy ảnh tiện lợi hơn, giá thành rẻ hơn, tính phổ cập cao hơn. Năm 1891, công ti Eastman Kodak của Mỹ bắt đầu bán các cuộn phim chụp ảnh và sản xuất ra các loại máy ảnh thao tác giản đơn, tính năng tốt, đóng góp lớn cho việc phổ biến máy ảnh. Ngày nay, cùng với sự phát triển không ngừng của kĩ thuật máy tính và kĩ thuật điện tử, máy ảnh kĩ thuật số đã xuất hiện và phát triển nhanh chóng.

Sự ra đời của tivi

Chiếc tivi đầu tiên xuất hiện trên thế giới là tivi quét và truyền tải hình ảnh, người phát minh ra nó là John Logie Baird người Scotland. Năm 1924, trên cơ sở các nghiên cứu của những người đi trước, Baird đã tiến hành thử nghiệm nhiều lần và phát minh ra máy quay quét và truyền tải hình ảnh cùng máy thu hình, chế tạo thành công hệ thống tivi đen trắng đầu tiên trên thế giới, hoàn thành được việc truyền tải hình ảnh của vật thể trong phạm vi vài mét, được công nhận là chiếc tivi đầu tiên trên thế giới.

Ngày 27 tháng 1 năm 1925, Baird đã trình diễn phát minh của mình trước 40 nhà khoa học của viện nghiên cứu thuộc Viện khoa học Anh, đồng thời tiến hành thử nghiệm. Ông bắt tivi trong một căn phòng, còn khán giả thì ngồi ở một căn phòng khác để theo dõi. Trên màn ảnh cỡ bằng chiếc đèn xe đạp, mọi người nhìn thấy hình ảnh một người đang hút thuốc và nói chuyện, còn người đó trên thực tế đang hoạt động trước máy quay ở một căn phòng khác. Thử nghiệm đó đã thành công, ngày hôm đó được thế giới công nhận là ngày công chiếu đầu tiên của ngành truyền hình.



Henry Ford

Henry Ford là một trong những người đặt nền móng cơ bản cho ngành công nghiệp xe hơi nước Mỹ và thế giới, là người sáng lập ra công ti xe hơi Ford. Tháng 7 năm 1863, ông sinh ra trong một gia đình tự canh nông ở tiểu bang Michigan của nước Mỹ, từ nhỏ ông đã có hứng thú với máy móc, sau khi trưởng thành, ông từng làm các công việc như sửa chữa máy móc, sửa chữa đồng hồ, sửa chữa tàu thuyền... Năm 1896, Ford nghiên cứu và chế tạo thành công chiếc xe hơi đầu tiên của mình. Tháng 6 năm 1903, công ti xe hơi Ford được thành lập. Năm 1908, công ti xe hơi Ford cho ra đời loại xe hình chữ T, giúp cho xe hơi thâm nhập vào đời sống của đại chúng phổ thông. Năm 1913, Ford xây dựng dây chuyền sản xuất xe hơi đầu tiên trên thế giới.

Henry Ford có ảnh hưởng sâu rộng đến các lĩnh vực sản xuất công nghiệp, quan niệm kinh doanh, lối sống của nước Mỹ và thậm chí cả thế giới. Tháng 4 năm 1947, Henry Ford qua đời. Để bày tỏ lòng biết ơn sự cống hiến của ông đối với nước Mỹ và thế giới, trong ngày an táng ông, tất cả các dây chuyền sản xuất xe hơi của nước Mỹ đều ngừng làm việc trong một phút.

Ba việc làm gây chấn động của Henry Ford

Henry Ford được mệnh danh là “Doanh nhân vĩ đại nhất thế kỉ 20”; “Doanh nhân có tầm ảnh hưởng nhất từ xưa tới nay”. “Ba chuyện động trời trong lịch sử thương mại của thế kỉ 20” của ông cho tới ngày nay vẫn thường được mọi người nhắc tới.

1. Năm 1908, Henry Ford chế tạo ra chiếc xe hơi hình chữ T đầu tiên trên thế giới, khiến cho xe hơi vốn là mặt hàng xa xỉ dành cho người giàu trở thành phương tiện giao thông mà dân chúng phổ thông Mỹ đều có thể mua được, thay đổi hoàn toàn lối sống của người Mỹ.

2. Năm 1913, Ford thành lập dây chuyền sản xuất xe hơi đầu tiên trên thế giới, bắt đầu sản xuất xe hơi hàng loạt, đặt nền móng cho ngành sản xuất công nghiệp với quy mô lớn của thế kỉ 20.

3. Năm 1914, công ti Ford đi đầu trong việc chi trả 5 đô la Mỹ tiền công cho 8 giờ làm việc của công nhân (thời đó tiền công mức tiêu chuẩn của công nhân Mỹ là 2,34 đô la Mỹ cho 9 giờ làm việc), giúp cho đời sống của công nhân Mỹ có sự thay đổi mang tính cách mạng.

Nguyên nhân nổ ra chiến tranh Mỹ - Tây Ban Nha

Cuối thế kỉ 19, cùng với sự phát triển của chủ nghĩa tự bản, nước Mỹ tăng cường bành trướng lãnh thổ, nhưng thế giới thời đó đã bị các cường quốc thực dân già cỗi như Anh, Pháp chia chác xong xuôi, thực lực thời đó của nước Mỹ vẫn chưa đủ để tranh giành.

Tây Ban Nha thời đó ngày càng suy yếu. Nước này cố gắng chiếm lấy các thuộc địa như Cu Ba, Puerto Rico và Philippines. Trong đó Cu Ba và Puerto Rico không chỉ là nơi sản xuất nguyên liệu quan trọng và thị trường đầu tư của nước Mỹ mà còn là con đường giao thông quan trọng nối liền với đất liền Trung Mỹ, vùng biển Caribe và khu vực Panama, còn Philippines lại là một cứ điểm trọng yếu để nước Mỹ mở mang thị trường Đông Á. Vì thế, Tây Ban Nha liền trở thành mục tiêu tấn công nổi cộm nhất của nước Mỹ.

Mỹ cần đến hoàn cảnh và lí do hợp lí để tuyên chiến với Tây Ban Nha. Tháng 2 năm

1898, tờ báo “News” của Mỹ đăng tải một bức thư cá nhân của một vị công sứ Tây Ban Nha thường trú tại Mỹ, trong thư ông đã mô tả tổng thống Mỹ McKinley thời đó là “một người mềm yếu và hay lấy lòng thiên hạ”, làm dấy lên làn sóng phản nộ của nhân dân Mỹ. Trước đó, cuộc đàn áp đẫm máu của chính quyền Tây Ban Nha với nhân dân Cu Ba đã chịu sự chỉ trích của nhân dân Mỹ. Tiếp đó, chiến hạm USS Maine do nước Mỹ cử tới cảng Havana của Cu Ba để bảo vệ kiều bào Mỹ lại nổ tung và chìm ngay tại cảng Havana vào ngày 15 tháng 2, tổng số sĩ quan và lính Mỹ thiệt mạng lên tới 164 người, bị thương 100 người. Sự kiện này đã gây ra phản ứng mạnh mẽ bên trong nước Mỹ, rất nhiều người cho rằng Tây Ban Nha là thủ phạm. Khí tình hình quốc tế và tình hình trong nước đều có lợi cho nước Mỹ, vào ngày 25 tháng 4 năm 1898, Mỹ chính thức tuyên chiến với Tây Ban Nha, chiến tranh Mỹ - Tây Ban Nha bùng nổ.



Việc nhuộm bị cho chiến tranh của hai bên Mỹ và Tây Ban Nha

Phía Mỹ: Về lực lượng hải quân, Mỹ có một hạm đội được mệnh danh là hùng mạnh thứ ba trên thế giới, có tất cả bốn chiến hạm chủ lực loại 1; hai chiến hạm chủ lực loại 2; hai tuần dương hạm bọc thép; mười tuần dương hạm hộ vệ và rất nhiều tàu chiến nhỏ trang bị pháo, pháo hạm cho khu vực nước nông và tàu phóng ngư lôi, huy động tới 20.000 binh sĩ đồng thời sở hữu các trang thiết bị tiên tiến như pháo dã chiến bắn nhanh, điện báo, điện thoại...

Phía Tây Ban Nha: Về lực lượng hải quân, hải quân Tây Ban Nha chỉ có một số tàu chiến vỏ gỗ kiểu cũ. Về binh lực, tuy Tây Ban Nha có 200.000 quân tại Cu Ba nhưng số quân thực sự có thể chiến đấu thì chỉ có 12.000 người, còn lại đa số là những người già yếu bệnh tật. Ở Philippines họ cũng chỉ có 44.000 quân. Thêm vào đó, tình hình chính trị của Tây Ban Nha khi đó vô cùng hỗn loạn, đa số người trong giới chính trị quân sự ở mẫu quốc đều cho rằng không có hi vọng giành chiến thắng trong cuộc chiến tranh với Mỹ.

Tình hình quốc tế khi chiến tranh Mỹ - Tây Ban Nha nổ ra

Khi chiến tranh Mỹ - Tây Ban Nha nổ ra, các nước lớn như Anh, Nga đều thể hiện sự ủng hộ đối với Mỹ. Báo chí Anh thậm chí còn tuyên bố rằng: "Một khi chiến tranh nổ ra thì nước Anh sẽ hoàn toàn đứng về phía Mỹ". Nước Nga từ chối để xuất cùng ngăn chặn Mỹ của nước Đức.

Các nước Áo, Pháp và Đức tuy thể hiện sự ủng hộ đối với Tây Ban Nha nhưng lại không đủ sức chi viện. Nước Áo do tình hình bất hòa dân tộc phức tạp rắc rối trong nước cùng với các sự vụ ở nước ngoài không đủ sức ủng hộ Tây Ban Nha. Nước Pháp vốn có quan hệ mật thiết và đầu tư thương mại với Tây Ban Nha cũng do xung đột nảy sinh ở châu Phi với nước Anh và đang đối đầu căng thẳng với nước Đức nên không thể cung cấp viện trợ quân sự cho Tây Ban Nha. Nước Đức sau khi thất bại trong việc liên minh với Nga để chống Mỹ lại nhờ Giáo hoàng La Mã ra mặt điều đình, hi vọng Tây Ban Nha sẽ nhượng lại Cu Ba cho Mỹ để Mỹ từ bỏ chiến tranh, nhưng Tây Ban Nha không đồng ý. Vì thế, Tây Ban Nha cũng không có được sự ủng hộ từ nước Đức.

Chiến tranh Mỹ - Tây Ban Nha kết thúc

Chiến tranh Mỹ - Tây Ban Nha được triển khai tại hai nơi là Cu Ba và Philippines. Cuộc chiến đấu tiên nổ ra ở Philippines. Ngày 1 tháng 5 năm 1898, hạm đội châu Á của Mỹ đã tiêu diệt hạm đội Tây Ban Nha trong vịnh Manila của Philippines. Tháng 8, Mỹ chiếm lĩnh thủ đô Manila của Philippines.

Tháng 6 năm 1898, hạm đội Mỹ đánh tan một hạm đội của Tây Ban Nha bên ngoài cảng Santiago của Cu Ba, chiếm lĩnh thành phố Santiago của Cu Ba, tiếp đó lại chiếm thêm Puerto Rico.

Quân đất liền tại Philippines và Cu Ba của Tây Ban Nha lần lượt bị quân khởi nghĩa địa phương đánh bại.

Trước tình thế đó, Tây Ban Nha buộc phải cầu hòa với Mỹ thông qua đại sứ Mỹ thường trú tại Pháp. Ngày 12 tháng 8 năm 1898, Mỹ và Tây Ban Nha kí kết "Hiệp ước Paris" tại Paris.

Theo nội dung hiệp ước, Tây Ban Nha thừa nhận Cu Ba độc lập, đồng thời chuyển nhượng Puerto Rico, Guam và Quần đảo Philippines cho Mỹ, còn Mỹ thì trả cho Tây Ban Nha 20 triệu đô la Mỹ để "bồi thường". Như vậy, Mỹ đã biến Philippines và Cu Ba thành thuộc địa và "nước bảo hộ" của riêng mình.

Qua cuộc chiến tranh Mỹ - Tây Ban Nha, Mỹ đã tăng cường được vị thế quân sự, chính trị, kinh tế của họ tại vùng biển Caribe và khu vực Viễn Đông Thái Bình Dương, trải sẵn con đường để mở rộng về phía châu Mỹ La Tinh và châu Á.



Khái quát về Cu Ba

Cu Ba có tên gọi đầy đủ là nước cộng hòa Cu Ba, nằm ở phía Tây Bắc biển Caribe, phía Nam cách Jamaica 140 km, phía Bắc cách bán đảo Florida của Mỹ 180 km, cả nước do hơn 1.600 hòn đảo hợp thành, tổng diện tích là 110.000 km², dân số khoảng 11,3 triệu người (theo thống kê năm 2004), là hòn đảo lớn nhất của quần đảo Tây Ấn, cư dân bao gồm người Tây Ban Nha, người châu Phi, hậu duệ của người Mỹ cùng với hậu duệ con lai của những chủng tộc trên, trong đó người da trắng chiếm khoảng 70% tổng dân số. Ngôn ngữ chính thức là tiếng Tây Ban Nha, các cư dân đa phần đều theo Công giáo, thủ đô là Havana.

Phần lớn các khu vực của Cu Ba đều thuộc khí hậu hải dương nhiệt đới, địa hình chủ yếu là đồng bằng, thích hợp cho trồng trọt nông nghiệp, trồng nhiều các loại cây nông nghiệp như mía, lúa gạo, cam quýt, cà phê, thuốc lá... Ngành sản xuất đường là ngành công nghiệp chủ yếu. Trữ lượng các loại khoáng sản như coban, crom... đều rất phong phú.

Về lịch sử, những cư dân đầu tiên của Cu Ba là người Ấn-điêng. Năm 1492, chuyến đi hàng hải của Columbus cập bến Cu Ba. Đầu thế kỉ 15, Cu Ba trở thành thuộc địa của Tây Ban Nha.

Từ năm 1868 tới năm 1898 là cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc chống lại ách thống trị của thực dân Tây Ban Nha của nhân dân Cu Ba, được gọi là “chiến tranh giải phóng 30 năm của Cu Ba”. Thời kì đầu thường được gọi là “chiến tranh Mười năm” (1868 – 1878). Thời kì giữa, sử sách gọi là “Cuộc chiến nhỏ”. Thời kì cuối thường được gọi là “chiến tranh giành độc lập của Cu Ba” (1895 – 1898). Năm 1898, Mỹ tuyên chiến với Cu Ba và chiếm đóng Cu Ba.

Ngày 20 tháng 5 năm 1902, nước cộng hòa Cu Ba được thành lập.

Tháng 2 năm 1903, Mỹ và Cu Ba kí kết “Hiệp ước quan hệ Cu Ba – Mỹ”, Mỹ chiếm đoạt thô bạo hai căn cứ hải quân của Cu Ba (tới ngày nay Mỹ vẫn chiếm một trong hai căn cứ là Guantanamo). Năm 1933, tướng Fulgencio Batista được sự ủng hộ của Mỹ đã làm đảo chính và lên nắm quyền hai lần từ năm 1934 tới năm 1944 và từ năm 1952 tới năm 1955, thực hiện chế độ độc tài quân sự. Tháng 1 năm 1959, Fidel Castro dẫn đầu quân khởi nghĩa lật đổ chính quyền của Batista, thành lập chính phủ cách mạng.

Năm 1961, Fidel Castro tuyên bố bắt đầu cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Cu Ba.

Quốc kì và quốc huy của Cu Ba

Quốc kì Cu Ba có hình chữ nhật nằm ngang, tỉ lệ chiều dài và chiều rộng là 2:1. Phía bên cần cờ có một hình tam giác đều màu đỏ, bên trong hình tam giác có một ngôi sao năm cánh màu trắng. Phía bên phải của lá cờ gồm có ba sọc màu lam và hai sọc màu trắng nằm ngang xen kẽ và song song với nhau. Trong đó, hình tam giác và ngôi sao năm cánh là biểu tượng của tổ chức cách mạng bí mật của Cu Ba, tượng trưng cho tự do; bình đẳng; bác ái và máu của những người yêu nước. Đồng thời, ngôi sao năm cánh còn mang ý nghĩa Cu Ba là một dân tộc độc lập. Ba sọc màu xanh thể hiện nước cộng hòa trong tương lai được chia thành 3 miền Đông; Tây và Trung, hai sọc màu trắng thể hiện mục đích trong sáng của nhân dân Cu Ba trong cuộc đấu tranh giành độc lập.

Quốc huy của Cu Ba có hình tấm khiên gồm

có ba phần, phần trên quốc huy là màu xanh tượng trưng cho biển Caribe, giữa biển có hai ngọn núi nhỏ lên, vầng mặt trời nhỏ lên từ mặt biển, chiếc chìa khóa đặt nằm ngang thể hiện Cu Ba là chìa khóa của vịnh Mexico (hòn đảo Cu Ba có hình chiếc chìa khóa), đồng thời thể hiện tầm quan trọng của Cu Ba về vị trí địa lí.

Góc dưới bên trái của quốc huy có các sọc chéo xanh trắng đan xen, thể hiện các tỉnh của Cu Ba dưới thời thuộc địa. Góc dưới bên phải của quốc huy là phong cảnh của Cu Ba gồm có cây cọ, đồng cỏ và dãy núi.

Hai bên rìa quốc huy là tràng hoa do cành cây cao su và cành cây nguyệt quế giao nhau tạo thành, mặt sau của quốc huy là một bó gậy tượng trưng cho quyền uy, bên trên bó gậy là một chiếc “mũ tự do”, thể hiện nhân dân đấu tranh để giành lấy tự do.



Cách mạng giai cấp tư sản của Philippines bùng nổ

Từ năm 1896 tới năm 1902 đã nổ ra cuộc cách mạng của giai cấp tư sản Philippines để thoát khỏi ách thống trị của thực dân; thực hiện độc lập dân tộc. Tháng 7 năm 1892, Bonifacio và những người khác thuộc phe cấp tiến của giai cấp tư sản Philippines đã thành lập tổ chức cách mạng bí mật "Katipunan" (nghĩa là "Hiệp hội quý báu nhất của con cháu dân tộc") tại Manila, để ra chủ trương đoàn kết và dựa vào quần chúng nhân dân, giành lấy độc lập dân tộc bằng đấu tranh vũ trang. Tổ chức "Kaputinan" được đông đảo nhân dân ủng hộ, tới năm 1896, số thành viên tham gia đã lên tới 30.000 người, đồng thời thu hút được người của giai cấp tư sản như Aguinaldo và giới địa chủ.

Cuối năm 1895, "Kaputinan" quyết định phát động cuộc khởi nghĩa vũ trang, gấp rút tiến hành công tác chuẩn bị về nguồn vốn và vũ khí. Dưới sự ủng hộ hết sức của nhân dân Philippines, chỉ mất có vài tháng mà tổ chức đã huy động được 200.000 đồng, mua từ Nhật Bản 100.000 khẩu súng và 150 khẩu pháo.

Tháng 8 năm 1896, "Kaputinan" triệu tập ủy ban tối cao lần thứ 5, thiết lập ra bộ máy lãnh đạo cuộc khởi nghĩa như chủ tịch ủy ban, thư kí quốc vụ, bộ Lục quân, bộ Tư pháp.

Do bị chính quyền thực dân Tây Ban Nha đánh hơi được, "Kaputinan" quyết định phát động khởi nghĩa sớm hơn dự định. Ngày 26 tháng 8, cuộc khởi nghĩa chính thức nổ ra.

Khí mới bắt đầu, tương quan lực lượng giữa quân khởi nghĩa Philippines và thực dân Tây Ban Nha là chênh lệch. Quân khởi nghĩa đa phần là công nhân; nông dân và thợ thủ công chưa trải qua huấn luyện chính quy về chiến thuật, vũ khí mà họ sử dụng là súng trường kiểu cũ, đao lớn, giáo dài, thậm chí là gậy gỗ và đá tảng. Còn quân đồn trú tại Tây Ban Nha tuy chỉ có 1.500 người nhưng lại được trang bị tốt, huấn luyện có bài bản, khả năng chiến đấu rất cao, lại còn có thêm 6.000 quân hỗ trợ người Philippines, đồng thời có hạm đội gồm 10 chiến hạm. Việc này có nghĩa là cuộc cách mạng sẽ rất khó khăn gian khổ...

Cách mạng Philippines thành công

Tuy chênh lệch rất lớn về lực lượng, nhưng cuộc khởi nghĩa của nhân dân Philippines vẫn giành được thắng lợi trọng đại, nhanh chóng giải phóng được một vùng lãnh thổ rộng lớn, đồng thời bao vây cả Manila. Trong tình thế cách mạng phát triển nhanh chóng, chính quyền Tây Ban Nha đã thay đổi Thống đốc mới, đồng thời điều động từ mẫu quốc sang hàng loạt quân chi viện để tiến hành đàn áp cuộc khởi nghĩa. Còn trong nội bộ quân khởi nghĩa khi đó lại nảy sinh chia rẽ, người lập ra tổ chức "Kaputinan" – vị lãnh tụ quan trọng của cuộc khởi nghĩa là Andres Bonifacio bị sát hại. Ngày 2 tháng 11 năm 1897, quân khởi nghĩa tuyên bố thành lập nước cộng hòa Philippines, đồng thời thành lập chính quyền lâm thời do Aguinaldo làm tổng thống.

Cùng với việc ra sức đàn áp khởi nghĩa, chính quyền Tây Ban Nha còn tiến hành dụ hàng. Dưới sự uy hiếp của vũ lực và sức cám dỗ của tiền bạc, Aguinaldo đã thỏa hiệp, kí kết "Hiệp ước Biak-na-Bato" với chính quyền Tây Ban Nha. Theo nội dung hiệp ước, Aguinaldo chấm dứt các hoạt động quân sự, nộp vũ khí đầu hàng, tự động giải

tán chính phủ, đồng thời rời khỏi lãnh thổ lưu vong tới Hongkong. Còn chính quyền Tây Ban Nha sẽ bồi thường tiền bạc cho ông ta, đồng thời ân xá cho những người buông vũ khí.

Sau khi Aguinaldo và những người khác nhận 800.000 peso (có người nói là 400.000 peso) từ tay chính quyền Tây Ban Nha tới Hongkong, cuộc khởi nghĩa bị thất bại nặng nề, nhưng cuộc đấu tranh của nhân dân Philippines không vì thế mà dừng lại.

Đông đảo quần dân Philippines vẫn kiên trì chiến đấu với quân Tây Ban Nha, phong trào cách mạng lại dâng cao, Aguinaldo thành lập "Ủy ban ái quốc" tại Hongkong. Tháng 4 năm 1898, cuộc chiến tranh Mỹ - Tây Ban Nha nổ ra, sau khi đàm phán bí mật với Mỹ, Aguinaldo đi trên chiến hạm của Mỹ trở về Philippines vào tháng 5 cùng năm và tiếp tục lãnh đạo cuộc cách mạng. Tháng 8 năm 1898, ngoài Manila và một số khu vực miền Nam, quân khởi nghĩa Philippines hầu như giải phóng toàn bộ lãnh thổ Philippines. Tháng 6 năm 1898, nước cộng hòa Philippines chính thức tuyên bố thành lập.



NIÊN BIỂU SỰ KIỆN LỊCH SỬ

NĂM	NƯỚC MỸ, NƯỚC ANH	CÁC KHU VỰC KHÁC
1733	John Kay người Anh phát minh ra con thoi bay.	Quân Phổ chiếm Silesia.
1759	Viện bảo tàng Anh được thành lập.	"Chiến tranh Bảy năm" bắt đầu (năm 1756).
1764	James Hargreaves người Anh phát minh ra máy kéo sợi Jenny. James Watt của nước Anh bắt đầu cải tiến máy hơi nước.	
1769	Richard Arkwright người Anh phát minh ra máy kéo sợi thủy lực.	Công chúa nước Áo Maria Antoinette kết hôn với vua Pháp sau này Louis XVI (năm 1770).
1776	Cuộc chiến tranh giành độc lập nổ ra ở nước Mỹ.	
1779	Samull Campton người Anh phát minh ra máy con la.	
1785	Edmund Cartwright người Anh phát minh ra Máy dệt vải thủy lực.	Cách mạng Pháp bùng nổ (năm 1789).
1807	Robert Fulton người Mỹ phát minh ra tàu thủy chạy bằng hơi nước.	Napoleon chiếm Tây Ban Nha.
1812	Chiến tranh Anh – Mỹ nổ ra.	
1814	George Stephenson người Anh nghiên cứu chế tạo thành công đầu máy xe lửa chạy bằng hơi nước.	Triều đại Bourbon của Pháp khôi phục ngai vàng.
1825	Nước Anh xây dựng thành công tuyến đường sắt đầu tiên.	
1832	Cải cách nghị viện Anh.	Nước Pháp bắt đầu cách mạng công nghiệp (năm 1830).
1837	Cung điện Buckingham chính thức trở thành hoàng cung của vua Anh.	
1861	Abraham Lincoln nhậm chức tổng thống Mỹ.	
1868		Chiến tranh giải phóng dân tộc nổ ra ở Cu Ba.



NIÊN BIỂU SỰ KIỆN LỊCH SỬ

NĂM	NƯỚC MỸ, NƯỚC ANH	CÁC KHU VỰC KHÁC
1873	Nhà văn Mark Twain xuất bản cuốn tiểu thuyết "Thời kì vàng son".	Đế quốc Đức thành lập (năm 1871).
1876	Graham Bell người Mỹ phát minh ra điện thoại.	
1894	Sản lượng công nghiệp của nước Mỹ vượt qua nước Anh, vọt lên vị trí đứng đầu thế giới.	
1896		Chiến tranh giành độc lập của Philippines bùng nổ.
1898	Chiến tranh Mỹ - Tây Ban Nha nổ ra.	
1902		Philippines trở thành thuộc địa của Mỹ.

